Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# LÀM QUEN VỚI PHÉP NHÂN, DẤU NHÂN (1 TIẾT)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Làm quen với phép nhân qua các tình huống thực tiễn, nhận biết cách sử dụng dấu nhân “x”.

- Nhận biết ý nghĩa của phép nhân trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

**2.2.Năng lực riêng:**

Thông qua việc tiếp cận một số tỉnh huống đơn giản nêu nhận biết về phép nhân, cách sử dụng dấu “x”, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

Thông qua việc chọn phép nhân phù hợp với tranh vỡ, lập luận nêu quan điểm về phép tính của Quân và Thư, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toàn học. Thông qua việc thao tác với các chấm tròn, biểu diễn phép nhân HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**3. Phẩm chất**

- Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số

- Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. Đồ dùng dạy – học**

**1. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 2 chấm tròn; 10 thẻ, mỗi thẻ 5 chấm tròn; 10 chấm tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**III. Các hoạt động dạy – học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **1. Khởi động**  **1.1. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **1.2. Cách thức tiến hành:**    **-** GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK.  - HS nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh, chẳng hạn:  + Bạn gái và bạn trai đang chơi xếp thẻ  + Bạn gái nói: Mỗi thẻ có 2 chấm tròn, mình lấy ra 5 thẻ  + Bạn trai hỏi: Có tất cả bao nhiêu chấm tròn?  **-** GV đặt vấn đề: Em có thể trả lời câu hỏi của bạn trai không? Có tất cả bao nhiều chấm tròn?  - HS trả lời  - GV khẳng định kết quả: Mỗi thẻ có 2 chấm tròn, 5 thẻ có 10 chấm tròn.  - GV dẫn dắt vào bài mới : Hôm nay, chúng ta sẽ được làm quen với một phép tính mới: Phép nhân  **2. Hình thành kiến thức**  **a. Mục tiêu:**Làm quen với phép nhân qua các tình huống thực tiễn, nhận biết cách sử dụng dấu nhân “x”.  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**. GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tay đặt các thẻ chấm tròn trước mặt, miệng nói: Mỗi thẻ có 2 chấm tròn, 5 thẻ có 10 chấm tròn:  - Chỉ tay vào 5 thẻ chấm tròn trước mặt nói: 2 được lấy 5 lần.  - GV giới thiệu:  2 được lấy 5 lần  Ta có phép nhân 2 × 5 = 10  Đọc là Hai nhân năm bằng mười  - GV yêu cầu HS đọc lại.  - GV giới thiệu dấu nhân, HS lấy dấu nhân trong bộ đồ dùng đưa cho bạn xem, nói: Dấu nhân.  **Hoạt động 2.**HS thao tác tương tự với các phép nhân khác, chẳng hạn:  2 được lấy 3 lần  Ta có phép nhân 2 × 3 = 6  2 được lấy 6 lần  Ta có phép nhân 2 × 6=12  **C. Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Xem hình rồi nói (theo mẫu)**  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh, tay chỉ vào các thẻ chấm tròn và nói theo mẫu  Mẫu:    5 được lấy 3 lần  5 x 3 = 15  - GV đưa ra các trường hợp khác tương tự để HS nắm chắc khái niệm phép nhân.  - Ở bài này, GV chưa nên khai thác kết quả phép nhân, chưa yêu cầu HS tìm kết quả phép nhân.  - HS nên được thực hành nhiều lần, thao tác trên vật thật nói phép nhân tương ứng  **Bài tập 2 : Chọn phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ**    - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, chọn phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ, giải thích cho bạn nghe lí do chọn  - GV hướng dẫn GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát mỗi khay trứng có 6 quả trứng, có 3 khay trứng.  - HS nói: 6 được lấy 3 lần ta có phép nhân 6 x 3.  - GV chữa bài chỉ vào từng tranh vẽ và chốt lại  **Bài tập 3: Xếp các chấm tròn thích hợp với mỗi phép nhân sau:**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm đối xếp các chấm tròn thích hợp với mỗi phép nhân trong bài.  - Với mỗi trường hợp, HS xếp chấm tròn và nói cho bạn nghe phép nhân tương ứng, chẳng hạn:  3 được lấy 5 lần.  Ta có phép nhân: 3 × 5  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân, lần lướt cho tới hết bài  **4. Vận dụng**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4:**  **a. X**em tranh rồi thảo luận về phép tính của Quân và Thư. Theo em bạn nào nêu phép tính đúng ?    b. Kể một tình huống có sử dụng phép nhân trong thực tế  - GV yêu cầu HS xem trang và thảo luận  - Yêu cầu HS nhận xét bạn nào đưa ra phép tính đúng bằng các lập luận chứng cứ của mình. GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép nhân rồi chia sẻ với bạn  **5. Củng cố, dặn dò**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân, hôm sau chia sẻ với các bạn | - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK  - HS trả lời có 10 chấm tròn và giải thích cách tìm kết quả (đếm 2, 4, 6, 8, 10 có 10 chấm tròn hoặc đếm 1, 2, 3,... 10...)  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS chú ý quan sát mẫu và làm bài tập  - HS làm bài tập:  6 được lấy 3 lần, ta có phép nhân 6 x 3.  5 được lấy 2 lần, ta có phép nhân 5 x 2.  4 được lấy 3 lần, ta có phép nhân 4 x 3.  - GV yêu cầu HS quan sát lựa chọn phép nhân thích hợp    - HS thực hiện theo mẫu  - HS nhận xét  a. Bạn Quân nêu phép tính đúng  b. Chẳng hạn: Mỗi hộp có 2chiếc bánh, 3 hộp có 6 chiếc bánh. 2 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: 2 x 3 = 6.  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 53: PHÉP NHÂN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đặt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả phép nhân dựa vào phép công các số hạng bằng nhau

- Nhận biết ý nghĩa của phép nhân trong một số tình huống gắn với thực tiễn

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc nhận biết cách tìm kết quả phép nhân thông qua phép cộng các số hạng bằng nhau và ngược lại, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn để toán học, NL từ duy và lập luận toán học, NL mô hình hoa toán học.
* Thông qua việc nhận biết phép nhân tử các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 2 chấm tròn; 10 thể, mỗi the 5 chấm tròn; 10 chấm tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân.

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phần khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mỗi tàu lượn có 3 bạn, 5 tàu lượn có tất cả 15 bạn.  - GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân: 3 được lấy 5 lần. Ta viết phép nhân 3 × 5 = 15  2. GV đặt vấn đề: Trong tình huống trên các em đã viết được phép nhân. Bài hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách tìm kết quả phép nhân.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết cách tìm kết quả phép nhân dựa vào phép công các số hạng bằng nhau  **b. Cách tiến hành:**    **Hoạt động 1.**HS nhận biết cách tìm kết quả phép nhân.  - GV gắn các thẻ chấm tròn. Nêu vấn đề : Có tất cả bao nhiêu chấm tròn?    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát các thẻ chấm tròn, nhận xét:  3 được lấy 5 lần.  Ta viết phép nhân: 3 × 5 = ?  3 × 5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15  3 x 5 = 15  Vậy: Có tất cả 15 chấm tròn.  **Hoạt động 2.** HS thao tác tương tự với các phép nhân khác, chẳng hạn:    2 × 3 = ?  2 × 3 = 2 + 2 + 2 = 6  2×3=6  Ta có phép nhân: 2 × 3 = 6.    5 x 2 = 2  5 × 2 = 5 + 5 =10  5 x 2 = 10  Ta có phép nhân 5 x 2 = 10.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:Xem hình rồi nói (theo mẫu)**      **-** GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp:  - GV yêu cầu HS quan sát tranh tìm số thích hợp cho ô ? rồi đọc kết quả.  - Nói cho bạn nghe phép nhân tương ứng với mỗi tranh vẽ và cách tìm kết quả của mỗi phép nhân đó.  **Bài tập 2: Chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân (theo mẫu):**  - GV yêu cầu HS thực hiện chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân, viết vào vở.  - HS đổi vở, chữa bài nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài đặt câu hỏi để HS nhận xét khi viết tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân thì phép tính trở nên đơn giản, đỡ cồng kềnh hơn.  - GV chốt lại cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và cách tìm kết quả phép nhân thông qua tổng các số hạng bằng nhau.  **Bài tập 3: Chọn tổng ứng với phép nhân:**    - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, chọn tổng trên toa tàu thích hợp với phép nhân ghi ở mỗi đầu tàu, giải thích cho bạn nghe lí do chọn  - GV chữa bài, nhắc HS có thể viết phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau hoặc ngược lại.  - GV khuyến khích HS tự nêu thêm ví dụ  **Bài tập 4: Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:**    - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ và kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính nhân tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em; khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5: Xem tranh rồi nêu một tình huống có phép toán:**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh niêu một tình huống có phép nhân. GV khuyến khích HS nóii suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.  - HS có thể nêu nhiều tình huống khác nhau có phép nhân trong bức tranh.  - GV yêu cầu HS tìm thêm tình huống có phép nhân trong thực tế.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS hoạt động theo nhóm bàn  - HS chú ý lắng nghe  - GV yêu cầu HS quan sát các thẻ chấm tròn  - HS thao tác tương tự với các phép nhân khác  - HS thực hiện theo cặp  - HS trả lời:  a. 4 x 3 = 4 + 4 + 4 = 12  4 x 3 = 12  b. 5 x 2 = 5 + 5 = 10  5 x 2 = 10  c. 6 x 3 = 6 + 6 + 6 = 18  6 x 3 = 18  - HS làm bài tập:  - HS chữa bài, nhận xét bài của bạn  - HS thảo luận theo cặp  - HS giải thích cho bạn lí do  - HS đưa thêm ví dụ  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và nêu tình huống xảy ra với mỗi bức tranh  - HS làm bài:  a) Mỗi nhóm có 4 con gà, có 5 nhóm. Vậy 4 được lấy 5 lần. Ta có phép nhân 4 x 5 = 4 +4 +4 +4 +4= 20. Vậy có tất cả 20 con gà.  b) Mỗi nhóm có 2 bạn, có 5 nhóm. Vậy 2 được lấy 5 lần. Ta có phép nhân: 2×5=2+2+2+ 2 + 2 = 10. Vậy có tất cả 10 bạn.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và nêu tình huống có phép nhân  - HS khác bổ sung nhận xét  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 54: THỪA SỐ - TÍCH (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Bước đầu biết tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân

- Cũng có cách tìm kết quả của phép nhân

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc nhận biết thành phần và kết quả phép nhân, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Các thẻ số; thẻ dấu, thẻ ghi các chữ chỉ thành phần, kết quả phép nhân: Thừa số; Thừa số; Tích.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài  **b. Cách thức tiến hành:**  1. GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK và phép nhân: 2 x 4 = 8.  2. GV đặt vấn đề: Bài hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Nắm được các thành phần của một phép nhân  **b. Cách tiến hành:**    **Hoạt động 1.** HS nhận biết cách tìm kết quả phép nhân  - GV gắn phép nhân lên bảng, hướng dẫn HS gọi tên từng thành phần và kết quả của phép nhân:   |  | | --- | | 2 x 4 = 8  Thừa số Thừa số Tích |   Lưu ý: Trong phép nhân 2 × 4 = 8, 8 là tích, 2 × 4 cũng gọi là tích  - GV lấy ví dụ củng cố về tên gọi thành phần và kết quả phép nhân vừa học  + Viết một phép nhân lên bảng, chẳng hạn: 3 x 4 = 12 chỉ vào từng số, HS nêu: thừa số, tích  + HS viết phép nhân vào bảng con khi nghe GV đọc thừa số, tích của phép nhân đó, chẳng hạn: Viết phép nhân biết các thừa số là 6 và 5 tích là 30.  **Hoạt động 2.**HS tự viết một phép nhân rồi đó bạn nêu đâu là thừa số, đâu là tích trong phép nhân đó.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Nêu thừa số, tích trong các phép tính sau: 5 x 2 = 10 và 4 x 3 = 12**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  - Nếu thừa số, tích trong các phép nhân  - Chỉ và nói cho bạn nghe kết quả.  **Bài tập 2: Tìm tích biết các thừa số lần lượt là:**  **2 và 3 ; 4 và 5**  - GV yêu cầu HS thực hiện tìm tích với các thừa số đã cho rồi viết vào vở  - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 3: Thực hành lập “tích”**    - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Lập tích”:  + Mỗi bạn lấy hai thẻ số rồi viết tích lập được từ hai thẻ số đó ra bảng con. Chẳng hạn, từ hai thẻ số 3 và 5, HS có thể lập được các tích: 3x5 hoặc 5x3.  + GV yêu cầu HS thực hiện nhiều lần, nói cho bạn nghe tích mình lập được là gì, tích đó lập được từ những thừa số nào  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần nhớ? Lấy ví dụ: | - HS chú ý lắng nghe GV  - HS chú ý lắng nghe GV hướng dẫn  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS lấy thêm ví dụ về phép nhân và chỉ ra các thành phần  - HS thực hiện theo cặp đôi  - HS nêu thừa số, tích  - HS làm bài:  2 x 3 = 6  4 x 5 = 20  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - HS chú ý GV hướng dẫn cách chơi  - HS trả lời GV |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 55: BẢNG NHÂN 2 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong Bảng nhân 2 và thành lập Bảng nhân 2.

- Vận dụng Bảng nhân 2 để tính nhấn và giải quyết một số tình huống gắn với

thực tiễn

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong Bảng nhân 2, vận dụng Bảng nhân 2 để tính nhằm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán
* Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 2 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong Bảng nhân

- Các thẻ giấy ghi các số 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đếm cách 2”  HS tự rút một thẻ số rồi đếm cách 2 bắt đầu từ số ghi trên thẻ vừa rút đến 20. Chẳng hạn nếu rút được thẻ số 6, HS đếm: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20.  2. GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mỗi nhóm có 2 bạn, 3 nhóm có 6 bạn.  - GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:  2 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: 2 x 3=6  - GV khai thác bức tranh, có thể dùng máy chiếu để phát triển thêm bức tranh bằng cách xuất hiện thêm các nhóm, mỗi nhóm 2 bạn.  Chẳng hạn: Nếu có thêm 1 nhóm 2 bạn nữa thì ta có phép nhân nào? (2 × 4= 8).  Nếu tiếp tục thêm 1 nhóm 2 bạn nữa thì sao? 2 được lấy mấy lần?  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS nắm được bảng nhân 2, áp dụng bảng nhân 2 để làm bài tập  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1**. HS thành lập Bảng nhân 2  - HS lần lượt lấy ra các tấm thẻ, mỗi thẻ có 2 chấm tròn rồi lần lượt nêu các phép nhân tương ứng, chẳng hạn:  + Tay đặt 1 tấm thẻ miệng nói:  2 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân: 2 × 1 = 2  + Tay đặt 2 tấm thẻ miệng nói:  2 được lấy 2 lần. Ta có phép nhân: 2 ×2 = 4  + Tay đặt 3 tấm thẻ miệng nói:  2 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: 2 × 3 = 6  - HS tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành Bảng nhân 2.  **Hoạt động 2.** GV giới thiệu Bảng nhân 2, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ Bảng nhân 2 rồi đọc cho bạn nghe  **Hoạt động 3.** Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời các phép tính trong Bảng nhân 2.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1**: Tính nhẩm  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp:  - Tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng Bảng nhân 2 để tìm kết quả).  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính  **Bài tập 2: Tính (theo mẫu):**  - GV yêu cầu HS thực hiện phép nhân với các số có kèm đơn vị đo đã học.  - HS đổi vở, chữa bài nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS nhận xét nêu cách thực hiện, cách ghi kết quả khi nhân với các số có kèm đơn vị đo.  - GV tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn kết quả với thẻ “phép tính” tương ứng.  **Bài tập 3**:  **a) Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:**  b) **HS kể một tình huống có sử dụng phép nhân 2 ×4 trong thực tế.**    - GV yêu cầu cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.  - HS nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh,  - HS chia sẻ trước lớp.  - GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu thấy/cô không phải có 5 chậu hoa mà có 7 chậu hoa thì thầy/cô có tất cả bao nhiều bông hoa? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đố bạn trả lời.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Trò chơi “Kết bạn”:**    - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Kết bạn”:  + HS đúng vòng tròn hỏi chủ trò: Kết mấy? Kết mấy?  + Chủ trò đưa ra yêu cầu, chẳng hạn: Kết 4. Kết 4  +HS tìm nhau để kết thành nhóm 4.  - GV lại hỏi: Mỗi người có 2 chân, 4 người có mấy chân? Nêu phép nhân tìm tất cả số chân.  - HS chơi nhiều lần.  - GV yêu cầu HS tìm thêm tình huống có phép nhân trong thực tế  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì  - Về nhà, các em đọc lại Bảng nhân 2 và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc Bảng nhân 2. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong Bảng nhân 2, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS chơi trò chơi theo sự hướng dẫn của GV  - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong hình  - HS trả lời GV  - GV yêu cầu HS đọc bảng nhân 2    - GV yêu cầu HS tính nhẩm  - GV yêu cầu HS quan sát mẫu và thực hiện các phép tính  - HS nhận xét bài của bạn  a.  + Mỗi châu hoa có 2 bông hoa hồng, có 5 châu hoa. Vậy 2 được lấy 5 lần  Ta có phép nhân: 2 × 5 = 10. Vậy có tất cả 10 bông hoa.  + Mỗi bạn có 2 chiếc vợt bóng bản, có 3 bạn. Vậy 2 được lấy 3 lần.  Ta có phép nhân: 2 × 3 = 6. Vậy có tất cả 6 chiếc vợt bóng bàn  b. HS tự kể thêm các tình huống khác  - HS chú ý GV hướng dẫn  - HS chơi nhiều lần  - HS trả lời GV |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 56: BẢNG NHÂN 5 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong Bang nhiên 5 và thành lập Bảng nhân 5.

- Vận dụng Bảng nhân 5 đề tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong Bảng nhân 5, vận dụng Bảng nhân 5 để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoa toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.
* Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 5 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong Bảng nhân 5

- Các thẻ giấy ghi các số: 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. GV tổ chức chơi trò chơi: “Đố bạn” hoặc “Truyền điện”, “Truyền bóng" ôn lại Bảng nhân 2  2. GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh: Mỗi hàng có 5 bạn đang tập thể dục 3 hàng có 15 bạn.  - GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:  5 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: 5 x 3 = 15  - GV khai thác bức tranh, có thể dùng máy chiếu để phát triển thêm bức tranh bằng cách xuất hiện thêm các hàng, mỗi hàng 5 bạn.  Chẳng hạn: Nếu có thêm 1 hàng 5 bạn nữa thì ta có phép nhân nào? (5 x 4 = 20)  Nếu tiếp tục thêm 1 hàng 5 bạn nữa thì sao? 5 được lấy mấy lần?  …………….  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS nắm được bảng nhân 5  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**GV hướng dẫn HS thành lập Bảng nhân 5  - HS lần lượt lấy ra các tấm thẻ, mỗi thẻ có 5 chấm tròn rồi lần lượt nêu các phép nhân tương ứng, chẳng hạn:  + Tay đặt 1 tấm thẻ miệng nói:  5 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân: 5 × 15  + Tùy đặt 2 tấm thẻ, miệng nói:  5 được lấy 2 lần. Ta có phép nhân: 5 × 2 10  + Tay đặt 3 tấm thẻ miệng nói:  5 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: 5 × 3 = 15  - HS tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành Bảng nhân 5.  **Hoạt động 2.**. GV giới thiệu Bảng nhân 5, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ Bảng nhân 5 rồi đọc cho bạn nghe.  **Hoạt động 3.** Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời các phép tính trong Bảng nhân 5.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính nhẩm**  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo cặp  - HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng Bảng nhân 5 để tìm kết quả).  - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  **Bài tập 2: Tính**  - GV yêu cầu HS thực hiện phép nhân với các số có kèm đơn vị đo đã học.  - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS nhận xét, nêu cách thực hiện, cách ghi kết quả khi nhân với các số có kèm đơn vị do  - Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thế “kết quả” để gắn kết quả với thẻ phép tính” tương ứng.  **Bài tập 3:**  **a. Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:**  **b)HS kể một tình huống có sử dụng phép nhân 5 × 3 trong thực tế.**    - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp vào vở hoặc bảng con.  - HS nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh  - HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu thấy/cô không phải có 3 bể cá mà có 6 bể cá như thể thì thầy/cô có tất cả bao nhiều con cá Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đố bạn trả lời.  **b)**HS kể một tình huống có sử dụng phép nhân 5 × 3 trong thực tế.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4**  a) GV hướng dẫn HS chơi trò chơi “Đếm cách 5”  - Các em đã bao giờ chơi trò chơi “Trốn tìm” chưa? Trong trò chơi đó, chúng ta đếm thế nào?  - HS cùng nhau đếm “năm, mười, mười lăm, HS tự rút một thẻ số rồi đếm cách 5 bắt đầu từ số ghi trên thẻ vừa rút đến 50. Chẳng hạn, nếu rút được thẻ số 15, HS đếm: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50.  b) HS thảo luận nhóm xếp các chấm tròn thích hợp với phép nhân 5 × 5; 5 × 7  - GV đặt câu hỏi để HS nêu được: 5 được lấy 5 lần. Ta có phép nhân: 5 × 5 = 25.  5 được lấy 7 lần. Ta có phép nhân: 5 ×7=35.  - HS có thể nếu các phép nhân khác rồi đố bạn xếp các chấm tròn thích hợp.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS. Qua bài này các em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, các em đọc lại Bảng nhân 5 và đổ mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc Bảng nhân 5. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong Bảng nhân 5, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh    - HS trả lời  - HS chú ý quan sát GV  - HS chú ý lắng nghe GV  - HS chơi trò chơi “Đố bạn”  - HS thực hiện theo cặp  5 x 3 = 15 5 x 7 = 35  5 x 6 = 30 5 x 4 = 20  5 x 1 = 5 5 x 5 = 25  5 x 9 = 40 5 x 10 = 50  5 x 2 = 10 5 x 8 = 40  - HS tính:  5 kg x 2 = 10 kg  5 kg x 4 = 20 kg  5 cm x 8 = 40 cm  5 dm x 9 = 45 dm  5 l x 7 = 35 l  5 l x 5 = 25 l  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, viết phép nhân vào bảng:  5 x 3 = 15  5 x 4 = 20  - Hs chia sẻ trước lớp:  + Mỗi bình cá có 5 con cá, có 3 bình cá. Vậy 5 được lấy 3 lần,  Ta có phép nhân: 5 x 3 = 15, Vậy có tất cả 15 con cái.  + Mỗi thuyền có 5 người, có 4 thuyền. Vậy 5 được lấy 4 lần. Ta có phép nhân: 5 x 4 = 20, Vậy có tất cả 20 người trên thuyền.  - HS suy nghĩ trả lời  - HS thực hiện các bước theo hướng dẫn của GV  - HS thảo luận nhóm  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 57: LÀM QUEN VỚI PHÉP CHIA – DẤU CHIA (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép chia qua các tình huống “chia đều trong thực tiễn, nhận biết cách sử dụng dấu chia “:”.

- Nhận biết ý nghĩa của phép chia trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu nhận biết về phép chia, cách sử dụng dấu".” HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc chọn phép chia phù hợp với tranh vẽ, lập luận nêu quan điểm về cách chọn, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc thao tác với các chấm tròn, biểu diễn phép chia, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 chấm tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép chia

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 và thực hiện lần lượt các hoạt động:  a) Nói với bạn: Em đã bao giờ nghe từ chia đều chưa? Em hiểu “chia đều” là thế nào? Đại diện một nhóm HS lên chia sẻ trước lớp và thao tác chia đều (sử dụng vật thật như que tính, chấm tròn, kẹo,...).  b) Thực hiện thao tác “chia đều” dưới sự hướng dẫn của GV:  + Lấy ra 6 hình tròn, chia đều cho 2 bạn (đưa cho bạn thứ nhất 1 hình tròn, đưa cho bạn thứ hai 1 hình tròn, cứ như vậy cho đến khi hết số hình tròn).  + Trả lời câu hỏi: Mỗi bạn được máy hình tròn?  + Nêu lại tình huống vừa thực hiện: 6 hình tròn, chia đều cho 2 bạn, mỗi bạn được 3 hình tròn  - GV yêu cầu HS thực hiện với một số trường hợp khác rồi nói tình huống vừa thực hiện.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS làm quen với phép chia, dấu chia  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**Nhận biết phép chia, dấu chia  - GV giới thiệu: Vừa rồi các em đã thực hiện thao tác chia đều trên que tính. bây giờ quan sát thầy/cô thao tác trên bảng. GV gắn 6 hình tròn lên bảng rồi làm thao tác chia đều cho 2 bạn, nhấn mạnh từng lần chia như hướng dẫn trong SGK.  - GV giới thiệu:  6 hình tròn chia đều cho 2 ban.  Mỗi bạn được 3 hình tròn.  Ta có phép chia 6 : 2 = 3.  Đọc là : Sáu chia hai bằng ba  - GV giới thiệu dấu chia, HS lấy dấu chia trong bộ để dùng đưa cho bạn xem, nói: Dấu chia.  - GV yêu cầu HS đọc lại chỉ và nói cho bạn nghe nội dung trong khung kiến thức SGK.  **Hoạt động 2.** GV thực hiện tương tự với một số tình huống khác, HS nêu phép chia tương ứng (viết ra bảng con, hoặc bảng gài).  Ví dụ: 4 hình tròn chia đều cho 2 bạn. Mỗi bạn được 2 hình tròn. Ta có phép chia nào? (HS viết 4 : 2 = 2).  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Thực hiện hoạt động sau rồi nêu phép chia tương ứng:**  **a. Chia đều 8 hình tròn cho 2 bạn**  **b. Chia đều 6 hình tròn cho 3 bạn**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  - HS thao tác chia đều các chấm tròn, rồi nêu phép chia tương ứng:  - GV đưa ra các trường hợp khác, tương tự để HS thao tác và nếu phép chia; khuyến khích HS nói để diễn đạt đúng ý nghĩa của phép chia gắn với thao tác chia đều trong các tình huống đó.  **Bài tập 2: Xem tranh rồi nói phép chia (theo mẫu):**    - GV yêu cầu HS xem tranh thảo luận theo cặp nói phép chia theo mẫu:  -GV tập trung trọng tâm vào giúp HS diễn tả được phép chia gắn với thao tác chia đều. Nếu sử dụng vở bài tập, GV có thể cho HS dùng bút chì nối để thể hiện thao tác chia đều  **Bài tập 3: Chọn phép chia thích hợp với tranh vẽ**    - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, chọn phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ, giải thích cho bạn nghe lí do chọn.  - GV hướng dẫn GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh chọn phép chia phù hợp với tình huống trong tranh.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép chia rồi chia sẻ với bạn.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS hoạt động theo nhóm 4  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS thực hiện cá nhân một số trường hợp khác  - HS chú ý quan sát GV thực hiện  - HS chú ý lắng nghe  - GV yêu cầu HS đọc lại nội dung kiến thức SGK  6 hình tròn chia đều cho 2 ban.  Mỗi bạn được 3 hình tròn.  Ta có phép chia 6 : 2 = 3.  Đọc là : Sáu chia hai bằng ba  - HS nêu phép chia tương ứng  a) Chia đều 8 hình tròn cho 2 bạn. Mỗi bạn được 4 hình tròn. Ta có phép chia 8 : 2 = 4.  b) Chia đều 6 hình tròn cho 3 bạn. Mỗi bạn được 2 hình tròn. Ta có phép chia 6 : 3 = 2.  - HS thực hiện bài tập  a. Có 9 quả dâu tây, chia đều vào cho 3 hộp. Mỗi hộp có 3 chiếc bánh.  Ta có phép chia 9 : 3 = 3  b. Có 8 củ cà rốt, chia đều cho 4 bạn thỏ. Mỗi bạn Thỏ được 2 củ cà rốt.  Ta có phép chia : 8 : 4 = 2  - HS thảo luận theo cặp, làm và giải thích cách làm :  + 15 củ cải trắng bỏ đều thành 3 bó, mỗi bộ có 5 củ cải  Ta có phép chia: 15 : 3 = 5  + 12 chiếc bánh xếp đều vào 2 đĩa, mỗi đĩa có 6 chiếc bánh  Ta có phép chia: 12 : 2 = 6  - HS nghĩ ra các tình huống  VD : Có 6 quyển vở xếp đều vào 2 ngăn, mỗi ngăn có 3 quyền  Ta có phép chia 6 : 2 = 3.  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 58: PHÉP CHIA (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết ý nghĩa của phép chia trong một số tỉnh huống "chia theo nhóm" trong thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc nhận biết ý nghĩa phép chia gắn với thao tác chia theo nhóm HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoa toán học.
* Thông qua việc nhận biết phép chia từ các tỉnh huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 chấm tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép chia

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phần khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 và thực hiện lần lượt các hoạt động  a) Thực hiện thao tác “chia theo nhóm” dưới sự hướng dẫn của GV:  +Lấy ra 8 hình vuông, chia cho mỗi bạn 4 hình vuông (đưa cho bạn thứ nhất 4 hình vuông, sau đó lại đưa tiếp cho bạn thứ hai 4 hình vuông).  +Trả lời câu hỏi: Có mấy bạn được chia?  + Nêu lại tình huống vừa thực hiện: 8 hình vuông, chia cho mỗi bạn 4 hình vuông. Có 2 bạn được chia  b) Thực hiện tương tự với các trường hợp khác, chẳng hạn:  8 hình vuông, chia cho mỗi bạn 2 hình vuông. Có 4 bạn được chia.  6 hình vuông, chia cho mỗi bạn 3 hình vuông. Có 2 bạn được chia  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS làm quen với phép chia, nắm được cách viết, cách đọc phép chia  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** Nhận biết phép chia  - GV giới thiệu: Vừa rồi các em đã thực hiện thao tác chia theo nhóm với các hình vuông, bây giờ quan sát thầy/cô thao tác trên bảng. GV gắn 8 hình vuông lên bảng rồi làm thao tác chia theo nhóm đưa 4 hình vuông cho cho mỗi bạn, nhấn mạnh từng lần chia như hướng dẫn trong SGK.  - GV giới thiệu:  8 hình vuông chia cho mỗi bạn 4 hình vuông.  Có 2 bạn được chia.  Ta có phép chia 8 : 4 = 2.  Đọc là Tám chia bốn bằng hai.  - GV yêu cầu HS đọc lại, chỉ và nói cho bạn nghe nội dung trong khung kiến thức SGK.  **Hoạt động 2.** HS thực hành thao tác chia theo nhóm với một số tình huống khác rồi nêu phép chia tương ứng (viết ra bảng con, hoặc bảng gài).  Ví dụ: 6 hình vuông chia cho mỗi bạn 2 hình, có 3 bạn được chia. Ta có phép chia: 6 : 2 = 3.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Thực hiện hoạt động sau rồi nêu phép chia thích hợp**  **a. Lấy 10 hình vuông, chia cho mỗi bạn 5 hình vuông**  **b. Lấy 12 hình vuông, choa cho mỗi bạn 3 hình vuông**    - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp: HS thao tác chia theo nhóm sử dụng các chấm tròn (hình vuông, que tính), rồi nêu phép chia tương ứng.  - GV đưa ra các trường hợp khác tương tự để HS thao tác và nếu phép chia; khuyến khích HS nói để diễn đạt đúng ý nghĩa của phép chia gắn với thao tác chia theo nhóm trong các tình huống đó.  **Bài tập 2: Xem tranh rồi nói phép chia (theo mẫu):**    - HS xem tranh thảo luận theo cặp, nói phép chia theo mẫu:  - GV giúp HS diễn tả được phép chia gắn với thao tác chia theo nhóm. Nếu sử dụng vở bài tập, GV có thể cho HS dùng bút chỉ khoanh vào từng nhóm 3 cây để biểu diễn cho việc xếp vào mỗi giỏ 3 cây.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 3:Xem tranh rồi nêu một tính hướng có phép chia:**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh nêu một tình huống có phép chia. GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bảy thuyết phục.  - GV cho HS nêu nhiều tình huống khác nhau có phép chia trong bức tranh.  - GV yêu cầu HS tìm thêm tình huống có phép chia trong thực tế.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia hôm sau chia sẻ với các bạn | - HS chú ý lắng nghe GV phân tích  - GV yêu cầu HS đọc lại kiến thức SGK:  8 hình vuông chia cho mỗi bạn 4 hình vuông.  Có 2 bạn được chia.  Ta có phép chia 8 : 4 = 2.  Đọc là: Tám chia bốn bằng hai  - HS thực hiện theo cặp  a. Lấy 10 hình vuông, chia cho mỗi bạn 5 hình vuông, có 2 bạn được chia Ta có phép chia: 10 : 5 = 2.  b) Lấy 12 hình vuông, chia cho mỗi bạn 3 hình vuông, có 4 bạn được chia. Ta có phép chia: 12 : 3 = 4  - Có 9 cây con, xếp vào mỗi giỏ 3 cây. Xếp được 3 giỏ  Ta có phép chia:  9 : 3 = 3 (cây)  -GV yêu cầu HS quan sát tranh nêu tình huống có phép chia:  - GV nhận xét các tình huống  - HS trả lời GV |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 59: PHÉP CHIA (TIẾP THEO) (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả của phép chia dựa vào phép nhân tương ứng. Từ một phép nhân viết được hai phép chia tương ứng.

- Nhận biết ý nghĩa của phép chia trong một số tình huống gắn với thực tiễn. Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc nhận biết từ một phép nhận viết được hai phép chia tương ứng, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoả toán học.
* Thông qua việc kể chuyện theo bức tranh có tình huống gắn với ý nghĩa của phép chia HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số bộ thẻ gồm một phép nhân và hai phép chia tương ứng, chẳng hạn:

12 : 3 = 4

12 : 4 = 3

4 x 3 = 12

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  **-** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 và thực hiện lần lượt các hoạt động:  1. Chơi trò chơi “Truyền điện” đố bạn ôn lại Bảng nhân 2, Bảng nhân  2. Thực hiện thao tác sau:  + Quan sát tranh, đọc các thẻ phép tính.  + Cùng nhau kiểm tra kết quả phép tính (có thể dùng đồ dùng trực quan hỗ trợ).  + Nhận xét thành phần và kết quả của các phép tính trên thẻ (ba phép tính này đều được lập từ các số 4; 3; 12).  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Thực hành bài tập liên quan tới phép chia  **b. Cách tiến hành:**  - GV giới thiệu:  4 x 3 = 12 12 : 4=3  12 : 3 = 4  - GV yêu cầu HS đọc lại, chỉ và nói cho bạn nghe nội dung trong khung kiến thức SGK. GV lấy thêm ví dụ tương tự để minh hoạ.  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp: tự nêu một phép nhân đã học rồi đố bạn viết thành hai phép chia tương ứng.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa học  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Cho phép nhân, nêu hai phép chia thích hợp:**  **a. 2 x 7 = 14 14 : 2 = ?**  **14 : 7 = ?**  **b. 5 x 3 = 15 ? : ? = ?**  **? : ? = ?**  - Thực hiện theo cặp: GV yêu cầu HS đọc phép nhân và nêu hai phép chia tương ứng. HS chia sẻ với bạn cách quan sát, cách suy nghĩ để khi nhìn vào một phép nhân có thể viết được hai phép chia tương ứng.  - GV yêu cầu HSnêu thêm các phép nhân khác đã học đố bạn nêu hai phép chia tương ứng.  **Bài tập 2: Số ?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **2 x 5 = ?**  **10 : 2 = ?**  **10 : 5 = ?** | **2 x 10 = ?**  **20 : 2 = ?**  **20 :10 = ?** | **5 x 8 = ?**  **40 : 5 = ?**  **40 : 8 = ?** |   - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát các biểu thức nhân  - HS làm việc cá nhân  - HS đổi vở chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  **Bài tập 3: Nêu phép nhân và phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh nêu phép nhân phù hợp với tình huống trong bức tranh rồi từ phép nhân đó nêu hai phép chia tương ứng.  - HS nói cho bạn nghe lập luận của mình khi viết phép nhân phù hợp với tình huống và hai phép chia tương ứng.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành: Bài tập 4**  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh kể chuyện theo các bức tranh có sử dụng phép chia 8:2.  - GV khuyến khích HS tưởng tượng, kể theo suy nghĩ của mình.  - GV có thể kể cho HS nghe, chẳng hạn: Cún con nhìn thấy trong bể cá có 8 con cá vàng, mải nhìn theo cá bởi cún con lỡ làm đổ bể cá, may sao có hai bạn nhỏ nhìn thấy đã chia đều 8 con cá vào 2 bình mang đi.  8 con cá chia đều vào 2 bình, mỗi bình có 4 con cá. Ta có phép chia: 8 : 2 = 4  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS tham gia trò chơi  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - GV yêu cầu HS đọc lại nội dung trong SGK:  Từ một phép nhân ta viết được hai phép chia tương ứng:  4 x 3 = 12 12 : 4=3  12 : 3 = 4  - HS thực hiện phép tính:  **a. 2 x 7 = 14 14 : 2 = 7**  **14 : 7 = 2**  **b. 5 x 3 = 15 15 : 3 = 5**  **15 : 5 = 3**  - HS điền vào chỗ ?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2x5= 10  10:2 = 5  10:5 = 2 | 2x10 =20  20:2 =10  20:10=2 | 5x8 =40  40:5=8  40:8 =5 |   - GV yêu cầu HS quan sát và nêu phép nhân phù hợp:  Mỗi xích đu có 2 bạn nhỏ, 4 xích đu có 8 bạn nhỏ.  2 được lấy 4 lần.  Ta viết phép nhân: 2 × 4 = 8.  Từ phép nhân: 2 × 4 = 8 ta viết được hai phép chia 8 : 4 = 2; 8 : 2 = 4.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh kể chuyện  - GV khác nhận xét bổ sung ý kiến  - HS chú ý lắng nghe GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 60: BẢNG CHIA 2 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong Bảng chia 2 và thành lập Bảng chia 2

- Vận dụng Bảng chia 2 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép chia trong Bảng chia 2, vận dụng Bảng chia 2 để tính nhấm HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoa toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán
* Thông qua việc nhận biết phép chia từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 2 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép chia trong Bảng chia 2

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. HS chơi trò chơi: Ôn lại Bảng chia 2.  2. Một GV yêu cầu HS đọc ngẫu nhiên một phép tính trong Bảng chia 2 rồi mời bạn bất kì nêu hai phép chia tương ứng.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Tìm được kết quả các phép tính trong Bảng chia 2 và thành lập Bảng chia 2  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** GV đặt vấn đề: Thầy/cô có phép tính 6 : 2 = ?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và nêu các cách tìm kết quả phép chia trên.  - HS thảo luận và chia sẻ các cách tìm kết quả phép chia (HS có thể lấy 6 chấm tròn, chia đều thành 2 phần, mỗi phần có 3 chấm tròn. Ta có phép chia: 6:2=3 hoặc HS dựa vào phép nhân 2 × 3 = 6. Vậy 6:2=3).  - GV chốt lại cách làm.  **Hoạt động 2.** HS thành lập Bảng chia 2  GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, thảo luận tìm kết quả các phép tính trong Bảng chia 2 rồi điền kết quả vào bảng   |  | | --- | | 2:2 = ..... 4:2= .....  6:2 =..... 8:2= .....  10:2= ..... 12:2 = .....  14:2 = ..... 16:2 = .....  18:2 = ..... 20:2 = ..... |   3. GV giới thiệu Bảng chia 2, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ Bảng chia 2 rồi đọc cho bạn nghe.  4. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời các phép tính trong Bảng chia 2  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính nhẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **4 : 2**  **6 : 2**  **12 : 2** | **14 : 2**  **16 : 2**  **10 : 2** | **18 : 2**  **2 : 2**  **20 : 2** |   - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  - Cá nhân HS tìm kết quả các phép chia nếu trong bài (có thể sử dụng Bảng chia 2 để tim kết quả).  - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  **Bài tập 2: Tính (theo mẫu)**  **10 kg : 2 18 cm : 2 16 l : 2**  **14 kg : 2 20dm : 2 12 l : 2**  - GV yêu cầu HS thực hiện phép chia với các số kèm đơn vị đo đã học.  - HS đổi vở, chữa bài, nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS nhận xét, nêu cách thực hiện, cách ghi kết quả khi chia với các số có kèm đơn vị đo  - GV tổ chức thành trò chơi chọn thẻ "kết quả" để gắn kết quả với thể “phép tính" tương ứng  **Bài tập 3 : Tính nhẩm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **2 x 3**  **6 : 2**  **6 : 3** | **2 x 6**  **12 : 2**  **12 : 6** | **2 x 9**  **18 : 2**  **18 : 9** |   - Cá nhân HS tìm kết quả của phép nhân và phép chia nêu trong bài (có thể sử dụng Bảng chia 2 để tìm kết quả).  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  **Bài tập 4: Xem tranh rồi nói phép chia thích hợp:**    **a. Có 10 quả thông chia đều cho 2 bạn Sóc. Mỗi bạn Sóc được 5 quả thông**  **Ta có phép chia: [?] (?) [?] = [?]**    **b. Có 8 bánh xe lắp vào mỗi xe đạp 2 bánh. Lắp đủ cho 4 xe đạp**  **Ta có phép chia: [?] (?) [?] = [?]**  - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép chia thích hợp vào vở hoặc bảng con.  - HS nói cho bạn nghe tình huống và phép chia phù hợp với từng bức tranh  - GV đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép chia tương ứng. Chẳng hạn nếu 6 quả thông, chia đều cho 2 bạn Sóc. Mỗi bạn Sóc có mấy quả thông. Ta có phép tính nào?  - GV khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đố bạn trả lời.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5:Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 2**  - Gv yêu cầu HS suy nghĩ kể tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong Bảng chia 2 rồi chia sẻ với các bạn.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Về nhà các em đọc lại Bảng chia 2 và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc Bảng chia 2 không. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong Bảng chia 2, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS thảo luận theo nhóm  - HS chia sẻ kết quả phép tính  - HS thành lập và đọc lại bảng chia 2    - HS chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập lại Bảng chia 2  - HS thực hiện tính nhẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 4:2=2  6:2=3  12:2=6 | 14:2=7  16:2=8  10:2=5 | 18:2=9  2:2=1  20:2=10 |   - HS trả lời  10 kg : 2 = 5 kg  18 cm : 2 = 9 cm  16 l : 2 = 8 l  14 kg : 2 = 7 kg  20 dm : 2 = 10 dm  12 l : 2 = 6 l  - GV yêu cầu HS tính nhẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2x3=6  6:2=3  6:3=2 | 2x6=12  12:2=6  12:6=2 | 2x9=18  18:2=9  18:9=2 |   - HS xem tranh rồi nói phép chia thích hợp:  a. Có 10 quả thông, chia đều cho 2 bạn Sóc. Mỗi bạn Sóc được 5 quả thông  Ta có phép chia: 10 : 2 =5.  b. Có 8 bánh xe, lắp vào mỗi xe đạp 2 bánh. Lắp đủ cho 4 xe đạp.  Ta có phép chia: 8 : 2 = 4.  - HS tìm thêm các bài toán tương tự và thực hiện phép tính  - HS kể tình huống  - HS chú ý lắng nghe GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 61: BẢNG CHIA 5

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong Bảng chia 5 và thành lập Bảng chia 5

- Vận dụng Bảng chia 5 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn. Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép chia trong Bảng chia 5 v dụng Bảng chia 5 để tinh nhằm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoa toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán,
* Thông qua việc nhận biết phép chia từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL. giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 5 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép chia trong Bảng chia 5

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. HS chơi trò chơi: Ôn lại Bảng chia 5  2. Một GV yêu cầu HS đọc ngẫu nhiên một phép tính trong Bảng chia 5 rồi mời bạn bất kì nêu hai phép chia tương ứng.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Tìm được kết quả các phép tính trong Bảng chia 5 và thành lập Bảng chia 5  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** GV đặt vấn đề. Thầy/cô có phép tính 10 : 5 = ?  - HS thảo luận nhóm và nêu các cách tìm kết quả phép chia trên.  - HS thảo luận và chia sẻ các cách tìm kết quả phép chia (HS có thể lấy 10 chấm tròn, chia đều thành 5 phần, mỗi phần có 2 chấm tròn. Ta có phép chia 10 : 2 = 5 hoặc HS dựa vào phép nhân 5 × 2 = 10. Vậy 10 : 5 = 2  - GV chốt lại cách làm  **Hoạt động 2.** HS thành lập Bảng chia 5.  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, thảo luận tìm kết quả các phép tính trong Bảng chữa 5 rồi điền kết quả vào bảng   |  | | --- | | 5 : 5 =…. 30 : 5 = .....  10 : 5 =….. 35 : 5 =.....  15 : 5 =….. 40 : 5 =.....  20 : 5 = ..... 45 : 5 =.....  25 : 5 = ..... 50 : 5 = ..... |   3. GV giới thiệu Bảng chia 5, HS đọc. HS chủ động ghi nhớ Bảng chia 5 rồi đọc cho bạn nghe  4. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời các phép tính trong Bảng chia 5  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1**: **Tính nhẩm**  **10 : 5 5 : 5 15 : 5**  **30 : 5 25 : 5 50 : 5**  **40 : 5 45 : 5 35 : 5**  - Thực hiện theo cặp:  - Cá nhân HS tìm kết quả các phép chia nêu trong bài (có thể sử dụng Bảng chia 5 để tìm kết quả).  - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  **Bài tập 2: Tính:**  **15 kg : 5 35 cm : 5 45 l : 5**  **20 kg : 5 50 dm : 5 30 l : 5**  - GV yêu cầu HS thực hiện phép chia khi các số có kèm đơn vị đo đã học  - HS đổi vở, chữa bài, nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS nhận xét nêu cách thực hiện, cách ghi kết quả khi chia các số có kém đơn vị đo,  - Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thể "kết quả” để gắn kết quả với thế phép tính" tương ứng.  **Bài tập 3: Tính nhẩm:**  **5 x 3 5 x 9 5 x 6**  **15 : 5 45 : 5 30 : 5**  **15 : 3 45 : 9 30 : 6**  - Cá nhân HS tìm kết quả của phép nhân và phép chia nếu trong bài (có thể sử dụng Bảng chia 5 để tìm kết quả).  - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  **Bài tập 4: Xem tranh rồi nói phép chia thích hợp**    **a. Có 20 bạn xếp đều vào 5 vòng tròn. Mỗi vòng tròn có [?] bạn.**  **Ta có phép chia [?] (?) [?] = [?]**    **b. Có 15 cúc áo, khâu vào mỗi áo 5 cúc. Khâu đủ [?] chiếc áo**  **Ta có phép chia [?] (?) [?] = [?]**  - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ, viết phép chia thích hợp vào vở hoặc bảng con.  - HS nói cho bạn nghe tình huống và phép chia phù hợp với từng bức tranh  - GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép chia tương ứng,khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đổ bạn trả lời.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5:Kể tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong Bảng chia 5**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ kể tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong Bảng chia 5 rồi chia sẻ với các bạn.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, các em đọc lại Bảng chia 5 và đồ mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc Bảng chia 5. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong Bảng chia 5, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS chơi trò chơi để ôn lại bảng chia 5  - HS thảo luận và tìm kết quả của phép chia  - HS thành lập bảng chia 5  5 : 5 = 1  10 : 5 = 2  15 : 5 = 3  20 : 5 = 4  25 : 5 = 5  30 : 5 = 6  35 : 5 = 7  40 : 5 = 8  45 : 5 = 9  50 : 5 = 10  - GV yêu cầu HS tính nhẩm:  10 : 5 = 2  5 : 5 = 1  15 : 5 = 3  30 : 5 = 6  25 : 5 = 5  50 : 5 = 10  40 : 5 = 8  45 : 5 = 9  35 : 5 = 7  - GV yêu cầu HS tính :  15 kg : 5 = 3 kg  35 cm : 5 = 7 cm  45 l : 5 = 9 l  20 kg : 5 = 8 kg  50 dm : 5 = 10 dm  30 l : 5 = 6 l  - GV yêu cầu HS tính nhẩm  5 x 3 = 15 5 x 9 = 45  5 x 6 = 3015 : 5 = 3  45 : 5 = 9 30 : 5 = 6  15 : 3 = 5 45 : 9 = 5  30 : 6 = 5  a.  + Có 20 bạn, xếp đều vào 5 vòng tròn.  Ta có phép chia: 20 : 5 = 4.  Mỗi vòng tròn có 4 bạn.  b. Có 15 cúc áo, khâu vào mỗi áo 5 cúc. Khâu đủ 3 chiếc áo  Ta có phép chia: 15 : 5 = 3.  - HS kể tình huống trước lớp  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 62: SỐ BỊ CHIA – SỐ CHIA – THƯƠNG (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu

- Bước đầu biết tên gọi thành phần và kết quả của phép chia

- Củng cố cách tìm kết quả của phép chia

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực của học sinh
* Thông qua việc nhận biết thành phần và kết quả phép chia hs có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Các thẻ số; thẻ dấu và thẻ ghi các chữ chỉ thành phần, kết quả phép chia. Số bị chia, Số chia; Thương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK, nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Có 15 bạn chia đều vào 3 bản, mỗi bàn có 5 bạn.  - GV đặt câu hỏi dc HS nêu phép chia: 15:3=5.  2. GV đặt vấn đề: Bài hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về tên gọi thành phần và kết quả của phép chia  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Bước đầu biết tên gọi thành phần và kết quả của phép chia  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** HS nhận biết cách tìm kết quả phép chia  - GV gắn phép chia lên bảng, hướng dẫn HS gọi tên từng thành phần và kết quả của phép chia:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***15*** | ***: 3 =*** | | ***5*** | | ***Sốbị chia*** | ***Số chia*** | ***Thương*** | |   Lưu ý: Trong phép chia 15 : 3; 5 là thương; 15 : 3 cũng gọi là thương chia.  - GV lấy ví dụ củng cố và tên gọi thành phần và kết quả phép chia vừa học  + Viết một phép chia lên bảng, chẳng hạn: 12 : 6 = 2 chỉ vào từng số, HS nêu: Số bị chia, số chia, thương  + HS viết phép chia vào bảng con khi nghe GV đọc: Số bị chia, Số chia, Thương của phép chia đó, chẳng hạn: Viết phép chia biết số bị chia là 6, số chia là 2 thương là 3.  **Hoạt động 2.**. HS tự viết một phép chia rồi đố bạn nêu đâu là số bị chia, đâu là số chia, đâu là thương trong phép chia đó.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Nêu số bị chia, Số chia, Thương trong các phép chia sau:**  **10 : 2 = 5 và 30 : 5 = 6**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  - GV gọi 2 cặp lên bảng, HS dưới lớp chú ý quan sát, nhận xét  - HS chỉ và nói cho bạn nghe kết quả.  **Bài tập 2: Tìm thương biết:**  **a. Số bị chia là số 8, số chia là số 2**  **b. Số bị chia là 20, số chia là 5**  - GV yêu cầu HS thực hiện tìm thương với số bị chia, số chia đã cho rồi viết vào vở  - HS đổi vở, chữa bài, nói cho bạn nghe cách làm  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 3: Trò chơi ‘Tìm bạn”**    - GV tổ chúc cho HS chơi trò chơi “Tìm bạn" theo nhóm.  + Mỗi nhóm có một bộ thẻ ghi phép nhân, phép chia và tên thành phần của nó.  + HS trong nhóm rút 1 thẻ rồi quan sát các thể của các bạn trong nhóm, HS thảo luận ghép các thể thành phép nhân, phép chia thích hợp.  + Ba HS đã lập thành phép tính sẽ tạo thành nhóm: HS sẽ giới thiệu về nhóm bạn mà mình tìm được.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nữa em cần nhớ? Lấy ví dụ | - HS chú ý quan sát GV hướng dẫn, nhận biết các thành phần trong phép chia  - HS viết một phép chia khác và thực hiện tương tự  - HS nêu số bị chia, số chia, thương trong các phép chia  - HS tìm thương bằng cách làm phép chia:  8 : 2 = 4  20 : 5 = 4  - HS chơi trò chơi, giới thiệu nhóm đã tìm được:  Xin chào các bạn, xin giới thiệu nhóm chúng mình gồm ba người bạn: Số bị chia, số chia, thương và chúng mình chính là phép chia 20 : 5 = 4.  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 63: lUYỆN TẬP (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

-Vận dụng các phép tính trong Bảng chia 2, Bằng chia 5 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Gọi đúng tên thành phần và kết quả phép chia. Từ một phép nhân viết được hai phép chia tương ứng.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc vận dụng Bảng chia 2, Bảng chia 5 để tính nhẩm để giải quyết vấn đề. HS có cơ hội được phát triển NL từ duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán, NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGK Toán 2, SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. HS chơi trò chơi: Ôn lại Bảng chia 2, Bảng chia 5.  2. Một GV yêu cầu HS đọc ngẫu nhiên một phép nhân bất kì rồi mời bạn bất kì nêu hai phép chia tương ứng  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**HS biết cách vận dụng các phép tính trong Bảng chia 2, Bằng chia 5 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:**  **a. Tính nhẩm:**  **2 : 2 20 : 2 18 : 2**  **5 : 5 50 : 5 35 : 5**  **4 : 2 25 : 5 45 : 5**  **b. Chọn một phép chia ở phần a và nêu số bị chia, số chia, thương của phép chia đó**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  a) Cá nhân HS tim kết quả các phép chia nêu trong bài (có thể sử dụng Bảng chia 2, Bảng chia 5 để tìm kết quả).  - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  b) HS chỉ vào một phép chia vừa tính được và nói cho bạn nghe đâu là số bị chia, số chia và thương  **Bài tập 2: Cho phép chia, nêu hai phép chia thích hợp**  **a. 2 x 8 = 16 [?] : [?] = [?]**  **[?] : [?] = [?]**  **b. 5 x 7 = 35 [?] : [?] = [?]**  **[?] : [?] = [?]**  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS đọc phép nhân và nếu hai phép chia tương ứng  - HS chia sẻ với bạn cách quan sát, cách suy nghĩ để khi nhìn vào một phép nhân có thể viết được hai phép chia tương ứng.  - Yêu cầu HS có thể nếu thêm các phép nhân khác đã học, đổ bạn nêu hai phép chia tương ứng.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 3: Lớp 2 C có 20 học sinh. Các bạn dự kiến phân công nhau cùng dọn vệ sinh lớp học. Trả lời các câu hỏi:**  **a. Nếu chia thành 2 nhóm thì mỗi nhóm có mấy bạn?**  **b. Nếu chia thành các nhóm, mỗi nhsom có 5 bạn thì cả lớp có bao nhiêu nhóm?**  - GV yêu cầu cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận vận dụng các phép chia đã học để trả lời câu hỏi.  - GV lưu ‎ HS: HS vận dụng phép chia để trả lời câu hỏi, chưa yêu cầu HS trình bày như bài giải toán có lời văn. GV chỉ nên yêu cầu HS trả lời miệng, viết phép chia thích hợp  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Về nhà các em đọc lại Bàng chia 2, Bảng chia 5 Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong Bảng chia 5, hôm sau chia sẻ với các bạn. | **- HS thực hiện lần lượt yêu cầu của bài**  a. Tính nhẩm:  2 : 2 = 1 20 : 2 = 10  18 : 2 = 9 5 : 5 = 1  50 : 5 = 10 35 : 5 = 7  4 : 2 = 2 25 : 5 = 5  45 : 5 = 9  b. HS tự chọn một phép tính và phân tích các thành phần  - HS nêu phép chia:  a. 2 x 8 = 16  16 : 8 = 2  16 : 2 = 8  b. 5 x 7 = 35  35 : 5 = 7  35 : 7 = 5  a) Lớp 2C có 20 học sinh, nếu chia đều thành 2 nhóm. Ta có phép chia 20 : 2 = 10. Vậy mỗi nhóm có 10 bạn.  b) Lớp 2C có 20 học sinh, nếu chia thành các nhóm, mỗi nhóm 5 bạn.  Ta có phép chia: 20 : 5 = 4. Vậy mỗi nhóm có 4 bạn.  - HS chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 64: LUYỆN TẬP CHUNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

-Vận dụng các phép tính nhân, chia đã học để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Gọi đúng tên thành phần và kết quả phép nhân, phép chia

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc vận dụng Bảng chia 2, Bảng chia 5 để tính nhắm và giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học tóan, NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGK Toán 2, SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS chơi trò chơi “Đố bạn” ôn lại các phép nhân, phép chia đã học: HS nêu một phép nhân bất kì yêu cầu bạn trả lời và nếu được phép nhân hoặc phép chia viết được từ phép tính đó.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**Vận dụng các phép tính nhân, chia đã học để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:**  **a. Tính nhẩm:**  **2 x 5 5 x 4 2 x 4**  **10 : 5 20 : 5 8 : 2**  **b. Tính:**  **2 cm x 6 5 kg x 10 2 dm x 8**  **25 dm : 5 18 l : 2 30 kg : 5**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  a) Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân và phép chia nếu trong bài (có thể sử dụng Bảng nhân hoặc Bảng chia để tìm kết quả). Sau đó, HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  b) GV yêu cầu HS thực hiện các phép tính nhân, chèn thêm các đơn vị đo rồi đổi vở chữa bài cùng bạn.  **Bài tập 2: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính:**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS tính nhẩm chọn kết quả đúng với mỗi phép tính.  - GV tổ chức thành trò chơi, có thể thêm bớt các phép tính khác để HS được luyện tập tính nhẩm nhiều hơn.  - GV nhận xét, kết luận  **Bài tập 3: Chọn dấu ( +, -, x, : ) thích hợp:**  **12 (?) 4 = 8 25 (?) 5 = 30 2 (?) 4 = 8**  **20 (?) 5 = 4 2 (?) 3 = 6 18 (?) 2 = 9**  - HS suy nghĩ chọn dấu (+, -, ×, ) thích hợp.  - HS nói cho bạn nghe, đưa ra những lập luận để nói cho bạn hiểu tại sao lại chọn dấu nào, dấu nào thì thích hợp.  **Bài tập 4:**  **a. Tìm tích, biết hai thừa số là 5 và 9**  **b. Tìm thương, biết số bị chia là 16 và số chia là 2**  - Cá nhân GV yêu cầu HS thực hiện rồi đổi vở chữa bài.  - GV khuyến khích HS nêu thêm ví dụ  **Bài tập 5: Một trường tiểu học dự kiến trồng 30 cây xanh ở vườn trường**    **Trả lời các câu hỏi sau**  **a. Nếu trồng thành 5 hàng thì mỗi hàng có mấy cây?**  **b. Nếu trồng mỗi hàng 5 cây thì trồng thành mấy hàng?**  Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận vận dụng các phép chia đã học để trả lời các câu hỏi  Lưu ý: Bài toán này chỉ yêu cầu HS vận dụng phép chia để trả lời câu hỏi, chưa yêu cầu HS trình bày như bài giải toán có lời văn. GV chỉ nên yêu cầu HS trả lời miệng, viết phép chia thích hợp.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6:Nêu phép nhân, phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ:**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh nêu một tình huống có phép nhân, phép chia. GV khuyên khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.  - HS có thể nêu nhiều tình huống khác như có phép nhân, phép chia  - GV yêu cầu HS tìm thêm tình huống có phép nhân, phép chia trong thực tế  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS. Qua bài này, các anh biết thêm được điều gì  - Về nhà, các em đọc lại Bảng chia 2, Bảng chia 5.  - Tìm tình huống thực tế trên quan đến phép chia trong Bảng chia 5, hôm sau chia sẻ với các bạn | a. GV yêu cầu HS tính nhẩm  2x5=10 5x4=20  2x4=8 10:5=2  20:5=4 8:2=4  b. HS thực hiện phép tính:  2 cm x 6 = 12 cm  5 kg x 10 = 50 kg  2 dm x 8 = 16 dm  25 dm : 5 = 5 dm  18 l : 2 = 9 l  30 kg : 5 = 6 kg  - GV yêu cầu HS tính nhẩm và chọn kết quả đúng với mỗi phép tính  - HS chọn dấu thích hợp vào từng chỗ trống:  12 - 4 = 8  25 + 5 = 30  2 x 4 = 8  20 : 5 = 4  2 x 3 = 6  18 : 2 = 9  Tìm tích:  a. 5 x 9 = 45  Tìm thương  b. 16 : 2 = 8  a) 30 cây, nếu trồng thành 5 hàng đều nhau.  Ta có phép chia: 30 : 5 = 6. Vậy mỗi hàng có 6 cây.  b) 30 cây, nếu trồng mỗi hàng 5 cây.  Ta có phép chia: 30 : 5 = 6. Vậy trồng thành 6 hàng.  - HS nêu phép tính thích hợp  a. Mỗi chuồng gà có 5 con gà. Vậy 2 chuồng gà có 10 con gà  Ta có phép tính: 5 x 2 = 10  b. Có 8 con thỏ xếp đều vào 2 chuồng  Ta có phép tính : 8 : 2 = 4  Vậy mỗi chuồng có 4 con thỏ  - HS chú ý lắng nghe quan sát GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 65: KHỐI TRỤ - KHỐI CẦU (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thông qua vật thật và đồ dùng trực quan nhận dạng khối trụ và khối cầu

- Thực hành đếm số hình trong một tổ hợp các hình

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc quan sát, nhận dạng hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoa toán học, Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các khối hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán
* Thông qua việc trình bày ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các khối hình đã học HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số đồ vật có dạng khối trụ và khối cầu

- Một số khối trụ và khối cầu bằng gỗ hoặc bằng nhựa.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - Thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bàn các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẽ hiểu biết về hình dạng của đồ vật đó. Chẳng hạn: Hộp sữa có dạng khối trụ; Quả bóng có dạng khối cầu  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Thông qua vật thật và đồ dùng trực quan nhận dạng khối trụ và khối cầu  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1**. GV hướng dẫn GV yêu cầu HS thực hiện các hoạt động :  - HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bàn. Nhìn hộp sữa và sắp xếp các đồ vật có dạng giống hộp sữa vào trong *giỏ màu xanh*, nhìn quả bóng và sắp xếp các đồ vật có dạng giống quả bóng vào trong *giỏ màu đỏ*  - HS cầm khối trụ và khối cầu bằng gỗ hoặc bằng nhựa có dạng hình khối trụ, hình khối cầu rồi quan sát, xoay, lật chạm vào các khối và nói: "Đây là khối trụ”, “Đây là khối cầu”  - HS lấy ra một số đồ vật hoặc khối nhựa có dạng khối trụ và khối cầu với màu sắc và kích thước khác rồi nói: “Khối trụ", "Khối cầu"  - HS đối chiếu các đồ vật và các khối nhưa nói ở trên với hình ảnh về các khối trụ và khối cầu có trong SGK rồi nói, chẳng hạn: “Hộp bút chì màu có dạng khối trự”, “Quả bóng rổ này có dạng khối cầu  **Hoạt động 2.** HS tiếp tục thực hành theo nhóm, xếp riêng các đồ vật có dạng hình khối trụ và có dạng hình khối cầu  - HS nhắm mắt 30 giây tưởng tượng hình ảnh khối trụ, khối cầu trong đầu  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Xem các hình sau rồi kể tên một số đồ vật có dạng khối trụ, khối cầu:**    - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp: HS xem tranh và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng khối trụ, đồ vật nào có dạng khối cầu.  - HS có thể kể thêm các đồ vật xung quanh lớp học có dạng khối trụ, khối cầu  - GV nhận xét, kết luận  **Bài tập 2: Theo em khối nào lăn được**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát hình  - Yêu cầu HS sử dụng các hình khối đã học (khối hộp chữ nhật, khối lập phương khối trụ, khối cầu), mời bạn cùng bàn đoán xem khối nào lăn được.  - GV nhận xét kết luận  **Bài tập 3: Mỗi hình sau có bao nhiêu khối trụ? Khối cầu? Khối lập phương? Khối hộp chữ nhật?**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát mỗi hình vẽ đếm số khối trụ, khối cầu, khối lập phương, khối hộp chữ nhật rồi chỉ và nói cho bạn nghe  - Cá nhân HS suy nghĩ, sử dụng các hình khối đã học (như khối hộp chữ nhật khối lập phương, khối trụ, khối cầu) để ghép thành các hình tương tự SGK hoặc các hình theo ý thích.  - HS mời bạn xem hình mới ghép được và nói cho bạn nghe ý tưởng ghép của mình.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Kể tên một số đồ vật trong thực tế:**  **a. Có dạng khối trụ**  **b. Có dạn khối cầu**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm: Kể tên các đồ vật có dạng khối trụ hoặc khối cầu trong thực tế  - HS chia sẻ trước lớp.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý  - Về nhà, em hãy quan sát xem những đồ vật nào có dạng khối trụ hoặc khối cầu, những đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương để hôm sau chi sẻ với các bạn.  - Em có thể tự đánh giá bằng cách thực hiện trong vở bài tập. | - HS thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn của GV  - HS quan sát, cầm nắm để nhận biết được các khối hình trụ, hình cầu    - HS thực hành theo nhóm xếp riêng các khối hình trụ và hình cầu  - HS phân biệt các đồ vật có khối trụ: Hộp sữa, bình đựng nước, hộp gỗ, lon nước  - HS phân biệt các đồ vật có khối cầu: Quả bóng  - Khối trụ có thể lăn được  - GV yêu cầu HS quan sát và đếm số lượng mỗi loại khối: khối trụ, khối cầu, khối lập phương, khối hộp chữ nhật  + Khối trụ: 7  + Khối cầu: 5  + Khối lập phương: 2  + Khối hộp chữ nhật: 2  - HS liên hệ thực tế kể các đồ vật có dạng khối trụ hoặc khối cầu  - HS chia sẻ cảm nhận  - HS chú ý GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 66: THỰC HÀNH LẮP GHÉP – XẾP HÌNH KHỐI (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hành lắp ghép, xếp hình khối

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc quan sát, nhận dạng khối hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoa toán học.
* Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các khối hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thông qua việc lắp trình bày ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các hình khối đã học, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số đồ vật thật, vỏ hộp, có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật. khối trụ và khối cầu

- Một số khối lập phương, khỏi hộp chữ nhật, khối trụ và khối cầu bằng gỗ hoặc bằng nhựa

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bản. Cùng nhau xếp riêng các đồ vật ra thành từng loại khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ với khối cầu. Các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẻ hiểu biết về hình dạng của đổ vật đó. Chẳng hạn: Hộp bánh có dạng khối hộp chữ nhật; Quả bóng có dạng khối cầu  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**Thực hành lắp ghép, xếp hình khối  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:Hình dưới đây có bao nhiêu khối lập phương? Khối hộp chữ nhật Khối trụ? Khối cầu**    - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  - Yêu cầu HS xem tranh và đếm có bao nhiêu khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ và khối cầu.  - HS chia sẻ với bạn và cùng nhau đếm để kiểm tra kết quả.  **Bài tập 2:**  **a) Xem hình rồi trả lời các câu hỏi:**    **- Ở bên trái của khối cầu là khối gì?**  **- Ở bên phải của khối cầu là những khối gì?**  **- Khối nào ở giữa khối lập phương và khối hộp chữ nhật**  **b) Lấy các khối hình trong bộ dồ dùng xếp theo thứ tự trên**  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát các hình và thực hiện theo nhóm:  a) HS xem hình rồi cùng bạn đặt và trả lời các câu hỏi như trong SGK. Sau đó, đại diện một hoặc hai nhóm chia sẻ trước lớp. Các bạn dưới lớp đặt thêm các câu hỏi cho nhóm trình bày. Chẳng hạn: Bên phải của khối lập phương là khối gì?  b) HS lấy các khối hình trong bộ đồ dùng ra xếp theo thứ tự như trên. Hai bạn ngồi cạnh nhau kiểm tra xem bạn xếp hình đã đúng thứ tự chưa  **Bài tập 3: Trò chơi “Đố bạn tìm hình”**    - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn tìm hình”  - HS bịt mắt và tìm đúng hình theo yêu cầu của bạn.  - Ai đúng được nhiều hình hơn thì người đó thắng cuộc.  - GV nhận xét, kết luận  **Bài tập 4: Sử dụng các khối khối lập phương, Khối hộp chữ nhật, Khối trụ, Khối cầu để xếp hình em thích**  - Cá nhân HS suy nghĩ, sử dụng các khối hình đã học (như khối hộp chữ nhật, khối lập phương, khối trụ, khối cầu) để ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích.  - GV yêu cầu HS mời bạn xem hình mới ghép được và nói cho bạn nghe ý tưởng ghép hình của mình.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5: Dùng các khối sau để xếp hình và xem ai xếp được cao hơn, vững chắc hơn**    - GV yêu cầu HS dùng các khối hình như trong SGK thảo luận nhóm để xếp hình, nhóm nào xếp được cao hơn, chắc hơn thì thắng cuộc.  - GV khuyến khích HS chia sẻ ý tưởng xếp hình của mình, lí do nhóm quyết định xếp như vậy để hình cao hơn chắc hơn  Lưu ý: Trong trường hợp không có các khối hình như trong SGK để lắp ghép thì các nhóm sử dụng các khối hình mình mang để xếp, ghép  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài hôm nay, em thích nhất là hoạt động nào?  - Nếu được rút kinh nghiệm để lần sau làm tốt hơn thì em sẽ làm gì? | - HS thực hiện theo cặp  + Có 2 khối cầu  + Có 4 khối lập phương  + Có 4 khối hình hộp chữ nhật  + Có 2 khối trụ  - HS trả lời:  a.  - Ở bên trái của khối cầu là khối trụ  - Ở bên phải của khối cầu là những khối: hộp chữ nhật, trụ, lập phương, trụ  - Khối trụ ở giữa khối lập phương và khối hộp chữ nhật  b. HS sắp xếp theo thứ tự các hình trong SGK  - HS chơi trò chơi theo GV hướng dẫn  - HS xếp hình tự do theo yêu thích  - HS suy nghĩ cách xếp để các hình cao và vững chắc hơn  - HS chia sẻ suy nghĩ trước lớp |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 67: NGÀY - GIỜ (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, giờ.

- Nhận biết 1 ngày có 24 giờ (được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau).

- Biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng (các buổi) trong một ngày. Thực hành xem giờ đúng trên đồng hồ. Đọc được giờ lớn hơn 12 giờ, 17 giờ, 23 giờ,…

- Có ý thức sử dụng thời gian hợp lí cho các hoạt động học tập, sinh hoạt thường ngày.

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, chia sẻ ý kiến về xem đồng hồ tại các thời điểm gắn với sinh hoạt hằng ngày, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- GV chuẩn bị mặt đồng hồ có thể quay được kim phút và kim giờ. Mỗi bạn Hs mang đến một đồng hồ kim

- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài  **b. Cách thức tiến hành:**  a) HS hát và vận động theo nhịp bài hát có nội dung liên quan đến đồng hồ, thời gian.  b) Nói cho bạn nghe các hoạt động diễn ra trong ngày, chẳng hạn: Buổi sáng tớ thức dậy lúc 6 giờ  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ và cảm nhận được nhịp sinh hoạt lặp đi lặp lại của thời gian hết ngày này sang ngày khác, sáng, trưa, chiều, tối, đêm  c) GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận nhóm về những thông tin ghi trên bảng tin và trả lời câu hỏi 14 giờ chiều là mấy giờ?    **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS nắm được cách chia thời gian trong một ngày  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1**. Nhận biết 1 ngày = 24 giờ  - HS chia sẻ 1 ngày có bao nhiêu giờ?  - GV giới thiệu 1 ngày = 24 giờ; 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau  - GV sử dụng đồng hồ quay kim đồng hồ hai vòng minh hoạ 24 giờ (hoặc chiếu cho kim phút quay hết một vòng kim giờ di chuyển thêm 1 giờ). HS đếm giờ theo thao tác của GV: 1 giờ, 2 giờ,.... 11 giờ, 12 giờ, 13 giờ, 14 giờ,.... 24 giờ.    **Hoạt động 2**. Nhận biết tên các buổi và thời gian các buổi trong ngày  - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác  + Thảo luận nhóm rồi viết giờ thích hợp với các buổi trong ngày:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Sáng | Trưa | Chiều | Tối | Đêm | | 1 giờ sáng  2 giờ sáng  ………… |  |  |  |  |   + Đại diện nhóm trình bày.  + GV chốt lại giới thiệu các buổi và thời gian các buổi trong ngày   |  |  | | --- | --- | | Sáng | 1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ tăng, 5 giờ sáng 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng | | Trưa | 11 giờ trưa, 12 giờ trưa | | Chiều | 1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ), 4 giờ chiều (16 giờ),5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiu (18 giờ) | | Tối | 7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ) | | Đêm | 10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ) |   **Hoạt động 3**. Thực hành xem đồng hồ và đọc giờ lớn hơn 12 giờ. Thực hành theo nhóm, mỗi HS quay kim trên mặt đồng hồ giấy, rồi đọc kết quả chú ý những giờ lớn hơn 12 chẳng hạn: 17 giờ, 20 giờ.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1**: **Quay kim trên maẹt đồng hồ để đồng hồ chỉ:**  **a. 2 giờ, 5 giờ, 8 giờ, 11 giờ, 12 giờ**  **b. 13 giờ, 14 giờ, 19 giờ, 20 giờ, 23 giờ**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp:  a) HS quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong SGK, mỗi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiểm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa  b) Thực hiện tương tự như phần 2.  - HS quay kim đồng hồ và giải thích cho bạn nghe, chẳng hạn: 13 giờ là 1 giờ chiếu niên quay kim giờ chỉ vào số 1, kim phút chỉ vào số 12  **Bài tập 2: Số ?**  - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác sau:  - Đọc giờ đúng trên đồng hồ kim và đồng hồ điện tử  - Giải thích cho bạn nghe.  - GV nên đưa thêm một số trường hợp khác để rèn kĩ năng xem giờ cho HS  **Bài tập 3: Chọn đồng hồ thích hợp với mỗi tranh vẽ:**    - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác sau:  - Xem tranh, đọc các câu ghi giải thích bức tranh rồi chọn đồng hồ  - Nói cho bạn nghe kết quả thích hợp.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cấp sắp xếp lại thứ tự hoạt động theo thời gian cho hợp lí và kể thành một câu chuyện theo các bức tranh  - Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Trò chơi “Đòng hồ bí ẩn”**    - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đồng hồ bí ẩn”  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát các đồng hồ trong SGK và giúp các bạn nhỏ đoán xem các bạn đang nói đến đồng hồ nào.  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, mỗi nhóm nhận được một phiếu có các đồng hồ như trong SGK.  - GV yêu cầu HS đọc giờ và đưa ra những câu hỏi để các bạn trong nhóm biết mình đang nói đến đồng hồ nào trong phiếu.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý  - Để xem đồng hồ chính xác, em nhắn bạn điều gì? | - HS tham gia vào hoạt động khởi động  - HS chia sẻ về thời gian trong ngày  - HS trả lời: 14 giờ là 2 giờ chiều  - HS nhận biết:  + Nhận biết 1 ngày = 24 giờ, 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau  - Nhận biết tên các buổi và thời gian các buổi trong ngày  - HS thảo luận theo nhóm, đại diện nhóm trình bày  - HS chú ý nghe GV chốt lại  - HS thực hành xem đồng hồ rồi đọc kết quả  - HS thực hiện  - Dưới lớp nhận xét    - HS trả lời: 14 giờ là 2 giờ chiều  - HS thực hiện tương tự với một số giờ khác  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời:    - GV yêu cầu HS quan sát đồng hồ và lựa chọn thích hợp    - HS chia sẻ, nghe GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 68: GIỜ - PHÚT (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được 1 giờ có 60 phút.

- Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6

- Cảm nhận mối liên hệ chặt chẽ giữa thời gian và cuộc sống, hình thành thói quen quý trọng thời gian.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, chia sẻ ý kiến về xem đồng hồ tại các thời điểm gắn với sinh hoạt hằng ngày, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mỏ của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- GV chuẩn bị mặt đồng hồ có thể quay được kim phút và kim giờ. Mỗi bạn HS mang đến một đồng hồ kim

- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  a) HS chia sẻ theo nhóm một số thông tin về một số hoạt động gắn với thời gian trong ngày của em. Nói cho nhau nghe đồng hồ giúp ích cho cuộc sống con người như thế nào, chẳng hạn đồng hồ cho chúng ta biết điều gì (thời gian, đồng hồ nhắc em đi học đúng giờ...).  b) Nói cho bạn nghe các hoạt động diễn ra trong ngày, chẳng hạn: Buổi sáng ta thức dậy lúc 6 giờ  c) GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát đồng hồ thảo luận và chia sẻ trong nhóm:  + Trên mặt đồng hồ có gì?  + Các chấm trên mặt đồng hồ có ý nghĩa gì?  HS đếm các vạch trên mặt đồng hồ để nhận biết có 12 vạch to. Giữa hai vạch to là các vạch nhỏ. Có tất cả 60 vạch.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS nắm được 1 giờ có 60 phút, cách đọc thời gian khi kim phút chỉ số 3 và số 6  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** Nhận biết 1 giờ = 60 phút  - HS quay kim phút một vòng (60 vạch) và quan sát kim giờ dịch chuyển một vạch to  - GV chiếu slide mô tả kim phút quay một vòng thì kim giờ dịch chuyển thêm một vạch to.  - GV nhận xét: 1 giờ 60 phút.  - GV gọi HS nhắc lại.  **Hoạt động 2.** Đọc giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác  + Quay kim đồng hồ chỉ 9 giờ đúng quan sát đồng hồ và đọc giờ trên đồng hồ.  + Quay kim phút chỉ vào số 3; trả lời câu hỏi: Kim phút đã chạy được bao nhiêu phút từ số 12 đến số 3  - GV giới thiệu cách đọc giờ: 9 giờ 15 phút; yêu cầu GV yêu cầu HS đọc lại.  - GV quay kim đồng hồ ở vị trí 9 giờ 15 phút. GV yêu cầu GV yêu cầu HS đọc và quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 9 giờ 15 phút.  - GV và GV yêu cầu HS thực hiện tương tự với trường hợp kim phút chỉ vào số 6. GV quay kim đồng hồ ở vị trí 9 giờ 30 phút. GV yêu cầu GV yêu cầu HS đọc và quay kim đồng hồ để đồng hổ chỉ 9 giờ 30 phút. GV giới thiệu: “9 giờ 30 phút” hay còn gọi là “9 giờ rưỡi”.  **Hoạt động 3.** Thực hành xem đồng hồ với một số đồng hồ khác có kim phút chỉ vào số 3 6, 12.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?**    - GV yêu cầu HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp/nhóm bàn: Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?  - Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ cách xem đồng hồ trong mỗi trường hợp  **Bài tập 2: Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ:**  **a) 4 giờ 15 phút, 5 giờ rưỡi, 11 giờ 15 phút, 12 giờ 30 phút.**  **b) 13 giờ rưỡi, 14 giờ 15 phút, 19 giờ 15 phút, 22 giờ 30 phút.**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  a) HS quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong GK, mỗi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiểm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa  b) Thực hiện tương tự như phần a  - HS quay kim đồng hồ và giải thích cho bạn nghe  **Bài tập 3: Xem tranh rồi trả lời các câu hỏi:**    - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác sau:  + Xem tranh, đọc các câu ghi giải thích bức tranh rồi chọn đồng hồ thích hợp  + Nói cho bạn nghe kết quả.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp  + Sắp xếp lại thứ tự hoạt động theo thời gian cho hợp lí và kể thành một câu chuyện theo các bức tranh.  - Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.  Lưu ý: Bài tập này giúp HS luyện tập kĩ năng đọc giờ trên đồng hồ và các sự kiện diễn ra trong ngày. Qua đó, giúp HS cảm nhận được sự tương ứng giữa các giờ cụ thể với các hoạt động diễn ra vào giờ đó.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Hãy nói về thời gian mở cửa của các địa điểm dưới đây:**   |  |  | | --- | --- | | **Bể bơi trẻ em:**  **7:30-9:30**  **16:15-19:00** | **Thư viện thiếu nhi:**  **8:30-11:30**  **13:30-17:15** |   - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và nói cho bạn nghe về giờ mở cửa, đóng cửa của các địa điểm trong bức tranh.  - GV đặt thêm các câu hỏi để HS liên hệ với hoạt động thực tiễn, chẳng hạn nếu Hà đến bể bơi trẻ em lúc 16:00 thì em có nhận xét gì?  - HS chia sẻ cho bạn nghe những thông tin về giờ đóng cửa, mở cửa của những địa điểm trong thực tế cuộc sống.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Để xem đồng hồ chính xác, em nhắn bạn điều gì? | - HS chia sẻ theo nhóm  - HS chia sẻ hoạt động diễn ra trong ngày của mình  - GV yêu cầu HS quan sát cho biết trên mặt đồng hồ có gì  - HS nhận biết 1 giờ = 60 phút  **-** HS lắng nghe GV hướng dẫn  - GV yêu cầu HS đọc được thời gian khi kim phút chỉ số 3, 6        - GV yêu cầu HS quan sát trả lời:  + 7 giờ 15 phút  + 11 giờ 30 phút  + 2 giờ 30 phút  + 10 giờ 15 phút  - HS quay kim trên mặt đồng hồ để chỉ các giờ trong SGK  - HS giải thích:  Ví dụ: 13 giờ rưỡi là 1 giờ 30 phút chiều nên quay kim giờ chỉ vào số 1, kim phút chỉ vào số 6  - HS trả lời  a) Nam và các bạn đến hỏi Hoàn Kiếm lúc 8 giờ 15 phút  b) Nam và các bạn đến chùa Một Cột lúc 9 giờ 30 phút  c) Nam và các bạn đến Văn Miếu lúc 14 giờ 30 phút (2 giờ chiều)  d) Nam và các bạn lên xe ra về lúc 16 giờ 15 phút (4 giờ 15 phút chiều)  - HS trả lời:  + Bể bơi trẻ em, buổi sáng mở cửa vào lúc 7 giờ 30 phút, đóng cửa vào lúc 9 giờ 30 phút. Buổi chiều, mở cửa lúc 16 giờ 15 phút và đóng cửa lúc 19 giờ  + Thư viện thiếu nhi, buổi sáng mở cửa vào lúc 8 giờ 30 phút, đóng cửa vào lúc 11 giờ 30 phút. Buổi chiều, mở cửa lúc 13 giờ 30 phút và đóng cửa lúc 17 giờ 15 phút  - HS chia sẻ, chú ý lắng nghe GV |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 69: NGÀY – THÁNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, tháng

- Biết đọc tên các ngày trong tháng

- Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mấy trong tuần.

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động quan sát, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến về cách lịch, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về Toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số tờ lịch tháng

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**    - Quan sát tranh khởi động, nói tranh vẽ gì.  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tờ lịch tháng này, thảo luận nhóm và chia sẻ những thông tin biết được từ tờ lịch tháng đó.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**HS nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, tháng; HS biết đọc tên các ngày trong tháng  **b. Cách tiến hành:**  - GV treo tờ lịch tháng Tư như trong SGK, giới thiệu: Đây là tờ lịch tháng 4.  - GV hướng dẫn GV yêu cầu HS đọc các thông tin trên tờ lịch tháng 4  - HS thực hành xem lịch: HS lấy một tờ lịch tháng, thực hành đọc các thông tin  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Đây là tờ lịch tháng 10**   |  |  | | --- | --- | |  | **a. Tháng 10 có bao nhiêu ngày?**  **b. Ngày 20 tháng 10 là thứ mấy?**  **c. Đọc và viết các ngày được khoanh tròn trong tờ lịch bên (theo mẫu)** |   - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tờ lịch tháng 10, chỉ và nói cho bạn nghe. Đây là tờ lịch tháng 10.  - HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp  **Bài tập 2:**  **a. Nêu các ngày còn thiếu trong từ lịch tháng 6 dưới đây:**  **b. Xem tờ lịch rồi cho biết:**  **- Tháng 6 có bao nhiêu ngày?**  **- Ngày 1 tháng 6 là thứ mấy**  **- Các ngày thứ bảy trong tháng 6 là những ngày nào?**  **- Nếu thứ Ba tuần này là ngày 14 tháng 6 thì thứ Ba tuần trước là ngày nào? Thứ ba tuần sau là ngày nào?**    - HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp.  - Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.  - GV đặt câu hỏi liên hệ với các sự kiện liên quan đến các ngày trong các từ h trong bài.  **Bài tập 3 Xem lịch thời tiết trong tháng 7 và trả lời các câu hỏi:**    **a. Những ngày nào có thể có mưa?**  **b. Hồng muốn chọn 1 tuần có nhiều ngày có thể nắng để đi du lịch biển. Hỏi Hồng nên chọn từ ngày nào đến ngày nào?**  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát lịch dự báo thời tiết trong tháng 7 và thảo luận, trả lời các câu hỏi.  - HS có thể đặt thêm các câu hỏi về những thông tin có thể xem được từ tờ lịch đó.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Thực hành: Lấy một tờ lịch tháng rồi đánh dấu và ghi chú những ngày có sự kiện đặc biệt trong tờ lịch của em**  - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác:  + Thực hành lấy một tờ lịch tháng rồi đánh dấu và ghi chú vào những ngày có kiện đặc biệt trong tờ lịch của em.  + Chia sẻ với bạn những thông tin đặc biệt đó.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? | - GV yêu cầu HS quan sát tranh và thảo luận về các thông tin có trong lịch:  - Tháng tư có 30 ngày, có 4 ngày chủ nhật, có 4 ngày của tháng 3  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trên tờ lịch tháng 4:  + Tháng 4 có 30 ngày.  + Ngày 13 tháng 4 là thứ Tư,  + Ngày 30 tháng 4 là thứ Bảy.  + Tháng 5 có 31 ngày. Ngày 1 tháng 5 là Chủ nhật.  - HS trả lời:  a) Tháng 10 có 1 ngày.  b) Ngày 20 tháng 10 là thứ Năm.  c) GV yêu cầu HS đọc và viết các ngày được khoanh trên tờ lịch vào vở.  - HS dựa vài lịch tháng 6 và trả lời câu hỏi:  a. Ngày còn thiếu: ngày 9, 10, 13, 15, 18, 20, 21, 25, 28, 30  b.  - Tháng 6 có 30 ngày  - Ngày 1 tháng 6 là thứ tư  - Các ngày thứ bảy trong tháng 6 là những ngày: 5, 12, 19, 26  - Nếu thứ Ba tuần này là ngày 14 tháng 6 thì thứ Ba tuần trước là ngày 7, Thứ ba tuần sau là ngày 21  - HS xem lịch thời tiết trong tháng 7 và trả lời các câu hỏi:  a. Ngày có thể mưa: 1, 2, 3, 4, 9, 17, 27, 28, 29  b. Hồng nên chọn từ ngày 18 tới ngày 24  - HS tự đánh dấu vào những ngày đặc biệt  - HS củng cố trải nghiệm |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 70: LUYỆN TẬP CHUNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, 6, 12. Củng cố kĩ năng xem lịch và xác định số ngày trong tháng, xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mấy trong tuần.

- Vận dụng kĩ năng xem đồng hồ, xem lịch vào giải quyết vấn đề trong cuộc sống

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động quan sát, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến về cách xem đồng hồ, xem lịch, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tỏ mỏ của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Đồng hồ quay được kim giờ và kim phút, lịch tháng

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Đố bạn” theo nhóm hoặc cả lớp: GV yêu cầu HS đọc một giờ rồi đó bạn đọc giờ đó theo cách khác.  - Chẳng hạn, HS đọc: 13 giờ còn gọi là mấy giờ, bạn trả lời: 13 giờ hay 1 giờ chiều  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**Củng cố kĩ năng xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, 6, 12. Củng cố kĩ năng xem lịch và xác định số ngày trong tháng, xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mấy trong tuần.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Đồng hồ nào ứng với mỗi câu sau:**   |  |  | | --- | --- | | **a. Em giúp mẹ nấu cơm lúc 5 giờ chiều**  **b. Em đang học ở trường lúc 9 giờ 30 phút sáng**  **c. Cả nhà em ăn cơm lúc 18 giờ 15 phút**  **d. Em đi ngủ lúc 21 giờ** |  |   - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác sau:  + Đọc các cậu mô tả tình huống liên quan đến thời gian, quan sát đồng hồ rồi chọn đồng hồ thích hợp với mỗi câu  + Nói cho bạn nghe kết quả  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp hoặc chia sẻ xem ở thời điểm đó trong ngày em thường làm gì?  **Bài tập 2: Câu nào đúng, câu nào sai**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK nói cho bạn nghe về giờ vào học và giờ mở cửa, đóng của ngân hàng  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát các đồng hồ chọn câu đúng, câu sai và giải thích tại sao. GV đặt thêm các câu hỏi để HS liên hệ với những thông tin về giờ đóng cửa, mở cửa của những địa điểm trong thực tế cuộc sống.  **Bài tập 3: Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ:**  **a. 2 giờ rưỡi, 9 giờ 15 phút, 10 giờ, 11 giờ 30 phút**  **b. 13 giờ, 17 giờ 15 phút, 21 giờ 30 phút, 24 giờ**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp  - HS quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong SGK, mỗi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiểm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa  - GV quan sát, nhận xét  **Bài tập 4: Xem tờ lịch tháng 12 và trả lời câu hỏi:**    **a) Tháng 12 có bao nhiêu ngày**  **b) Sinh nhật Liên ngày 23 tháng 12 vào thứ mấy**  **c) Liên khoe với bạn: “Còn đúng 5 ngày nữa là đến sinh nhật của mình”. Hỏi lúc Liên nói là thứ mấy, ngày bao nhiêu?**  - HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp.  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.  - GV đặt câu hỏi để HS nói cách tính ngày sinh nhật Liên là thứ mấy, từ đó liên hệ đến cách xem lịch và tính ngày trong thực tiễn  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5:Thắng đố Hồng nhìn vào mảnh của tờ lịch tháng 8 dưới đây và trả lời các câu hỏi:**    **a) Ngày 19 tháng 8 là thứ mấy?**  **b) Các ngày thứ Hai trong tháng là ngày bao nhiêu?**  **c) Các ngày thứ Bảy trong tháng là ngày bao nhiêu?**  **Em hãy giúp Hồng trả lời các câu hỏi của Thắng**  - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát mảnh của tở lịch, suy nghĩ lập luận trả lời câu hỏi.  - Trao đổi với bạn câu trả lời của mình.  - GV yêu cầu HS đặt câu hỏi để HS chia sẻ cách giải quyết vấn đề khi xem lịch trong cuộc sống, đôi khi chúng ta có thể dựa vào những thông tin đã biết để biết được những thông tin về ngày khác.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì? | - HS thực hiện theo nhóm đôi  - HS chú ý thời gian trong câu và quan sát giờ ở đồng hồ:  a. – D  b. – A  c. – C  d. – B  - GV yêu cầu HS quan sát thời gian và đọc đề bài:  + Trường hợp 1: Câu a. sai, b, đúng. Vì bạn đi học lúc 8 giờ 30 phút trong khi vào học lúc 7 giờ 30 phút  + Trường hợp 2: a. đúng, b sai vì thời gian hiện tại là 10 giờ 15 phút vẫn trong thời gian làm việc buổi sáng.  - HS thực hiện theo cặp  - HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:  a) Tháng 12 có 31 ngày  b) Sinh nhật Liên ngày 23 tháng 12 vào thứ sáu  c) Liên khoe với bạn: “Còn đúng 5 ngày nữa là đến sinh nhật của mình”. Vậy lúc Liên nói là thứ Hai ngyaf 19 tháng 12  - GV yêu cầu HS quan sát trả lời câu hỏi:  a) Ngày 19 tháng 8 là thứ sáu  b) Các ngày thứ Hai trong tháng là ngày: 1, 8, 15, 22  c) Các ngày thứ Bảy trong tháng là ngày: 6, 13, 20, 27  - HS giải thích cách làm  - HS chia sẻ, chú ý lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 71: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng vận dụng các phép tính trong bảng nhân, bảng chia đã họcvào thực hành tính nhẩm và giải quyết vấn đề.

- Cũng có kĩ năng nhận dạng khối trụ, khối cầu.

- Cũng có kỹ năng xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, 6, 12; xem lịch và xác định số ngày trong tháng, xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mấy trong tuần và vận dụng vào giải quyết vấn đề.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động vận dụng các bảng nhân, bảng chia để tinh nhằm và giải quyết vấn đề, thông qua các hoạt động vận dụng xem giờ, xem đồng hồ để giải quyết vấn đề thực tế, Hồ có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học NL mô hình hoa toán học, NL tư duy và lập luận toàn học
* Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGV Toán 2, máy chiếu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV kiểm tra sĩ số lớp  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Truyền điện theo nhóm hoặc cả lớp ôn lại các bảng nhân, bằng chia đã học.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính nhẩm**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 2x6  2x3  2x9 | 5x5  5x8  5x10 | 10:2  8:2  18:2 | 35:5  20:5  5:5 |   - GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm để tìm kết quả các phép tính nhân, chia nêu trong bài  - GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện  - HS dưới lớp làm vào vở, nhận xét bài trên bảng  - GV có thể nếu các phép tính khác để HS trả lời.  **Bài tập 2:**  **a. Nêu thừa số, tích trong phép nhân 5 x 9 = 45**  **b. Nêu số bị chia, số chia, thương trong phép chia 16 : 2 = 8**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, kiểm tra nhận xét đáp án của nhau  a) GV yêu cầu GV yêu cầu HS đọc phép nhân trong SGK hoặc nêu một phép nhân bất kì đã học, đố bạn chỉ ra trong phép nhân đó đâu là thừa số, đâu là tích  b) GV yêu cầu GV yêu cầu HS đọc phép chia trong SGK hoặc nếu một phép chia bất kỳ đã học, đó bạn chỉ ra trong phép chia đó đâu là số bị chia, đâu là số chia, đâu là thương  **Bài tập 3: Xem tranh rồi nêu một tình huống có phép nhân hoặc phép chia**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh nêu một tình huống có phép nhân, phép chia.  - GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục. HS có thể nêu nhiều tình huống khác nhau có phép nhân, phép chia  - Yêu cầu HS tìm thêm tình huống có phép nhân, phép chia trong thực tế  **Bài tập 4: Hình bên được ghép từ bao nhiêu khối hộp chữ nhật? Khối trụ? Khối cầu**  - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh được tạo thành từ những khối hình nào? Có bao nhiêu khối hình mỗi loại  - HS đếm từng loại hình khối trong tranh vẽ rồi ghi kết quả vào vở  - GV nhận xét, kết luận  **Bài tập 5: Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?**    GV yêu cầu HS thực hiện các hoạt động sau:  - Quan sát rồi nói cho bạn nghe mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ  - Quan sát kĩ bối cảnh bức tranh để đọc giờ trên đồng hồ đúng với thời điểm tình huống bức tranh mô tả. Chẳng hạn. Bạn An đánh đàn lúc 8 giờ 30 phút tối hay 20 giờ 30 phút.  - GV đặt câu hỏi để HS nêu lập luận, lí lẽ về căn cứ giúp GV yêu cầu HS đọc giờ đúng thời điểm.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6:Xem tờ lịch tháng 5, trả lời các câu hỏi:**    **a. Tháng 5 có bao nhiêu ngày?**  **b. Sinh nhật Bác Hồ ngày 19 tháng 5 vào thứ mấy?**  **c. Trong tháng 5 có mấy ngày Chủ nhật? Đó là những ngày nào?**  **d. Nếu thứ Bảy tuần này là ngày 7 tháng 5 thì Thứ Bảy tuần sau là ngày nào?**  - GV yêu cầu HS đặt câu hỏi và trà lời theo cặp.  - Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẽ thông tin về những sự kiện có trong và lịch tháng, chẳng hạn: Sinh nhật Bác Hồ là ngày nào? Vào thứ mấy trong tuần?  - HS liên hệ đến những ngày có sự kiện trong tháng này và tính xe từ hôm nay đến những ngày có sự kiện đó là bao nhiêu ngày HS chia sẻ để rút ra cách tính cho nhanh cho dễ  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?  - Để tính ngày trong tháng mà không cần nhìn vào tờ lịch chúng ta nên làm thế nào? | - HS thực hiện phép tính lên bảng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2x6=12  2x3=6  2x9=9 | 5x5=25  5x8=40  5x10=50 | | | 10:2=5  8:2=4  18:2=9 | | 35:5=7  20:5=4  5:5=1 |   - HS trả lời:  a.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 5 x | 9 | = 45 | | Thừa số | Thừa số | Tích |   b.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 16 : | 2 | = | | Số bị chia | Số chia | Thương |   - GV yêu cầu HS quan sát tranh  - HS nêu các tình huống.  VD: Có 8 đĩa quả mãng cầu, mỗi đĩa đựng 5 quả. Hỏi tất cả có bao nhiêu quả mãng cầu  Bài giải:  Có tất cả số quả mãng cầu là:  8 x 5 = 40 (quả)  Đáp số: 40 quả mãng cầu  - HS tìm thêm các tình huống khác  - GV yêu cầu HS quan sát hình    - Khối HCN: 3  - Khối trụ: 4  - Khối cầu: 4  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời:  + 20 giờ 30 phút (Hay 8 giờ 30 phút tối)  + 10 giờ 30 phút  + 16 giờ 15 phút (Hay 4 giờ 15 phút chiều)  - GV yêu cầu HS quan sát tờ lịch và trả lời từng câu hỏi:  a. Tháng 5 có 31 ngày  b. Sinh nhật Bác Hồ ngày 19 tháng 5 vào thứ Năm  c. Trong tháng 5 có 5 Chủ nhật? Đó là những ngày: 1, 8, 15, 22, 29  d. Nếu thứ Bảy tuần này là ngày 7 tháng 5 thì Thứ Bảy tuần sau là ngày 14 tháng 5  - HS chia sẻ lắng nghe GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 72: EM VUI HỌC TOÁN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Biểu diễn phép nhân, phép chia bằng nhiều cách, qua đó hiểu ý nghĩa phép nhân, phép chia

- Củng cố kĩ năng nhận dạng khối trụ, khối cầu gắn với các hoạt động lắp ghép, tạo hình.

- Tìm hiểu một số loại lịch, đồng hồ trong thực tế, tự làm được thời gian biểu

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động trải nghiệm biểu diễn phép nhân, phép chia bàng nhiều cách, lặp phép hình sáng tạo, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán
* Thông qua các hoạt động trải nghiệm: tìm hiểu các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày: tự lập thời gian biểu, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoa toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Các vỏ hộp, vỏ lon, lõi giấy có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương khối trụ (HS chuẩn bị trước ở nhà và mang đến lớp).

- Một số loại lịch, đồng hồ thật hoặc tranh ảnh về các loại lịch, các đồng hồ trong cuộc sống.

- Bút màu, giấy vẽ, băng dính hai mặt.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học qua các bài toán vui  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1. Biểu diễn phép nhân, phép chia bằng nhiều cách**  - HS thực hiện theo nhóm: Biểu diễn phép nhân, phép chia bằng nhiều cách  - Các nhóm trưng bày sản phẩm và thuyết trình ý tưởng  - HS các nhóm tự bình chọn nhóm nào có nhiều cách biểu diễn thú vị nhất.  **Hoạt động 2. Lắp ghép, tạo hình sáng tạo**  - HS thực hiện theo nhóm: Cùng nhau thảo luận chọn ý tưởng lắp ghép hình sáng tạo.  - Các nhóm trưng bày sản phẩm và thuyết trình ý tưởng  - HS các nhóm tự bình chọn nhóm nào có nhiều cách biểu diễn thú vị nhất.  **Hoạt động 3. Sử dụng các vỏ hộp và vật liệu tái chế để lắp ghép tạo hình sáng tạo**  - GV yêu cầu HS thực hiện theonhóm:  + Thảo luận thống nhất ý tưởng sử dụng các vỏ hộp và vật liệu tái chế để xây dụng một số mô hình theo ý tưởng của nhóm.  + Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.  - GV khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  **Hoạt động 4a. Tìm hiểu các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày**  GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm:  - Trước bài học, HS được giao nhiệm vụ tìm hiểu các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày.  - Chia sẻ trong nhóm các thông tin đã tìm hiểu được. Sắp xếp các thông tin và thuyết trình trước lớp về các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày mà nhóm tìm hiểu được.  **Hoạt động 4b. Học sinh tự lập thời gian biểu của mình trong một tuần, trang trí theo ý thích rồi chia sẻ ý tưởng với các bạn**  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ** | - HS biểu diễn phép chia bằng nhiều cách:  + Xếp các nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau.  + Vẽ hình nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau.  + Dùng lời nói để biểu diễn phép tính.  + Dùng kí hiệu để biểu diễn phép tính  - HS sử dụng các đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu để tạo hình  - HS sử dụng các vỏ hộp và vật liệu tái chế để xây dựng một số mô hình theo ‎ tưởng của em  - HS trưng bày sản phẩm trước lớp  - HS kể với bạn một số loại đồng hồ, lịch mà em biết.  Ví dụ:  + Đồng hồ: Đồng hồ báo thức, đồng hồ quả lắc, đồng hồ cát, đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường,…  + Lịch: lịch treo tường, lịch để bàn, lịch theo tháng, lịch theo ngày, lịch ngày âm, lịch ngày dương…  - HS tự lập thời gian biểu của em trong một tuần và chia sẻ ‎ tưởng với bạn học |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 73: CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000 ( 3 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm số lượng theo trăm, theo chục và theo đơn vị, nhận biết được số 1000.

- Đọc viết các số tròn trăm, tròn chục và “linh”

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc đếm, sử dụng các chữ số để biểu thị số lượng, trao đổi cháu gá với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, cách sử dụng số trong cuộc sống, HS có ca hội được phát triển NL mô hình hoa toán học, NL. giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Các bàng 100 khối lập phương, thanh chục và khối lập phương rời (hoặc thẻ các bỏ que tính và que tính rời,...) để đếm

- Các thẻ số từ 100, 200,... 900, 1000 và các thẻ chữ một trăm, hai trăm,… chín trăm, một nghìn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng" giữa các nhóm trong lớp  - GV viết hoặc đọc một số nhóm nào lấy đúng, đủ số lượng tương ứng nhanh. nhất thì thắng cuộc.  - GV đưa ra các số có chủ đích nhằm tái hiện, khai thác kinh nghiệm đếm theo chục, đếm theo đơn vị của HS, chẳng hạn:  50; 60; 70;...;100;  94; 95:... 99; 100;  33; 43; 53;....  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Đếm số lượng theo trăm, theo chục và theo đơn vị, nhận biết được số 1000  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1. Đếm theo trăm**  - HS thao tác lấy các khối lập phương và đếm theo hướng dẫn của GV:  + Đếm 1, 2, 3... 10. Nói có 10 khối lập phương có 1 chục khối lập phương (thay 10 khối lập phương thành 1 thanh chục).  + Đếm 1 chục, 2 chục..... 9 chục, một trăm khối lập phương (thay 10 thanh chục thành 1 tấm 100 )  + Đếm 1 trăm, 2 trăm),.... 9 trăm, 10 trăm. GV giới thiệu 10 trăm bằng 1 nghìn GV yêu cầu HS đọc viết các số tử 100 đến 1000.  - GV giới thiệu: Các số 100, 200, 300, 1000 là các số tròn trăm.  - HS thực hành, luyện tập đếm theo trăm qua các bài tập 1, 2, 3  **Bài tập 1**: Viết các số : bốn trắm, năm trăm, sáu trăm, bảy trăm, tám trăm, chín trăm, một nghìn  - GV yêu cầu HS viết vào vở hoặc bảng con các số bốn trăm: 400; năm trăm: 500; một nghìn: 1000.  - GV có thể đưa ra các số khác để HS đọc, HS nhắc lại các số 100, 200, 300..... 1000 là các số tròn trăm.  **Bài tập 2: Số ?**    - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp đôi: lần lượt đọc hết các số trên tia số  - GV gọi từ 1-2 cặp đôi thực hiện  - Chia sẻ với bạn cách làm.  - GV nhận xét, kết luận  **Bài tập 3: Chị Mai muốn mua 800 ống huxt làm bằng tre. Chị Mai cần lấy mấy ống hút?**    - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác sau:  + Đọc tình huống.  + Hiểu vấn đề chị Mai muốn mua 800 ống hút làm bằng tre  + Giải quyết vấn đề: Quan sát tranh, nhận ra mỗi hộp ống hút có 100 ống hút ; HS đếm theo trăm để biết chị Mai cần lấy 8 hộp ống hút.  - GV có thể đưa ra những tình huống tương tự để HS giải quyết, chẳng hạn nếu chị Mai muốn mua 500 ống hút thì chị Mai cần lấy máy hộp?  **Hoạt động 2. Đếm theo chục**  - HS lấy ra các thanh chục rồi đếm các số tròn chục: 10; 20; 30; 100.  - HS thao tác lần lượt lấy các khối lập phương, đếm, đọc, viết các số: 100: 110: 120; 130; 140; 150;...; 190; 200.  - HS nhận xét về cách đọc, cách viết các số trên.  - GV hướng dẫn HS vận dụng cách đọc trên để đọc các số tròn chục khác.  Chẳng hạn: 110 ; 210 ; 310;  540; 550; 560;  …………..  - GV cho HS thực hiện bài tập 4,5,6  **Bài tập 4**: **Chọn số tương ứng với cách đọc:**    - GV tổ chức thành trò chơi để HS hứng thú nắm vững cách đọc, viết số  - Tùy vào trình độ, GV bổ sung hoặc thay thế những số khác để HS được luyện tập về đọc, viết số nhiều hơn.  **Bài tập 5**: **Số ?**    - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp đôi  - Đếm, đọc, nếu số thích hợp cho ô tương ứng mỗi vạch của tia số  - Chia sẻ với bạn cách làm  **Bài tập 6: Chọn chữ đặt trước đáp án đúng:**   |  |  | | --- | --- | |  | **Số cúc áo có trong hình vẽ bên là:**  **A. 800**  **B. 170**  **C. 80** |   - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp đôi  - Thảo luận về số cúc áo có trong hình vẽ.  - Lập luận giải thích các phương án chọn.  **Hoạt động 3. Đếm theo đơn vị**  - HS thao tác lần lượt lấy các khối lập phương, đếm, đọc, viết các số: 100: 101; 102; 103; 104;...; 109; 110.  - HS nhận xét về cách đọc, cách viết các số trên.  - GV hướng dẫn HS vận dụng cách đọc trên cùngđọc các số khác  Chẳng hạn:  201, 301; 401:  703: 803; 903;  ………….  - HS thực hành, luyện tập đếm theo trăm qua các bài tập 7, 8, 9  **Bài tập 7: Chọn cách đọc ứng với số:**    - GV yêu cầu HS chọn cách đọc tương ứng với số  - GV có thể tổ chức thành trò chơi để HS hứng thú nắm vững cách đọc viết số  - Tuỳ trình độ HS, GV có thể bổ sung hoặc thay thế những số khác để HS được luyện tập về đọc, viết số nhiều hơn.  **Bài tập 8: Số ?**    - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp đôi  - Đếm, đọc, nêu số thích hợp cho ô tương ứng mỗi vạch của tia số  - Chia sẻ với bạn cách làm.  **Bài tập 9: Trò chơi “Lấy cho đủ số lượng”**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc nhóm bàn.  - Trò chơi “Lấy cho đủ số lượng": HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính,... theo yêu cầu của bạn.  Chẳng hạn: Lấy ra đủ 130 khối lập phương: lấy 104 khối lập phương.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV đưa ra một số hình ảnh về số lượng lớn để HS quan sát, chẳng hạn sân vận động hội trường lớn, số người tham gia đồng diễn  - HS tìm và chỉ cho bạn xem trang sách 100, 107, 120 trong SGK Tiếng Việt 2  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học tiêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày  - Khi phải đếm các số theo trăm, theo chục hoặc theo đơn vị, em nhắc bạn chú ý điều gì?  - Về nhà, con hãy quan sát xem trong cuộc sống các số trong phạm vi 1000 được sử dụng trong các tình huống nào | - HS chơi trò chơi theo nhóm  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - HS chú ý quan sát  - HS thực hành đếm  - HS viết vào bảng con các số:  + Bốn trăm: 400  + Năm trăm: 500  + Sáu trăm: 600  + Bảy trăm: 700  + Tám trăm: 800  + Chín trăm: 900  + Một nghìn: 1000  - HS đếm, đọc và nếu số còn thiếu ở trong ô [?] trên tia số.  - HS thực hiện lần lượt các bước theo yêu cầu của GV  - HS trả lời: Chị Mai cần lấy 8 hộp ống hút.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - GV yêu cầu HS đọc các số trên theo hướng dẫn của Gv  - HS chọn số tương ứng với cách đọc.  - HS khác nhận xét, bổ sung  - HS viết vào bảng số còn thiếu trên tia số:  110 – 120 – 130 – 140 – 150 – 160 – 170 – 180 – 190 - 200  - HS thảo luận và chọn đáp án:  B. 170  - HS thực hiện lần lượt các thao tác  - GV yêu cầu HS đọc các số theo hướng dẫn của GV  - HS chọn cách đọc tương ứng với số:  Một trăm linh bảy: 107  Một trăm mười: 110  Một trăm linh năm: 105  Một trăm linh ba: 103  Một trăm linh sáu: 106  Một trăm linh tám: 108  - HS thực hiện theo cặp đôi, đọc lần lượt theo tia số:  101 – 102 – 103 – 104 – 105 – 106 – 107 – 108 – 109 – 110  - HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV  - GV yêu cầu HS quan sát hìn ảnh GV đưa ra  - HS trả lời theo y kiến cá nhân  - HS lắng nghe GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 74: CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số có ba chữ số

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc đếm, sử dụng các chữ số để biểu thị số lượng, trao đổi, chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Các bàng 100 khối lập phương, thanh chục và khối lập phương rồi (hoặc thẻ các bộ que tính và que tính rời) để đếm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng.  - HS lấy SGK Tiếng Việt 2 tập hai, thực hiện theo yêu cầu của GV, chẳng hạn  + Tìm đến trang sách 100.  + Tìm đến trang sách 101.  + Trang sách tiếp theo của trang sách 109 là trang bao nhiêu?  - Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).  - Đại diện HS nói cách tìm trang sách của mình  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Đếm, đọc, viết các số có ba chữ số  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** Hình thành các số có ba chữ số  a) HS thao tác trên các khối lập phương, đếm, đọc các số tương ứng, chẳng hạn:  + Lấy ra 110 khối lập phương, đếm 110, lấy thêm từng khối lập phương nhỏ và đếm tiếp: 111, 112, 113,  + Lấy ra 200 khối lập phương, đếm 200, lấy thêm từng khối lập phương nhỏ và đếm tiếp: 201, 202,.... 209, 210,211,..  + Lấy ra 430 khối lập phương, đếm 430, lấy thêm từng thanh chục khối lập phương và đếm tiếp: 440, 450,.... 490, 500, 510,...  - GV nên tổ chức theo nhóm bàn để HS thao tác, đếm trong sự tương tác với nhau.  b) GV hướng dẫn HS cách đọc, viết số có ba chữ số.  - GV gắn lên bảng lần lượt mô hình từng số như SGK hướng dẫn HS đọc, viết, chẳng hạn:   |  |  | | --- | --- | |  |  |   c) HS thực hành đọc, viết với các số khác để nắm chắc cách đọc, viết số.  - GV chú ý rèn và sửa cho GV yêu cầu HS đọc các số trong những trường hợp có biến âm (mốt, tư, lăm, mười, mươi).  **Hoạt động 2.** Trò chơi “Lấy đủ số lượng”  - HS lấy ra đủ số khối lập phương,… theo yêu cầu của GV hoặc của bạn.  - Chẳng hạn: Lấy ra đủ 235 khối lập phương.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Số ?**    **-** GV yêu cầuHS thực hiện các thao tác:  + Đếm số lượng các khối lập phương, chọn số tương ứng cho ô [?]  + Đọc cho bạn nghe các số vừa viết  - HS khác nhận xét kết quả  **Bài tập 2: Chọn cacsg đọc tương ứng với số:**    - GV yêu cầu HS chọn cách đọc tương ứng với số.  - GV tổ chức thành trò chơi để HS hứng thú, nắm vững cách đọc, viết số  - Tùy trình độ HS, GV bổ sung hoặc thay thế những số khác để HS được luyện tập về đọc, viết số nhiều hơn.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV nêu một số hình ảnh có thông tin về số lượng đến 1000 trong thực tế để HS có cảm nhận về số lượng, cùng cố kĩ năng đọc, viết số và vận dụng được vào thực tế, chẳng hạn: Hình ảnh sân vận động đông người, hình ảnh nhiều người tham gia đồng diễn, sơ đồ chỗ ngồi trên máy bay bộ-ing:  - HS chia sẻ những thông tin em biết về những tình huống trong cuộc sống sử dụng các số trong phạm vi 1000.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào. | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - HS chia sẻ cách tìm trang sách và tham khảo các cách từ bạn  - HS thao tác trên các khối lập phương, đếm, đọc các số tương ứng  - HS thực hiện theo nhóm bàn  - GV yêu cầu HS quan sát GV hướng dẫn cách đọc  - HS thực hành đọc, viết với các số khác để nắm chắc cách đọc, viết số.  - HS tham gia trò chơi theo GV hướng dẫn  - GV yêu cầu HS quan sát các khối lập phương      - GV yêu cầu HS đọc tương ứng với số:  Sáu trăm bốn mươi: 640  Năm trăm mười ba: 513  Hai trăm hai mươi ba: 223  Bảy trăm linh năm: 705  Một trăm hai mươi lăm: 125  Tám trăm: 800  - GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh Gv cung cấp  - HS chia sẻ thêm các thông tin mà em biết  - Chia sẻ những điều học thêm được từ hôm nay  - HS lắng nghe GV củng cố dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 75: CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ TIẾP THEO (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được việc phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị (345 gồm 3 trăm 4 chục 5 đơn vị).

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc đếm, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc quan sát, phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị, xác định được giá trị của mỗi số dựa vào vị trí của số đó, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Các tấm 1 trăm khối lập phương, thanh chục và khối lập phương rời (hoặc thể các bỏ que tính và que tính rời).

- Bảng trăm, chục, đơn vị đã kẻ sẵn

- Trò chơi tạo hứng thú cho HS đầu giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  a) HS chơi trò chơi “Đố bạn”: Bạn A viết hoặc đọc một số rồi đố bạn B đọc hoặc viết số đó và ngược lại.  b) GV yêu cầu HS quan sát tranh nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì? GV nhận xét dẫn dắt vào bài.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Thực hiện được việc phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị  **b. Cách tiến hành:**  - Gv yêu cầu HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:  a) Lấy ra 345 khối lập phương đặt trước mặt. (GV gắn 345 khối lập phương lên bảng).  HS đếm số khối lập phương. Nói: Có ba trăm bốn mươi lăm khối lập phương. Viết: 345.  b) GV đặt câu hỏi để HS trả lời, trong hình có 3 tấm 1 trăm, 4 thanh chục và 5 khối lập phương rời.  GV nhận xét: Như vậy, trong số 345, số 3 cho ta biết có 3 trăm khối lập phương, số 4 cho ta biết có 4 chục khối lập phương và số 5 cho ta biết có 5 khối lập phương rời. Ta có thể viết vào bảng trăm, chục, đơn vị tương ứng như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 3 | 4 | 5 |   Nói: Số 345 gồm 3 trăm 4 chục 5 đơn vị.  c. – GV yêu cầu HS thực hiện tương tự với một vài ví dụ khác để nắm chắc cách làm  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1**: **Số ?**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp các thao tác sau rồi nói cho bạn nghe cách làm:  - Quan sát tranh, đếm: Có 263 khối lập phương  - Viết vào bảng (đã kẻ sẵn ở trên bảng con hoặc bảng phoóc).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 2 | 6 | 3 |   Nói: Số 263 gồm 2 trăm 6 chục 3 đơn vị  - Yêu cầu HS thực hiện tương tự với câu b  **Bài tập 2**: **Thực hiện (theo mẫu):**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp quan sát số khối lập phương, đếm rồi nếu số và “đọc số" thích hợp cho ô [?]  - HS có thể cùng bạn đặt câu hỏi và trả lời về nội dung bài tập để hiểu sâu hơn và nắm vững kiến thức.  **Bài tập 3**: **Nói (theo mẫu):**  - Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả  - HS có thể đặt câu hỏi để đổ bạn với các số khác, chẳng hạn: Số 871 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị  - Nếu HS gặp khó khăn, GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời bằng cách viết số vào bằng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | |  |  |  |   **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4**: **Chọn chữ đứng trước đáp án đúng:**  - Gv yêu cầu HS thực hiện các thao tác sau:  + Đọc tình huống  + Hiểu vấn đề  + Giải quyết vấn đề: Hộ gia đình đó nuôi tất cả 398 con gà, vịt, ngỗng. Chuyển dịch sang ngôn ngữ toán học là 3 trăm 9 chục 8 đơn vị. Vậy có 398 con.  - HS chọn phương án thích hợp và giải thích cho bạn nghe  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày. Từ ngữ toán học nào con cần nhớ  - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?  - Về nhà, em quan sát xem trong cuộc sống mọi người có hay dùng cách đếm theo “trăm”, “chục”, “đơn vị" không. | - HS chơi trò chơi theo cặp  - Hai bạn đang phân tích số 345 gồm 300 trăm, 4 chục và 5 đơn vị  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - HS đếm số khối lập phương  - HS trả lời: trong số 345, số 3 cho ta biết có 3 trăm khối lập phương, số 4 cho ta biết có 4 chục khối lập phương và số 5 cho ta biết có 5 khối lập phương rời.  - HS thực hiện các ví dụ khác  - HS chú y nghe GV hướng dẫn cách làm câu a  - HS thực hiện theo cặp câu b.  Có 620 khối lập phương   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 6 | 2 | 0 |   Nói: Số620 gồm 6 trăm 2 chục 0 đơn vị  - HS thực hiện theo mẫu:    a) Số 127 gồm 1 trăm 2 chục 7 đơn vị.  b) Số 360 gồm 3 trăm 6 chục 0 đơn vị  c) Số 802 gồm 8 trăm 0 chục 2 đơn vị.  - HS trả lời: Hộ gia đình đó nuôi tất cả 398 con gà, vịt, ngỗng.  - HS giải thích lí do  - Hs chia sẻ theo y kiến cá nhân  - HS lắng nghe GV dặn d |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 76: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có ba chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu (<, > , =), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoa toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc so sánh số HS của các trường tiểu học, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Tranh khởi động.

- Bảng trăm, chục, đơn vị được kẻ sẵn trên bằng con hoặc bằng phooc để HS có thể viết, xoá nhiều lần.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | |  |  |  | |  |  |  | |

- Bộ thẻ số từ 0 đến 9

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS chơi trò chơi “Đố bạn” ôn lại cách đọc, viết.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ cặp đôi những thông tin quan sát được. (Theo em, các bạn trong bức tranh đang làm gì? Nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình).  - GV gợi ý HS nhận xét đội nào đang nhảy được nhiều lần hơn.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**So sánh được các số có ba chữ số  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**So sánh hai số dạng 194 và 215  - HS thực hiện các thao tác  + Nhận ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 194 và 215.  +Quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 1 | 9 | 4 | | 2 | 1 | 5 |   215  194 |   + GV hướng dẫn HS các bước so sánh hai số:  Trước hết, ta so sánh các số trăm:  1<2 (hay 100<200)  Vậy 194 < 215; 215 > 194.  + GV nêu thêm một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh.  **Hoạt động 2.** So sánh hai số dạng 352 và 365  HS thực hiện các thao tác:  + Nhận ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 352 và 365.  + Quan sát từng số, viết số vào bàng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 3 | 5 | 2 | | 3 | 6 | 5 |   352  365 |   +GV hướng dẫn HS các bước so sánh hai số: Trước hết, ta so sánh các số trăm: 3 = 3 (hay 300 = 300). Số trăm bằng nhau, ta so sánh tiếp số chục:  5<6 (hay 50 < 60)  Vậy 352 < 365; 365 > 352.  +GV nêu thêm một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh.  **Hoạt động 3.** So sánh hai số dạng 899 và 897  HS thực hiện các thao tác:  + Nhận ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 899 và 897.  + Quan sát từng số, viết số vào bàng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 8 | 9 | 9 | | 8 | 9 | 7 |   899  897 |   +GV hướng dẫn HS các bước so sánh hai số:  Trước hết, ta so sánh các số trăm: 8 = 8 (hay 800 = 800).  Số trăm bằng nhau, ta so sánh tiếp số chục: 9 = 9 (hay 90 = 90).  Số trăm bằng nhau, số chục bằng nhau, ta so sánh tiếp số đơn vị 9 >7.  Vậy 899 > 897; 897 < 899.  + GV nêu một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh.  **Hoạt động 4.** So sánh hai số dạng 673 và 673  - HS thực hiện các thao tác  + Nhân ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 673 và 673  + Quan sát từng số, viết vào bảng trăm, chục, đơn vị   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 6 | 7 | 3 | | 6 | 7 | 3 |   673  673 |   + GV hướng dẫn HS nhận xét. Các số trăm bằng nhau, các số chục bằng nhau các số đơn vị bằng nhau. Vậy 673 = 673.  - HS tự nêu thêm một số ví dụ về hai số bằng nhau.  **Hoạt động 5.** Củng cố trực tiếp  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp, viết hai số có ba chữ số bất kì rồi đó bạn so sánh hai sốđó. Sử dụng bằng trăm, chục, đơn vị để hỗ trợ  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: = , < = >**  - Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dầu (>.<, =) và viết kết qua vào vở  - HS đối vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt cấu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.  - GV chốt lại cách so sánh trong từng trường hợp.  - GV hướng dẫn HS sử dụng bảng trăm, chục, đơn vị để có điểm tựa tư duy khi thực hiện so sánh hai số có ba chữ số.  **Bài tập 2**: **So sánh số học sinh của các trường tiểu học dưới đây:**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm các thao tác sau:  - Thảo luận nhận biết vấn đề: So sánh số lượng HS của ba trường tiểu học Kim Đồng, Thành Công, Quyết Thắng  - HS thảo luận cách làm HS có thể nêu ra những cách làm khác nhau theo ý tưởng của nhóm. Chẳng hạn:  + So sánh từng cặp hai trường với nhau,  + So sanh từng trường với hai trường còn lại  + So sánh cả ba trường với nhau.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - GV khuyến khích HS trình bày rõ cách so sánh của nhóm. Khi chữa bài GV có thể sử dụng bàng trăm, chục, đơn vị để HS dễ so sánh. GV giúp HS nhận ra để so sánh số HS của ba trường tiểu học chúng ta phải so sánh các số: 581; 496, 665. Từ đó giải quyết được vấn đề đặt ra.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 3: Trò chơi “Lập số”**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Lập số” theo cặp  + Đặt các thẻ số từ 0 đến 9 (không theo thứ tự) trên mặt bàn  + Mỗi bạn nhanh tay rút ba thẻ số, xếp ba thẻ số đó lập thành một số có ba chữ số, rồi so sánh số đó với bạn. Ghi lại kết quả vào nháp hoặc bảng con (Chẳng hạn 123 < 456).  + Trò chơi được thực hiện nhiều lần, ai có nhiều lần có số lớn hơn thì thắng cuộc.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - HS nói cách so sánh trong từng trường hợp và tự lấy ví dụ minh hoạ. | - Bức tranh miêu tả cảnh các bạn học sinh nhảy dây. Hai bạn nhảy dây và hai bạn đếm. Bạn nam nhảy được 215 cái, bạn nữ nhảy được 194 cái  - HS thực hiện các thao tác theo GV yêu cầu  - GV yêu cầu HS quan sát viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 1 | 9 | 4 | | 2 | 1 | 5 |   215  194 |   - HS thực hiện thêm một số ví dụ khác  - HS thực hiện các thao tác theo GV yêu cầu  - GV yêu cầu HS quan sát viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 3 | 5 | 2 | | 3 | 6 | 5 |   352  365 |   - HS thực hiện thêm một số ví dụ khác  - HS thực hiện các thao tác theo GV yêu cầu  - GV yêu cầu HS quan sát viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 8 | 9 | 9 | | 8 | 9 | 7 |   899  897 |   - HS thực hiện thêm một số ví dụ khác  - HS thực hiện các thao tác theo GV yêu cầu  - GV yêu cầu HS quan sát viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | | 6 | 7 | 3 | | 6 | 7 | 3 |   673  673 |   - HS thực hiện thêm một số ví dụ khác  - HS Suy nghĩ trả lời:  572 < 577  936 > 836  437 < 473  486 > 468  837 = 837  189 < 286  - HS thảo luận nhận biết vấn đề theo nhóm  - HS đưa về so sánh các số và trả lời câu hỏi:  + HS trường Kim Đồng nhiều hơn HS Trường Thành Công 581 > 496  + HS trường Thành Công ít hơn HS trường Quyết Thắng 496 < 605  + HS trường Kim Đồng ít hơn HS trường Quyết Thắng 581 < 605  Vậy HS trường Quyết Thắng > HS trường Kim Đồng > HS Trường Thành Công (Vì 605 >581 > 496 )  - HS chơi trò chơi “lập số” từ các thẻ số có sẵn  - HS thực hiện nhiều lần và tìm ra người có số lớn nhất  - HS chia sẻ sau tiết học |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 77: LUYỆN TẬP ( 2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có ba chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu (<, <, =), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoa toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Bảng trăm, chục, đơn vị được kẻ sẵn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trăm | Chục | Đơn vị | |  |  |  | |  |  |  | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV kiểm tra sĩ số lớp  - Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”. HS viết hoặc đọc hai số bất kì vào bảng con rồi đố bạn so sánh hai số đó.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tìm số và dấu (< , > , = ) thích hợp:**  **a. 758 và 96**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trăm** | **Chục** | **Đơn vị** | | **?** | **?** | **?** | | **?** | **?** | **?** |   758  96 |   **758 ? 96**  **b. 62 và 107**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trăm** | **Chục** | **Đơn vị** | | **?** | **?** | **?** | | **?** | **?** | **?** |   62  107 |   **62 ? 107**  **c. 549 và 195**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trăm** | **Chục** | **Đơn vị** | | **?** | **?** | **?** | | **?** | **?** | **?** |   549  495 |   **549 ? 495**  - Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dâu (>,<,=) và viết kết quả vào vở.  - HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.  - GV đặt câu hỏi để HS nhận xét  - GV nêu thêm một số ví dụ tương tự để HS so sánh: 806 và 87; 492 và 77; 52 và 103; 9 và 432.  **Bài tập 2:< , > , =**  **600 ? 900 370 ? 307 402 ? 420**  **527 ? 27 813 ? 813 92 ? 129**  - Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>,<,=) và viết kết quả vào vở. HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm, GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.  - GV chốt lại cách so sánh trong từng trường hợp.  - GV hướng dẫn HS sử dụng bảng trăm, chục, đơn vị để có điểm tựa tư duy khi thực hiện so sánh hai số có ba chữ số.  **Bài tập 3: Cho các số: 994, 571, 383, 997**  **a. Tìm số lớn nhất**  **b. Tìm số bé nhất**  **c. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn**  - HS lấy các thẻ số 994, 571, 383, 997. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.  - Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.  **Bài tập 4: Số ?**    - GV yêu cầu GV yêu cầu HS quan sát tranh tìm số thích hợp cho vào ô [?] rồi giải thích cho bạn nghe cách làm.  -Với những HS làm nhanh, GV có thể khuyến khích các em tự thiết kế những bài tập tương tự như thế để đố bạn.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5:Sắp xếp chiều cao của các bạn học sinh theo thứ tự từ cao đến thấp**    - Gv yêu cầu HS thực hiện theo nhóm các thao tác sau:  + Thảo luận nhận biết vấn đề  + Thảo luận cách làm đi đến vấn đề cần giải quyết  + Thực hiện so sánh rồi trả lời câu hỏi.  - Đại diện nhóm trình bày.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn và so sánh liên quan đến chiều cao của các bạn trong bài  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì  - Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì  - Em có thể tự đánh giá bằng cách thực hiện vở bài tập. | - HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV  - HS tìm số và so sánh hai số với nhau  a. 758 và 96   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tr | Ch | ĐVị | | 7 | 5 | 8 | | 0 | 9 | 6 |   96  758 |   758 > 96  b. 62 và 107   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tr | Ch | ĐV | | 0 | 6 | 2 | | 1 | 0 | 7 |   62  107 |   62 < 107  c. 549 và 195   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tr | Ch | ĐV | | 5 | 4 | 9 | | 4 | 9 | 5 |   549  495 |   549 > 495  - HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm  - HS nhận xét: Khi so sánh hai số, số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn và ngược lại, chẳng hạn: 758 > 96, 62 < 107.  - HS so sánh các số:  600 < 900 370 > 307 402 < 420  527 > 27 813 = 813 92 < 129  - HS so sánh và tìm ra:  a. Số lớn nhất: 997  b. Số bé nhất: 383  c. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn:  383 < 571 < 994 , 997  - HS điền các số còn thiếu vào ô ?  500 – 600 – 700 – 800 – 900 – 1000  630 – 640 – 650 – 660 – 670 – 680  405 – 406 – 407 – 408 – 409 – 410  211 – 212 – 213 – 214 – 215 – 216  - HS thực hiện theo nhóm trả lời các câu hỏi của GV:  + Thảo luận nhận biết vấn đề: So sánh chiều cao của các bạn HS theo thứ tự từ cao đến thấp.  + Thảo luận cách làm đi đến vấn đề cần giải quyết: đó là sắp xếp bốn số ghi chiều cao của các bạn theo thứ tự từ lớn đến bé  + Thực hiện so sánh rồi trả lời câu hỏi:  140 cm > 138 cm > 135 cm > 130 cm  - HS chia sẻ theo y kiến cá nhân |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 78: LUYỆN TẬP CHUNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000. Phân tích một số có ha chữ số thành các trăm, chục, đơn vị

- Biểu diễn số có ba chữ số trên tia số.

- Thực hành vận dụng đọc, viết, so sánh các số đã học trong tình huống thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động: Đếm số lượng, nếu số tương ứng, sử dụng các dấu (> , <, =) để so sánh hai số, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học
* Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số tình huống thực tế có sử dụng các số trong phạm vi 1000.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức trò chơi “Con số bí mật" theo nhóm hoặc cả lớp  - Mỗi HS viết ra một số có ba chữ số (bí mật không cho người khác biết).  - Mời các bạn trong nhóm hoặc trong lớp đặt câu hỏi để đoán xem bạn đã viết số gì. Chẳng hạn: Số bạn viết có số trăm bé hơn 5,  - Ai giải mã được con số bí mật trước người đó thắng cuộc.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:**  **a. Số?**    **b. Trả lời các câu hỏi:**  **- Số 451 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị?**  **- Số 308 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị?**  **- Số 270 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị?**  a) HS thực hiện các thao tác:  - Đếm số lượng các khối lập phương, nếu số tương ứng cho ô  - Đọc cho bạn nghe các số vừa viết  b) Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:  - HS có thể đặt câu hỏi để đố bạn với các số khác, chẳng hạn: Số 233 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị  **Bài tập 2: Số ?**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp đôi  - Đếm, đọc và nêu số còn thiếu ở trong ô ? trên tia số  - Chia sẻ với bạn cách làm  **Bài tập 3:<, > , =**  - Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  - HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.  **Bài tập 4: Cho các số: 219, 608, 437, 500**  **a. Tìm số lớn nhất**  **b. Tìm số bé nhất**  **c. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn**  - GV yêu cầu HS quan sát các số 219, 608, 437, 500. Suy nghĩ tìm số bé nhất, số lớn nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bỏ đến lớn.  - GV có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên  **Bài tập 5: Em hãy ước lượng có bao nhiêu chấm tròn trong hình dưới đây**    - GV yêu cầu HS ước lượng số chấm tròn trong hình và nói cho bạn nghe cách ước lượng của mình.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về cách đếm, cách ước lượng phù hợp với tình huống trong bài  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6: Kể tên một số tình huống thực tế có sử dụng các ếtố trong phạm vi 1000 mà em biết**  - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - HS chia sẻ thông tin thực tiễn về những tình huống sử dụng các số phạm vi 1000 trong cuộc sống.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì  - Em có thể tự đánh giá bằng cách thực hiện vở bài tập. | - HS chơi trò chơi theo GV hướng dẫn  - GV yêu cầu HS quan sát trả lời:  a.    b.  Số 451 gồm 4 trăm 5 chục 1 đơn vị  Số 308 gồm 3 trăm 0 chục 8 đơn vị;  Số 270 gồm 2 trăm 7 chục 0 đơn vị.  - HS điền vào chỗ trống:  + 904 – 905 – 906 – 907 – 908 – 909 – 910 – 911 – 912 – 913 – 914  + 676 – 678 – 680 – 682 – 684 – 686 – 688 – 690 – 692 – 694 – 696  + 350 – 360 – 370 – 380 – 390 – 400 – 410 – 420 – 430 – 440 – 450  - HS so sánh các số:  367 < 421  608 < 680  242 = 242  245 < 319  666 > 88  900 >99  - HS thực hiện theo yêu cầu đề bài:  a. Số lớn nhất: 608  b. Số bé nhất: 219  c. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn: 219 < 437 < 500 < 608  - HS ước lượng: 725  - HS liên hệ thực tế trả lời  + Sách đang mở ở trang số 175  + Bộ xếp hình gồm 320 miếng  + Chìa khóa phòng 510  - HS chia sẻ, lắng nghe HS giao bài |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 79: PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện pháp công (không nhớ) trong phạm vi 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000.

- Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng cộng nhẩm trong phạm vi 10, cộng nhẩm các số tròn chục.  2. HS hoạt động theo nhóm bàn và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  + Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chẳng hạn: Khối lớp Một ủng hộ 243 quyển sách, khối lớp Hai ủng hộ 325 quyền sách. Vậy cả hai khối lớp ủng hộ được bao nhiêu quyển sách  - HS nêu phép tính tìm số quyển sách: 243 + 325 = ?  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết cách đặt tính và thực hiện pháp công (không nhớ) trong phạm vi 1000  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**GV yêu cầu HS tính 243 + 325 = ?  - GV yêu cầu HS thảo luận cách đặt tính và tính.  - Đại diện nhóm nêu cách làm  - GV chốt lại các bước thực hiện tính 243 + 325 = ?  - Đặt tính.  - Thực hiện tính từ phải sang trái:  + Cộng đơn vị với đơn vị.  + Cộng chục với chục.  + Cộng trăm với trăm.  - GV nêu một phép tính khác cho HS thực hiện trên bảng con, chẳng hạn  161 + 427 = ?  **Hoạt động 2.** HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 623  322  ?  + | 208  241  ?  + | 417  111  ?  + | 759  200  ?  + |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đổi và kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - HS nhắc lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2:Đặt tính rồi tính:**  **153 + 426 582 + 207**  **450 + 125 666 + 300**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 3: Tính (theo mẫu):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **452**  **37**  **?**  + | **304**  **72**  **?**  + | **644**  **30**  **?**  + | **326**  **61**  **?**  + |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 124 + 35=?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vở kiểm tra chéo.  **Bài tập 4: Tính theo mẫu:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **173**  **2**  **?**  + | **327**  **2**  **?**  + | **204**  **3**  **?**  + | **671**  **8**  **?**  + |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 261 + 4 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vở kiểm tra chéo.  **Bài tập 5:Đặt tính rồi tính:**  **803 + 55 246 + 31 510 + 9 694 + 4**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  - GV đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. HS nhắc bạn lỗi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.  **Bài tập 6: Lớp 2A và lớp 2B cùng sưu tầm các bức ảnh về động vật trong sách đỏ Việt Nam. Lớp 2A sưu tầm được 145 bức ảnh lớp 2B sưu tầm được 154 bức ảnh. Hỏi hai lớp sưu tầm được tất cả bao nhiêu bức ảnh?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở.  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.  Lưu ý: GV yêu cầu HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:** HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học rồi chia sẻ với cả lớp.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS tham gia trò chơi  - HS thảo luận theo nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ hai bạn học sinh và các chồng sách quyên góp  - HS thảo luận cách đặt tính và tính.  - HS nhắc lại cách cộng: Thực hiện tính từ phải sang trái:  + Cộng đơn vị với đơn vị.  + Cộng chục với chục.  + Cộng trăm với trăm.  - HS củng cố cách thực hiện  - HS đặt tính rồi tính:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 623  322  945  + | 208  241  449  + | 417  111  528  + | 759  200  959  + |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 153  426  579  ?  + | 582  207  789  + | 450  125  575  + | 666  300  966  + |   - HS tính theo mẫu:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 452  37  489  + | 304  72  376  + | 644  30  674  + | 326  61  387  + |   - HS tự làm các phép tính vào vở  - HS tính theo mẫu   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 173  2  175  + | 327  2  329  + | 204  3  207  + | 671  8  679  + |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 803  55  858  + | 246  31  277  + | 510  9  519  + | 694  4  698  + |   - HS viết phép tính thích hợp:  Bài giải  Hai lớp sưu tầm được tất cả số bức ảnh là  145 + 154 = 299 (bức ảnh).  Đáp số: 299 bức ảnh.  - HS kiểm tra lại bài  - HS sưu tầm các tình hướng trong thực tế  - HS chia sẻ trước lớp |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 80: PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn để toán học, NL tư duy và lập luận toán học
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.

- Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng trừ nhẩm trong phạm vi 10, trừ nhẩm các số tròn chục  2. HS hoạt động theo nhóm bàn và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  - Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**GV yêu cầu HS tính 587 - 265 = ?  - HS thảo luận cách đặt tính và tính.  - Đại diện nhóm nêu cách làm  - GV chốt lại các bước thực hiện tính: 587 - 265 = ?  - Đặt tính.  - Thực hiện tính từ phải sang trái.  + Trừ đơn vị với đơn vị.  + Trừ chục với chục.  + Trừ trăm với trăm.  - Đọc kết quả: Vậy 587 - 265 = 322  - GV nêu một phép tính khác cho HS thực hiện trên bảng con, chẳng hạn  543 - 312 = ?  **Hoạt động 2.** HS thực hiện một số phép tính khác để cùng có cách thực hiện.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 742  312  ?  - | 499  258  ?  -  856  401  ?  - |  | 364  310  ?  - |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính:**  **625 – 110 865 – 224**  **743 – 543 946 - 932**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. GV chữa bài chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 3: Tính (theo mẫu)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 395  43  ?  - | 846  40  ?  --  572  22  ?  - |  | 932  32  ?  - |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 583 – 32 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vỡ kiểm tra chéo  **Bài tập 4: Tính (theo mẫu):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 447  3  ?  - | 627  4  ?  -  529  8  ?  - |  | 216  6  ?  - |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 427– 6 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đổi và kiểm tra chéo  **Bài tập 5: Đặt tính rồi tính:**  **539 - 28 627 – 16**  **602 – 2 435 - 4**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi và kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS  - GV đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. HS nhắc bạn lỗi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.  **Bài tập 6: Ở một đài quan sát thiên văn, ngày thứ nhất có 259 học sinh đến tham quan. Ngày thứ hai số học sinh tham quan ít hơn ngày thứ nhất 45 học sinh. Hỏi ngày thứ hai có bao nhiều học sinh đến tham quan?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở.  - HS kiểm tra lại.  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.  Lưu ý: GV yêu cầu HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **-** HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học rồi chia sẻ với cả lớp.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn. | **-** HS chơi trò chơi “Truyền điện”  - Tình huống liên quan tới bức tranh: Hươu cao 587 cm, voi thấp hơn hươu 265 cm. Hỏi voi cao bao nhiêu xăng-ti-mét?  - HS nêu phép tính tìm chiều cao của voi: 587 - 265 = ?  - HS thảo luận cách đặt và tính  - HS nhắc lại cách tính: Thực hiện tính từ phải sang trái.  + Trừ đơn vị với đơn vị.  + Trừ chục với chục.  + Trừ trăm với trăm.  - HS thực hiện phép tính khác  - HS tính phép trừ:   |  |  | | --- | --- | | 742  312  430  - | 856  401  455  - | | 499  258  241  - | 364  310  54  - |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 625  110  515  - | 865  224  641  - | | 743  543  200  - | 946  932  14  - |   - HS tính theo mẫu:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 395  43  352  - | 572  22  550  - |  |  | | 846  40  806  -- | 932  32  900  - |  |  |   - HS tính theo mẫu:  447  3  444  -  627  4  623  -  216  6  210  -  529  8  521  -  - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 539  28  511  - | 627  16  611  - | | 435  4  431  -  602  2  600  - |  |   - Bài toán cho biết:Ở một đài quan sát thiên văn, ngày thứ nhất có 259 học sinh đến tham quan. Ngày thứ hai số học sinh tham quan ít hơn ngày thứ nhất 45 học sinh  - Bài toán hỏi:Hỏi ngày thứ hai có bao nhiều học sinh đến tham quan?  - HS thảo luận cách làm:  Bài giải  Số học sinh đến tham quan trong ngày thứ hai là:  259 - 45 = 214 (học sinh).  Đáp số: 214 (học sinh).  - HS liên hệ thực tế  - HS chia sẻ theo y kiến cá nhân |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 81: LUYỆN TẬP (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép tính cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000

- Thực hiện được cộng, trừ nhẩm các số tròn trăm.

- Viết được các số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGK Toán 2, SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng" theo nhóm:  - Mỗi nhóm nhận được một bộ thẻ phép tính khác nhau, chẳng hạn:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 208  2\_1  \_9\_  +  57\_  \_41  1\_8  - |  | 423  \_1  \_5\_  + | 984  \_1  \_2\_  - |   - HS thảo luận viết số thích hợp vào ô trống.  - Nhóm nào thực hiện nhanh và đúng thì thắng cuộc.  - HS chia sẻ cách tìm số trong mỗi ô trống.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 326  253  ?  +  - | 422  312  ?  + | 704  25  ?  + | 498  1  ?  + | | 457  216  ?  - | 543  102  ?  - | 169  35  ?  - | 179  8  ?  - |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS nhắc lại quy tắc thực hiện tính từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính**  **a. 174 + 625 607 + 82 281 + 8**  **b. 487 – 234 596 – 95 724 - 4**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS  **Bài tập 3:**  **a. Tính nhẩm (theo mẫu):**  **200 + 400 600 – 100 300 + 60 + 7**  **700 + 300 1000 – 200 900 + 90 + 9**  **500 + 500 1000 – 900 724 -4**  **b. Trò chơi “Tìm bạn cùng qua cầu”**  - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác  a) Quan sát mẫu, nếu cách cộng, trừ nhầm các số trên trăm.  - Thực hiện tính nhẩm rồi nêu kết quả  - Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm  b) Chơi trò chơi "Tìm bạn cùng qua cầu” theo nhóm.  - Quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì.  - Đọc cân nặng của mỗi con vật.  - Thảo luận về cách tìm bạn để khi đi qua cầu đảm bảo tổng cân nặng bé hơn 500 kg.  - HS chơi trong nhóm sử dụng các thẻ để biểu thị cho các con vật, HS có thể đóng vai, mô tả cách ghép bạn để qua cầu của nhóm.  **Bài tập 4: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):**  **a. 683 b. 127 c. 303 d. 240**  - GV yêu cầu HS đọc mẫu, nói cho bạn nghe cách viết số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.  - HS thực hiện viết các số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị rồi nói cho bạn nghe  **Bài tập 5: Thực hiện phép trừ rồi kiểm tra lại kết quả bằng phép cộng:**  **a.**   |  |  | | --- | --- | | 588  216  ?  - | 216  ?  588  + | | **b.**  375  143  ?  - | 143  ?  375  + |   - HS thực hiện phép trừ rồi kiểm tra lại kết quả bằng phép cộng.  - HS nêu nhận xét và tự lấy ví dụ về cách dùng phép cộng để kiểm tra kết quả của phép trừ.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6:Hưởng ứng phong trào Trồng cây gây rừng, xã Thắng Lợi đã trồng được 345 cây bạch đàn và 420 cây keo lại lượng. Hỏi xã Thắng Lợi đã trồng được tất cả bao nhiêu cây bạch đàn và cây keo lai tượng?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Em thích nhất bài tập nào? Vì sao? | - HS chơi trò chơi  - HS tìm số vào chỗ trống  - HS tính:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 422  312  734  +  326  253  579  +  - |  | 498  1  499  +  704  25  729  + |  | | 457  216  241  - | 169  35  134  -  543  102  441  - |  | 179  8  171  - |   - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe   |  |  | | --- | --- | | 174  625  799  + | 607  82  689  + | | 487  234  253  -  281  8  289  +  724  4  720  - |  | | 596  95  501  - |  |   a. HS tính theo mẫu:  200 + 400 = 600  700 + 300 = 1000  500 + 500 = 1000  600 – 100 = 500  1000 – 900 = 100  1000 – 200 = 800  900 + 90 + 9 = 990  300 + 60 + 7 = 367  724 – 4 = 720  b.HS chọn các con vật có khối lượng nhỏ hơn 500 kg  a. 683 gồm 6 trăm 8 chục và 3 đơn vị, ta viết 683 = 600 + 80 + 3  b. 127 gồm 1 trăm, 2 chục và 7 đơn vị, ta viết 127 = 100 + 20 + 7  c. 303 gồm 3 trăm, 0 chục và 3 đơn vị, ta viết: 303 = 300 + 3  d. 240 gồm 2 trăm, 4 chục và 0 đơn vị, ta viết 240 = 200 + 40  a.   |  |  | | --- | --- | | 588  216  372  - | 216  372  588  + | | **b.**  375  143  232  - | 143  232  375  + |   - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở.  Bài giải  Xã Thắng Lợi đã trồng được tất cả số cây bạch đàn và cây keo tai tượng là:  345 +420 = 765 (cây).  Đáp số: 765 (cây).  - HS kiểm tra lại.  - HS chú y lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 82: MÉT (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết mét là đơn vị đo độ dài, mét viết tắt là mì. Biết được quan hệ giữa mét với đề-xi-mét, xăng-ti-mét.

- Thực hiện được các phép tính với đơn vị mét và vận dụng giải quyết vấn đề thực tế.

- Biết ước lượng độ dài với đơn vị đo mét trong một số trường hợp đơn giản.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động quan sát, đo đạc, so sánh, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến để nắm vững cách đo, đơn vị đo mét, HS có cơ hội được phát triển Nh giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác, cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Thước có vạch chia xăng-ti-mét Thước mét.

- Sợi dây dài hơn 3m.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. HS nói cho bạn nghe đã được học những đơn vị đo độ dài nào, chỉ trên thước cho bạn xem độ dài 1 cm, 1 dm  - HS chia sẻ trong nhóm những nhận xét của mình: Em thấy trong cuộc sống người ta thường dùng đơn vị đo xăng-ti-mét để đo những đồ vật như thế nào? Dùng đơn vị đo đề-xi-mét để đo những đồ vật như thế nào?  2. GV gọi một HS lên bảng, dang tay cầm thước mét để có cảm nhận trực quan về độ dài 1 mét (chú ý. GV không nói ngay đây là độ dài 1 m).  3. GV giới thiệu: Chúng ta có thể sử dụng đơn vị đo xăng-ti-mét để đo chiều dài của các vật ngắn, nhưng để thuận tiện khi đo chiều dài của các vật dài hơn người ta thường dùng một đơn vị đo khác dài bằng chiếc thước này của thầy cô, đơn vị đó đó gọi là mét và chiếc thước nảy gọi là thước mét. Đó là nội dung bài hôm nay.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết mét là đơn vị đo độ dài, mét viết tắt là mì. Biết được quan hệ giữa mét với đề-xi-mét, xăng-ti-mét.  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1**. HS thực hiện theo nhóm đo để tự phát hiện ra thước mét có độ dài 100 cm hay 10 dm. Từ đó, rút ra nhận xét: 1 m = 100 cm, 1m= 10 dm.  **Hoạt động 2**. GV giới thiệu: Mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là m  1m = 10 dm  GV yêu cầu HS đọc và ghi vào vở.  **Hoạt động 3**. HS cùng nhau dùng thước mét đo sải tay xem sải tay của mỗi bạn trong nhóm dài hơn, ngắn hơn hay bằng 1 m.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:**  **a. Kể tên một số đồ vật dài hơn 1m**  **b. Kể tên một số đồ vật ngắn hơn 1 m**  - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác:  - Cùng nhau nhắm mắt nghĩ về độ dài 1 m  - Ước lượng rồi kể cho bạn nghe tên một số đồ vật:  a) dài hơn 1 m.  b) ngắn hơn 1m.  **Bài tập 2:**  **a. Tính:**  **7 m + 3 m 2 m x 4 15 m – 9 m 20 m : 5**  **b. Số ?**  **1 m = ? cm 2 m = ? cm 100 cm = ? m**  **1 m = ? dm 2 m = ? dm 20 dm = ? m**  HS thực hiện các thao tác  a) HS thực hành tính toán với đơn vị đo mét rồi đọc kết quả cho bạn nghe.  1 m = 100 cm.  b) HS suy nghĩ tìm số thích hợp thay cho ô ? rồi cùng bạn kiểm tra kết quả đặt câu hỏi và trả lời về những thông tin trong bài tập.  **Bài tập 3: Cuộn dây điện thứ nhất dài 36m. Cuộn dây điện thứ hai ngắn hơn cuộn dây thứ nhất 9m. Hỏi cuộn dây điện thứ hai dài bao nhiêu mét?**  HS thực hiện các thao tác  - Đọc bài toán  - Hiểu bài toán.  - Suy nghĩ cách giải quyết bài toán: Cuộn dây điện thứ hai ngắn hơn cuộn dây điện thứ nhất 9 m. Vì vậy, ta phải làm phép tính trừ  - Viết bài giải vào vở.  - Đối vở chữa bài, nói cho bạn nghe cách giải quyết vấn đề của mình.  - Khi chữa bài GV đặt câu hỏi để HS mô tả suy nghĩ cách thức giải quyết vấn đề của các em.  **Bài tập 4:**  **a. Chọn số đo độ dài thích hợp với mỗi đồ vật sau:**    **b. Chọn số thích hợp:**   |  |  | | --- | --- | | **Tháp Rùa ở hồ Hoàn Kiếm cao khoảng:**  **A. 9 cm**  **B. 9 dm**  **C. 9 m** | **Cột cờ Hà Nội cao khoảng:**  **A. 33 cm**  **B. 33 dm**  **C. 33 m** |   HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:  a) Quan sát hình vẽ, đọc các số đo ghi trên các thể chọn số đo độ dài thích hợp với mỗi đồ vật rồi giải thích tại sao lại chọn.  b) Quan sát hình vẽ, chọn số đo độ dải thích hợp với mỗi trường hợp rồi giải thích tại sao lại chọn.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bt  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5:Thực hành: Đo rồi cắt sợi dây có độ dài 1m, 2m**  - HS thực hành đo rồi cắt sợi dây có độ dài 1 m, 2 m. HS thực hiện theo nhóm cùng nhau hợp tác để đo rồi cắt các sợi dây có độ dài theo yêu cầu  - GV quan sát để hướng dẫn HS thao tác cẩn thận, sử dụng công cụ, phương tiện học toán một cách có hiệu quả. Thúc đẩy HS phát huy hiệu quả của hợp tác nhóm. Hướng dẫn HS kiểm tra lại kết quả sau khi cắt xem có chính xác không Đặt câu hỏi để HS nêu những giá trị rút ra sau khi trải nghiệm đo và cắt sợi dây.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú y  - Liên hệ về nhà, em tập ước lượng một số đồ dùng, đổ vật sử dụng đơn vị đo đã dải miết. | - HS đã được học đơn vị xen-ti-mét (cm) và đề-xi-mét (dm)  - HS chú y quan sát  - HS chú y lắng nghe GV giới thiệu  - HS rút ra nhận xét:  1 m = 100 cm, 1m= 10 dm  - HS ghi vở: Mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là m  1m = 10 dm  a. Một số đồ vật dài hơn 1m: bảng, bàn học, cây phượng, ...  b. Một số đồ vật ngắn hơn 1 m: bút, tẩy, thước 20 cm, vở, sách,...  a. Tính:  7m + 3m = 10 m  2 m x 4 = 8 m  15m – 9m = 6 m  20m : 5 = 4 m  b. Số ?  1 m = 100 cm  2m = 200 cm  100 cm = 1 m  1 m = 10 dm  2 m = 20 dm  20dm = 2 m  Bài giải:  Cuộn dây điện thứ hai dài số mét là:  36 – 9 = 25 (m)  Đáp số: 25 (m)  a.  + 1 cm: tẩy  + 1 dm: bút xóa, vở  + 1 m: xe đạp, ô  b.  - Tháp Rùa ở hồ Hoàn Kiếm cao khoảng:  C. 9 m  Cột cờ Hà Nội cao khoảng:  C. 33 m  - HS thực hành: Đo rồi cắt sợi dây có độ dài 1m, 2m  - HS chú y lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 83: KI-LÔ-MÉT (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết ki-lô-mét là đơn vị đo độ dài, ki-lô-mét viết tắt là km. Biết được quan hệ giữa ki-lô-mét với các đơn vị đo độ dài đã học.

- Thực hiện được các phép tính với đơn vị mét và vận dụng giải quyết vấn đề thực tế.

- Biết ước lượng độ dài với đơn vị đo ki-lô-mét trong một số trường hợp đơn giản. Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động quan sát, so sánh, trao đổi, nhận xét, ước lượng sử dụng đơn vị đo ki-lô-mét trong bối cảnh thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển N giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác, cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số tình huống thực tế có sử dụng đơn vị đo độ dài km.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. Kể tên các đơn vị đo độ dài đã học. Viết đơn vị đo độ dải thích hợp váo chỗ chấm:  a) Bút chì dài 15…  b) Bàn học cao khoảng 8…  c) Chiều dài lớp học khoảng 12 ...  d) Quãng đường từ Hà Nội đi Hải Phòng dài khoảng 90 ...  Từ đó, GV giới thiệu đơn vị đo độ dài mới.  2. GV yêu cầu HS quan sát tranh nói cho bạn nghe những thông tin biết được liên quan đến bức tranh. GV đặt vấn đề: Các em đã bao giờ nghe nói đến đơn vị đo độ dài ki-lô-mét chưa? Hãy chia sẻ với bạn những thông tin em biết.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết ki-lô-mét là đơn vị đo độ dài, ki-lô-mét viết tắt là km. Biết được quan hệ giữa ki-lô-mét với các đơn vị đo độ dài đã học.  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.** Nhận biết đơn vị đo độ dài ki-lô-mét  Để đo những độ dài tương đối lớn như độ dài đường bộ, đường sắt, chiều dài con sông... người ta thường sử dụng đơn vị đo độ dài ki-lô-mét.  - GV giới thiệu: Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là km.  1 km = 1000 m  - GV yêu cầu HS đọc và ghi vào vở.  **Hoạt động 2.** Tổ chức hoạt động giúp HS cảm nhận được độ dài 1 km trong thực tế cuộc sống GV lấy một vị trí có khoảng cách từ trường học đến vị trí đó là 1 km để giải thích cho HS cảm nhận được độ dài 1 km.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Chọn số đo độ dài thích hợp:**   |  |  | | --- | --- | | **a. Cầu Nhật Tân dài khoảng:**  **A. 4 m**  **B. 4 km** | **b. Xe búy‎t dài khoảng**  **A. 10 m**  **B. 10 km** |   - HS thực hiện theo cấp hoặc theo nhóm bàn:  Quan sát hình vẽ, chọn số đo độ dài thích hợp với mỗi trường hợp rồi giải thích tại sao lại chọn.  - GV nên đặt câu hỏi để HS đưa ra lí lẽ, chứng cử lập luận về tính hợp lí khi chọn số đo độ dài cho mỗi trường hợp  **Bài tập 2:**  **a. Tính:**  **200 km + 140 km 160 km – 60 km**  **2 km x 9 45 km : 5**  **b. < , > , =**  **1 km [?] 300 m + 600 m**  **1000 m [?] 1 km**  **980 m + 10 m [?] 1 km**  **315 m + 683 m [?] 1 km**  - GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác  a) HS thực hành tính toán với đơn vị đo ki-lô-mét rồi đọc kết quả cho bạn nghe  1000 m 1 km.  b) HS suy nghĩ tìm dấu, suy thích hợp thay cho ô rồi cũng bạn kiểm tra kết quả đặt câu hỏi và trả lời về những thông tin trong bài tập  **Bài tập 3: Đọc bảng sau rồi trả lời câu hỏi:**   |  |  | | --- | --- | | **Quãng đường** | **Dài khoảng** | | **Hà Nội - Vinh** | **300 km** | | **Hà Nội – Lai Châu** | **450 km** | | **Hà Nội – Quảng Ninh** | **153 km** | | **Hà Nội – Thanh Hóa** | **150 km** |   **a) Trong các tuyến đường từ Hà Nội đi các tỉnh này, tuyến đường nào dài nhất?**  **b.Từ Hà Nội đi Quảng Ninh xa hơn hay từ Hà Nội đi Vinh xa hơn**  HS thực hiện theo nhóm:  - Đọc thông tin về độ dài quãng đường từ Hà Nội để một số tính  - Đặt câu hỏi mời bạn trả lời từ những thông tin về chiều dài quãng đường  - Liên hệ với độ dài quãng đường ở một số địa danh của địa phương con rồi nêu nhận xét.  **Bài tập 4: Quan sát sơ đồ, trả lời câu hỏi:**    **Tùng nói rằng: “Quãng đường đi từ nhà mình đếm nhà Hân dài 1 km”. Theo em, Tùng nói có đúng không?**  HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:  - Quan sát say đồ, chia sẻ thông tin biết được từ sơ đồ  - Thảo luận với bạn, đưa ra những lập luận chỉ ra lí lẽ, chứng cứ để nói rõ quan điểm có đồng ý với câu nói của Tùng không  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5: Thực hành ước lượng với đơn vị đo ki-lô-mét.**  **-** HS thực hiện theo nhóm cùng nhau ước lượng khoảng cách từ trường học đến nhà của mình dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý  - Liên hệ về nhà, em tập ước lượng một sử dụng đơn vị đo độ dải ki-lô-mét | a) Bút chì dài 15 cm  b) Bàn học cao khoảng 8 dm  c) Chiều dài lớp học khoảng 12 m  d) Quãng đường từ Hà Nội đi Hải Phòng dài khoảng 90 km  - HS chú y lắng nghe  - HS nhận biết ki-lô-mét: Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là km.  1 km = 1000 m  - HS cảm nhận được độ dài 1 km trong thực tế cuộc sống  a. B  b. A  - HS giải thích vì sao chọn đáp án đó  a. Tính:  200 km + 140 km = 340 km  160 km – 60 km = 100 km  2 km x 9 = 18 km  45 km : 5 = 9 km  b. < , > , =  1 km [>] 300 m + 600 m  1000 m [=] 1 km  980 m + 10 m [<] 1 km  315 m + 683 m [<] 1 km  a) Trong các tuyến đường từ Hà Nội đi các tỉnh này, tuyến đường Hà Nội – Lai Châu dài nhất  b.Từ Hà Nội đi Vinh xa hơn hay từ Hà Nội đi Quảng Ninh  - HS quan sát tranh, hoạt động theo nhóm bàn  Quãng đường từ nhà Tùng đến nhà Hân dài:  300 + 100 + 100 + 200 + 300 = 1000 m = 1 km  Vậy Tùng nói đúng  - HS thực hiện ước lượng  - HS chú y lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 84: PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp còn một số tình huống đơn giản Hs biết vận dụng pháp cộng để giải quyết vấn đề. Hs có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 1000.

- Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  + Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chẳng hạn:  Một đoàn tàu có 719 hành khách, một máy bay có 234 hành khách. Vậy cả đoàn tàu và máy bay có tất cả bao nhiêu hành khách?  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**GV yêu cầu HS tính 719 + 234 = ?  - HS thảo luận cách đặt tính và tính  - Đại diện nhóm nêu cách làm  - GV chốt lại các bước thực hiện tính: 719 + 234 = ?  - Đặt tính;  - Thực hiện tính từ phải sang trái:   |  |  | | --- | --- | | **719**  **234**  **953**  **+** | + 9 cộng 4 bằng 13, viết 3, nhớ là thêm 1 bằng 5, viết  + 1 cộng 3 bằng 4, 953  + 7 cộng 2 bằng 9, viết 9 |   - GV nêu một phép tính khác HS thực hiện trên bảng con, chẳng hạn567 + 316 = ?  - SGK trình bày rõ từng thao tác tính để HS học nhưng khi tổ chức hoạt động trên lớp GV không nên trình bày giống y liệt SGK mà chỉ cần trình bày gọn như trên.  **Hoạt đông 2.** HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**  253  456  ?  +  624  306  ?  +  498  261  ?  +  567  316  ?  +  - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nổi cách làm cho bạn nghe.  - Nhắc lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  - GV đặt câu hỏi để HS nhận xét và lưu ý các trường hợp có nhở khi cộng đơn vị với đơn vị hay khi cộng chục với chục  **Bài tập 2:Đặt tính rồi tính:**  **632 + 339 187 + 560**  **402 + 478 593 + 315**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS, chú ý những lỗi quân nhớ khi cộng  **Bài tập 3: Tính (theo mẫu):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 635  27  ?  + | 367  52  ?  + | 116  48  ?  + | 292  85  ?  + |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 367 +25 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đối vở kiểm tra chéo.  **Bài tập 4: Tính (theo mẫu):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 345  7  ?  + | 576  8  ?  + | 439  4  ?  + | 806  5  ?  + |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 176 + 8 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đối vở kiểm tra chéo  **Bài tập 5:Đặt tính rồi tính:**  **237 + 48 154 + 53**  **265 + 5 367 + 9**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  - GV đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. Nhắc bạn lỗi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.  **Bài tập 6:Đội công nhân mang đến vườn hoa thành phố 368 chậu hoa hồng và 150 chậu hoa cúc. Hỏi đội công nhân mang đến vườn hoa tất cả bao nhiêu chậu hoa?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình,  - GV hướng dẫn GV yêu cầu HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả. Kĩ năng sử dụng nháp trong học toán cũng là kĩ năng HS cần trau dồi để sử dụng hiệu quả.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học rồi chia sẻ với cả lớp.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà, cm hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến pháp công đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn. | **-** HS hoạt động theo nhóm bàn  - HS quan sát bức tranh  + Bức tranh vẽ tàu hỏa chưa 719 hành khách, máy bay chứ 234 hành khách  - HS nêu phép tính tìm số hành khách: 719 + 234 = ?  - HS thảo luận cách đặt tính và tính  - HS thực hiện phép tính khác trên bảng con  - Tính:   |  |  | | --- | --- | | 567  316  883  + | 498  261  759  + | | 624  306  930  +  624  306  ?  + | 253  456  709  + |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 632  339  971  + | 187  560  747  + | | 402  478  880  + | 593  315  908  + |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 635  27  662  + | 367  52  419  + | 116  48  164  + | 292  85  377  + |  |  |  | | --- | --- | | 345  7  352  + | 576  8  584  + | | 439  4  443  + | 806  5  811  + |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 237  48  285  + | 154  53  207  + | | 265  5  270  + | 367  9  376  + |   - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở.  Bài giải  Đội công nhân mang đến vườn hoa tất cả số chậu hoa là:  368 + 150 = 518 (chậu hoa).  Đáp số: 518 chậu hoa  - HS kiểm tra lại  - HS chú y lắng nghe, quan sát |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 85: LUYỆN TẬP (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách theo nhóm:  HS nêu tình huống thực tế (đã chuẩn bị ở nhà) liên quan đến phép cộng (có nhà) trong phạm vi 1000. Mời một bạn bất kì trong lớp hoặc trong nhóm thực hiện tính và trả lời câu hỏi đặt ra.  Nhóm nào có nhiều tình huống hay, phép tính đúng thì thắng cuộc.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 209  376  ?  + | 597  122  ?  + | 143  48  ?  + | 625  7  ?  + |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đổi vỡ kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Nhắc lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính:**  **285 + 507 164 + 53 216 + 8**  **318 + 142 248 + 25 159 + 6**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS  **Bài tập 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính:**    - Cả nhân HS làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng (HS nên đặt tính ra nháp để tìm kết quả tránh nhầm lẫn).  - Chỉ vào từng cặp phép tính, nói cho bạn nghe mỗi con ong đến hút mặt ở bông hoa nào.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Một cửa hàng bản đồ thể thao đã nhập về 185 quả bóng đá. Số bóng rổ của hàng nhập về nhiều hơn số bóng đá 72 quả. Hỏi cửa hàng đó đã nhập về bao nhiêu quả bóng rổ?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì  - HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe này nghĩ của mình.  - HS trình bày bài giải  - Kiểm tra lại các bước thực hiện.  - Liên hệ thực tế với những tình huống liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày | |  |  | | --- | --- | | 209  376  585  + | 597  122  719  + | | 143  48  191  + | 625  7  632  + |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 285  507  792  + | 164  53  217  + | | 216  8  224  + | 318  142  460  + | | 248  25  273  + | 159  6  165  + |   - HS tìm kết quả đúng cho các phép tính:  485 + 243 = 728  248 + 13 = 261  880 + 20 = 900  562 + 9 = 571  - HS trình bày bài giả:  Cửa hàng đó đã nhập về số quả bóng rổ là:  185 + 72 = 257 (quả)  Đáp số: 257 quả bóng rổ  - HS chia sẻ lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 86: PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế. Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toàn học, NL tư duy và lập luận toán học
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 1000.

- Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  + Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chẳng hạn: Trong một thư viện có 362 quyển sách. Người ta đã cho mượn 145 quyển. Hỏi thư viện đó còn lại bao nhiêu quyển sách?  - HS nêu phép tính tìm số quyển sách còn lại: 362 - 145 = ?  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1.**GV yêu cầu HS tính 362 - 145 =  - HS thảo luận cách đặt tính và tính  - Đại diện nhóm nêu cách làm  - GV chốt lại các bước thực hiện tính 362 - 145 = ?  - Đặt tính  - Thực hiện tính từ phải sang trái:   |  |  | | --- | --- | | **362**  **145**  **217**  **-** | + 2 không trừ được 5 lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1  + 4 thêm 1 bằng 5, 6 trừ 5 bằng 1, viết 1  + 3 trừ 1 bằng 2, viết 2 |   - Đọc kết quả. Vậy 362 – 145 = 217  **Hoạt động 2.** HS thực hiện một số phép tính khác để cùng có cách thực hiện.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 374  145  ?  - | 526  262  ?  - | 477  284  ?  - | 685  357  ?  - |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - Nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính:**  **364 – 156 439 – 357**  **785 – 157 831 - 740**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 3: Tính (theo mẫu):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 453  47  ?  - | 567  19  ?  - | 850  27  ?  - | 408  23  ?  - |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 756 - 38 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vớ kiểm tra chéo.  **Bài tập 4:Tính (theo mẫu):**   |  |  | | --- | --- | | 323  6  ?  -  467  8  ?  - | 615  9  ?  - | |  | 613  5  ?  - |   - GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rối tính phép tính 143 – 7 = ?  - Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.  - HS tự làm các phép tính vào vớ, đối vở kiểm tra chéo  **Bài tập 5: Đặt tính rồi tính:**  **275 – 38 470 – 59 783 – 5 865 - 9**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đối vớ kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  - Đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. Nhắc bạn lỗi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.  **Bài tập 6: Một máy in sách đã in được 785 cuốn sách, người ta đã chuyển đi 658 cuốn sách. Hỏi còn lại bao nhiêu cuốn sách?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học rồi chia sẻ với cả lớp.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS thảo luận cách đặt tính và tính  - HS đọc lại quy tắc thực hiện phép tính: từ trái sáng phải  - HS thực hiện một số phép tính khác  - HS tính phép tính:   |  |  | | --- | --- | | 374  145  229  - | 526  262  264  - | | 477  284  193  - | 685  357  328  - |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 364  156  208  - | 439  357  82  - | | 785  157  628  - | 831  740  91  - |   - HS tính theo mẫu:   |  |  | | --- | --- | | 453  47  406  - | 567  19  548  - | | 850  27  823  - | 408  23  385  - |   - HS tính theo mẫu:   |  |  | | --- | --- | | 323  6  317  -  467  8  459  - | 615  9  606  - | |  | 613  5  608  - |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  | | --- | --- | | 275  38  237  - | 470  59  411  - | | 783  5  778  - | 865  9  856  - |   - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở:  Bài giải  Số cuốn sách còn lại là  785 - 658 = 127 (cuốn sách)  Đáp số: 127 cuốn sách.  - HS kiểm tra lại.  - HS liên hệ bản thân |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 87: LUYỆN TẬP (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 1000 vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học. NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGK Toán 2, SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách” theo nhóm:  - HS nêu tình huống thực tế (đã chuẩn bị ở nhà) liên quan đến phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000. Mời một bạn bất kì trong lớp hoặc trong nhóm thực hiện tính và trả lời câu hỏi đặt ra.  - Nhóm nào có nhiều tình huống hay, phép tính đúng thì thắng cuộc.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 914  507  ?  - | 653  124  ?  - | 156  39  ?  - | 178  9  ?  - |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe,  - Nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính:**  **492 – 314 451 – 32 237 – 8**  **873 – 225 734 – 26 425 - 6**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính:**    - Cá nhân HS làm bài 3: Tìm kết quả các phép trừ (HS nên đặt tính ra nháp để tìm kết quả tránh nhầm lẫn).  - Chỉ vào từng cặp phép tính, nói cho bạn nghe mỗi chiếc khoá tương ứng với mỗi chìa khoá  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4: Để sửa sang một công viên, người ta đã mua 956 viên gạch xám và gạch đỏ. Biết rằng có 465 viên gạch xám. Hỏi có bao nhiêu viên gạch đỏ?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.  - HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.  - HS trình bày bài giải.  - Kiểm tra lại các bước thực hiện.  - Liên hệ thực tế với những tình huống liên quan đến phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày | - HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách” theo nhóm  - HS tính:   |  |  | | --- | --- | | 914  507  407  - | 653  124  529  - | | 156  39  117  - | 178  9  169  - |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 451  32  419  -  492  314  178  - | 237  8  229  - | 873  225  648  - |  | | 734  26  708  - | | 425  6  419  - | |   - Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính:  384 – 126 = 258  735 – 29 = 706  862 – 4 = 858  934 – 44 = 890  Bài giải:  Số viên gạch đỏ là:  956 – 465 = 491 (viên gạch)  Đáp số: 491 viên gạch đỏ  - HS liên hệ |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 88: LUYỆN TẬP CHUNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000

- Thực hiện được cộng, trừ nhâm các phép tính đơn giản.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép cộng, trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGK Toán 2, SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Ai nhanh - Ai đúng" theo nhóm:  - Mỗi nhóm nhận được một bộ thẻ phép tính khác nhau, chẳng hạn:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 208  2\_2  \_9\_  + | 57\_  \_81  1\_8  -  423  \_9  \_5\_  + | 954  \_1  \_6\_  - |  |   - HS thảo luận viết số thích hợp vào ô trống. Nhóm nào thực hiện nhanh và đúng thì thắng cuộc. HS chia sẻ cách tìm số trong mỗi ô trống  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **a.**  567  192  ?  + | 158  12  ?  + | 127  4  ?  + | | **b.**  792  386  ?  - | 628  37  ?  - | 247  9  ?  - |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - Nhắc lại quy tắc cộng, trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính:**  **a. 126 + 268 687 + 91 186 + 5**  **b. 825 – 408 536 – 66 224 - 8**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe,  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 3:**  **a. Tính nhẩm:**  **130 + 20 150 + 350 405 + 45**  **650 – 150 835 – 35 200 – 50**  **b. Trò chơi “Ai nhanh ai đúng”**  **Mỗi bạn viết hai số có ba chữ số nhỏ hơn 500 rồi tính tổng. Ai có tổng lớn hơn sẽ thắng cuộc**  a) HS thực hiện các thao tác.  - HS thực hiện tính nhẩm rồi nêu kết quả.  - HS kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.  b) GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng" theo nhóm  - Mỗi bạn viết hai số có ba chữ số nhỏ hơn 500 rồi tính tổng. Ai có tổng lớn hơn sẽ thắng cuộc.  - HS có thể có nhiều phương án khác nhau  - GV nên khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ của bản thân, khuyến khích HS suy nghĩ cách viết số để có tổng lớn hơn.  **Bài tập 4:> , < , =**  **280 + 300 [?] 280 + 30**  **640 – 400 [?] 460 – 400**  **750 + 40 [?] 40 + 750**  **900 – 80 [?] 960 – 80**  - GV yêu cầu HS tính nhẩm, rồi tìm dấu > , < , =) thích hợp thay cho ô [?]  - HS đổi vở chữa bài, nói cho bạn nghe cách làm của mình.  **Bài tập 5:Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Bạc Liêu dài 288 km. Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Vĩnh Long dài 134 km. Hỏi quãng đường nào dài hơn và dài hơn bao nhiêu ki-lô-mét?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.  - HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.  - HS trình bày bài giải.  - GV gợi ý cho HS liên hệ tình huống bức tranh với thực tế địa phương mình  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6:Mỗi ngày anh Nam đều tập thể dục bằng cách chạy bộ theo con đường như sơ đồ dưới đây. Nếu chạy 2 vòng thì anh Nam đã chạy được tất cả bao nhiều ki-lô-mét?**  - Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, có thể chia sẻ một vài thông tin liên hệ đến bối cảnh, chẳng hạn hằng ngày em có tập thể dục không? Nhà em có ai tập thể dục bằng cách chạy bộ không?  - GV yêu cầu HS đọc hiểu vấn đề, nhận biết, phát hiện vấn đề cần giải quyết.  - HS thảo luận cách giải quyết vấn đề, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.  - HS nêu câu trả lời.  - GV đặt thêm các câu hỏi hoặc khuyến khích HS đặt ra những vấn đề tương tự hoặc khác từ bối cảnh của tình huống đã cho.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày 2 | - HS chơi trò chơi "Ai nhanh - Ai đúng" theo nhóm  - HS thảo luận  - HS tính :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **a.**  567  192  759  + | 158  12  170  + | 127  4  131  + | | **b.**  792  386  406  - | 628  37  591  - | 247  9  238  - |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 126  268  394  + | 687  91  778  + | 186  5  191  + | | 825  408  417  - | 536  66  470  - | 224  8  216  - |   a. HS tính nhẩm:  130 + 20 = 150  150 + 350 = 500  405 + 45 = 450  650 – 150 = 500  835 – 35 = 800  200 – 50 = 150  - Mỗi HS viết hai số có ba chữ số nhỏ hơn 500 rồi tính tổng. Ai có tổng lớn hơn sẽ thắng cuộc.  - HS tính các vế phép tính và so sánh:  280 + 300 [>] 280 + 30  640 – 400 [>] 460 – 400  750 + 40 [=] 40 + 750  900 – 80 [<] 960 – 80  Bài giải:  Quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh đi Bạc Liêu dài hơn Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Vĩnh Long số ki-lô-mét là:  288 – 134 = 154 (km)  Vậy quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Bạc Liêu dài hơn Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Vĩnh Long 154 ki-lô-mét  Bài giải:  Nếu chạy 2 vòng thì anh Nam đã chạy được tất cả số ki-lô-mét là:  1000 + 700 + 300 + 2000 = 3000 (mét)  Đáp số: 3000 mét  - HS chia sẻ, lắng nghe GV dặn dò |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 89: LUYỆN TẬP CHUNG (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau

- Củng cố kĩ năng cộng, trừ các số có ba chữ số (không nhớ, có nhớ), cộng, trừ nhấm các phép tính đơn giản trong phạm vi 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng, trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000. ạo không khí vui vẻ, phần khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. Chia sẻ các tình huống có phép cộng, phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. HS chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.  2. GV hướng dẫn HS chơi trò “Truyền điện" hoặc "Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 1000, chẳng hạn: 300 + 400; 1000 - 500.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **a.**  432  257  ?  + | 192  406  ?  + | 994  770  ?  - | | **b.**  248  134  ?  + | 594  132  ?  + | 481  136  ?  - |   - GV yêu cầu HS tính rồi viết kết quả phép tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Nhắc lại quy tắc cộng, trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  **Bài tập 2: Đặt tính rồi tính:**  **249 + 128 859 – 295 175 – 64**  **172 + 65 171 – 8 360 - 170**  - GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 3: Bạn Gấu phải đi qua các vị trí ghi phép tính có kết quả lần lượt là 100, 300, 500, 700, 900, 1000 để đến nhà bạn voi. Hãy chỉ đường giúp bạn Gấu.**    - HS chơi theo nhóm: Giúp bạn Gấu tìm đường về nhà:  - GV yêu cầu HS quan sát các phép tính, tính nhằm để tìm các vị trí ghi phép tính có kết quả lần lượt là 100, 300, 500, 700, 900, 1000.  - HS chỉ đường về nhà giúp bạn Gấu, khuyến khích HS diễn tả như một câu chuyện  - Qua bài tập, HS rút ra cách tính nhẩm như thế nào cho nhanh và chính xác.  **Bài tập 4: Anh cao 145 cm, em thấp hơn anh 19 cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăng-ti-mét?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toàn cho biết gì, bài toán hội gia  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình. Khuyến khích HS về nhà hỏi chiều cao của các thành viên trong gia đình rồi tính xem em thấp hơn hay cao hơn mỗi người bao nhiêu xăng-ti-mét  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5: Ở một bảo tàng sinh vật biển, buổi sáng có 219 lượt khách đến tham quan, buổi chiều có nhiều hơn buổi sáng 58 lượt khách. Hỏi bảo tàng đã đón bao nhiêu lượt khách đến tham quan vào buổi chiều?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.  - HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.  - HS trình bày bài giải  - HS kiểm tra lại các bước thực hiện.  - Liên hệ thực tế với những tình huống liên quan đến phép cộng, phép trừ (có nhớ) các số trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, con đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày | - HS chia sẻ các tình huống có phép cộng, phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em  - HS chơi trò “Truyền điện"  - HS tính:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **a.**  432  257  689  + | 192  406  598  + | 994  770  224  - | | **b.**  248  134  382  + | 594  132  726  + | 481  136  345  - |   - HS đặt tính rồi tính:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 249  128  121  - | 859  295  564  - | 175  64  111  - | | 171  8  163  -  172  65  237  + |  | 360  170  190  -  - |   - HS tính các phép tính có kết quả theo yêu cầu của bài và chọn hướng đi    - HS việt phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở  Bài giải  Chiều cao của em là:  145 - 19 = 126 (cm)  Đáp số: 126 cm.  - HS kiểm tra lại.  Bài giải:  Bảo tàng đã đón số lượt khách đến tham quan vào buổi chiều là:  219 + 58 = 277 (lượt khách)  Đáp số : 277 lượt khách  - HS chia sẻ trước lớp |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 90: THU THẬP – KIỂM ĐẾM (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm và ghi lại kết quả một số đối tượng trong tình huống đơn giản. Vận dụng thu thập, kiểm đếm và ghi lại kết quả trong một số tình huống thực tiễn

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc làm quen với thu thập, phân loại, kiểm đếm và ghi lại kết quả một số tình huống thống kế đơn giản, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số loại đồ vật khác nhau để HS thu thập, kiểm đếm

- Tranh vẽ như SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh theo cặp hoặc theo nhóm, đặt và trả lời câu hỏi về những thông tin quan sát được từ bức tranh. GV đặt câu hỏi hoặc gợi ý để HS nêu số lượng của các khối hình mà GV yêu cầu HS quan sát được từ bức tranh.  - GV đặt vấn đề, nếu bây giờ có thêm nhiều hình khác, việc đến các khối lập phương, các khối cầu sẽ dễ nhầm lẫn hơn. Hãy thảo luận với bạn xem có cách nào giúp chúng ta kiểm đếm và thu thập được thông tin chính xác, tránh nhầm lẫn không? HS thảo luận và nêu một vài ý tưởng  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm và ghi lại kết quả một số đối tượng trong tình huống đơn giản.  **b. Cách tiến hành:**  - GV giới thiệu cách sử dụng công cụ để kiểm đếm ghi lại kết quả: Khi kiểm đếm, mỗi đối tượng kiểm đếm được ghi bằng 1 vạch, cứ như vậy cho đến khi kiểm đếm xong. Đếm số vạch để có số lượng đã kiểm đếm:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   - HS thực hiện kiểm đếm số khối lập phương, khối cầu rồi ghi kết quả ra bảng con  - HS thực hiện kiểm đếm và ghi lại kết quả với một ví dụ thực tiễn trong lớp (ví dụ: kiểm đếm số bạn đeo kính trong lớp,...).  Để thuận tiện trong diễn tả ta có thể quy ước gọi: - vạch đơn; - vạch 5  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**Vận dụng thu thập, kiểm đếm và ghi lại kết quả trong một số tình huống thực tiễn  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Số ?**    - HS tìm số thích hợp ở mỗi ô ? rồi cùng bạn kiểm tra chéo,  - GV gợi ý để HS liên hệ vận dụng vào cách ghi kết quả khi kiểm đếm dùng những vạch như trong bài. HS nhận ra khi sử dụng công cụ kiểm đếm này việc tổng hợp kết quả sẽ nhanh vì chỉ cần đếm 5, 10, 15, 16, có tất cả 16 vạch,  - HS trả lời nhanh câu đố GV đưa ra, chẳng hạn: Để biểu diễn số 20 thì cần ghi như thế nào? (4 lần vạch 5 )  **Bài tập 2: Kiểm đếm số lượng từng loại con vật: châu chấu, chuồn chuồn, bọ rùa và ghi kết quả (theo mẫu):**    - GV yêu cầu HS quan sát tranh kiểm đếm từng loại con vật châu chấu, chuồn chuồn, bọ rùa và ghi lại kết quả.  - HS nói cho bạn nghe cách làm và cũng nhau kiểm tra lại kết quả.  - HS nêu nhận xét rút ra những chú ý để quá trình kiểm đếm ghi lại kết quả được dễ dàng và chính xác.  **Bài tập 3:**  **a. Kiểm đếm số lượng từng loại trái cây: na, thanh long, dâu tây, dứa và ghi kết quả (theo mẫu):**    **b. Trả lời câu hỏi: Loại trái cây nào có nhiều nhất? Loại trái cây nào có ít nhất?**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, kiểm đếm từng loại trái cây nà, thanh long, dâu tây dứa và ghi lại kết quả bằng các vạch đếm,  - HS nói cho bạn nghe cách làm và cùng nhau kiểm tra lại kết quả.  **Bài tập 4: Một người theo dõi thời tiết đã ghi lại thời tiết trong tháng 6 như sau:**    **a. Hãy kiểm đếm và ghi lại kết quả số ngày nắng, số ngày mưa và số ngày nhiều mây**  **b. Nêu nhận xét về số ngày nắng trong tháng trên**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh kiểm đếm số ngày nắng, số ngày mưa và số ngày nhiều mây và ghi lại kết quả bằng các vạch đếm HS nói cho bạn nghe cách làm và cùng nhau kiểm tra lại kết quả  - HS trả lời các câu hỏi trong SGK và đặt thêm các câu hỏi khác từ bức tranh cho bạn trả lời.  - HS tập nêu nhận xét rút ra từ kết quả kiểm đếm đã thực hiện, nói cho bạn nghe nhận xét của mình  - GV chốt lại, gợi ý giúp HS nói ý nghĩa thống kê trong cuộc sống.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5:Trò chơi “Oẳn tù tì”**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Oẳn tù tì”, thực hiện nhiều lần, mỗi lần chơi HS kiểm đếm và ghi kết quả ra giấy nháp hoặc bảng con.  - Cuối trò chơi, GV yêu cầu HS đọc kết quả kiểm đếm và nhận xét ai thắng nhiều hơn.  - GV đặt câu hỏi để HS nêu ý nghĩa của việc sử dụng các vạch đếm trong trò chơi trên và liên hệ với các tình huống kiểm đếm trong thực tiễn.  - HS chia sẻ những tình huống trong thực tiễn con người liên quan đến thu thập, kiểm đếm. GV khuyến khích HS đưa ra một tính huống, lấy ý kiến cả lớp và tiến hành chi lại kết quả bằng các vạch đếm vừa học.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em lũy tìm ví dụ thực tế liên quan đến thu thập, kiểm đếm | **-** HS quan sát tranh theo cặp hoặc theo nhóm  - HS thảo luận với bạn  - HS chú y quan sát GV hướng dẫn  - HS thực hiện kiểm đếm số khối lập phương, khối cầu rồi ghi kết quả ra bảng con  - HS kiểm đếm:  + Số 3  + Số 7  + Số 14  + Số 15  - HS quan sát tranh kiểm đếm từng loại con vật châu chấu, chuồn chuồn, bọ rùa và ghi lại kết quả.   |  |  | | --- | --- | | **+** châu chấu | 5 | | + chuồn chuồn | 3 | | + bọ rùa | 11 |     - HS trả lời các câu hỏi trong SGK và đặt thêm các câu hỏi khác từ bức tranh cho bạn trả lời.  - HS tập nêu nhận xét rút ra từ kết quả kiểm đếm đã thực hiện, nói cho bạn nghe nhận xét của mình, chẳng hạn. Trong tranh vẽ trên có 5 loại quả: dứa, na, táo, dâu tây, thanh long. Loại quả nhiều nhất là dâu tây 12 quả, ít nhất là dứa 4 quả…  a. Tháng 6 có 30 ngày, trong đó có 12 ngày nắng, 8 ngày mưa và 10 ngày nhiều mây.  b. Số ngày nắng trong tháng 6 chiếm chưa được 1 nửa số ngày trong tháng  - Ý nghĩa việc thống kê số ngày nắng, số ngày mưa, số ngày nhiều mây giúp cho con người thấy được thời tiết trong tháng 6, từ đó quyết định những hoạt động phù hợp.  - HS chơitrò chơi “Oẳn tù tì”  - HS chia sẻ y kiến |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 91: BIỂU ĐỒ TRANH (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm một số đối tượng trong tình huống đơn giản.

- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.

- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng việc thu thập, phân loại, kiểm đếm một số đối tượng trong tình huống đơn giản; đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh, nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Các hình của một số loại quả hoặc một số loại hình khác nhau. Hình vẽ một số biểu đồ tranh như SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh theo cặp hoặc theo nhóm, đặt và trả lời câu hỏi về những thông tin quan sát được từ bức tranh.  - HS lấy ra các thẻ in hình các loại trái cây như trong hình vẽ trên HS thảo luận nhóm phân loại trái cây và xếp các thể theo từng loại rồi kiểm đếm số tượng từng loại  - HS thực hiện theo nhóm bàn, đặt câu hỏi và trả lời.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm một số đối tượng trong tình huống đơn giản, đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.  **b. Cách tiến hành:**  - HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Quan sát biểu đồ tranh trong SGK, nhận biết:  + Tên biểu đồ?  + Thông tin trên biểu đồ?  + Biểu đồ tranh ở trên cho biết gì?  - HS thực hiện theo nhóm bàn, quan sát biểu đồ trong SGK nói với bạn về các thông tin quan sát được trên biểu đồ  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Quan sát biểu đồ tranh:**    **Trả lời các câu hỏi:**  **a. Có bao nhiêu khối lập phương màu xanh?**  **b. Có bao nhiêu khối lập phương màu tím?**  **c. Những khối lập phương màu nào có số lượng bằng nhau?**  GV đặt vấn đề: Bạn An phân loại và xếp các khối lập phương theo các màu sắc khác nhau và thể hiện trong biểu đồ tranh:  - GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ tranh và mô tả những thông tin từ biểu đồ đó.  - HS hoạt động theo cặp, đặt và trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu đồ.  - GV chốt lại nhấn mạnh các thông tin liên quan đến biểu đồ  **Bài tập 2: Quan sát biểu đồ tranh sau:**    **Trả lời câu hỏi:**  **a. Mỗi con gà đẻ được bao nhiêu quả trứng?**  **b. Con gà nào đẻ được nhiều trứng nhất? Con gà nào đẻ được ít trứng nhất?**  **c. Ba con gà đã đẻ được tất cả bao nhiêu quả trứng?**  - HS nhận biết vấn đề: Bạn Mai theo dõi số trứng mà 3 con gà đẻ được trong một tuần qua biểu đồ tranh.  - HS thảo luận theo cặp đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các thông tin trên biểu đồ.  - GV chốt lại, gợi ý giúp HS nói ý nghĩa thống kê của việc sử dụng biểu đồ tranh trong cuộc sống.  **Bài tập 3: Quan sát biểu đồ tranh sau:**    **Trả lời câu hỏi:**  **a. Có bao nhiêu học sinh đi học bằng xe búyt**  **b. Có bao nhiêu học sinh đi học bằng xe đạp?**  **c. Các học sinh đến trường bằng phương tiện nào nhiều nhất?**  - GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ, thảo luận theo cặp đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các thông tin trên biểu đồ  - GV chốt lại, gợi ý giúp HS nói ý nghĩa thống kê của việc sử dụng biểu đồ tranh trong cuộc sống. Chẳng hạn. Nhìn vào biểu đồ về phương tiện đến trường của HS lớp 2A chúng ta thấy Các bạn lớp 2A đến trường bằng các loại phương tiện xe buýt, xe đạp, xe máy, đi bộ. Số HS đến trường bằng xe buýt nhiều nhất, số HS đến trường bằng xe đạp ít nhất  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  - HS sử dụng khung tranh trong bài 1 (GV làm một khung bo tương tự treo trên bảng). HS lấy các hình phẳng trong bộ đồ dùng học tập cá nhân, phân loại theo màu sắc rồi xếp vào các ô tương ứng trong bảng. HS kiểm đếm và cho biết các thông tin trên biểu đồ tranh vừa có được.  - HS có thể sử dụng với các đồ vật khác để thu thập, phân loại, sắp xếp, biểu diễn trên biểu đồ tranh.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm ví dụ thực tế liên quan đến sử dụng biểu đồ tranh trong cuộc sống. | - HS quan sát tranh theo cặp  - HS quan sát biểu đồ tranh trong SGK, nhận biết:  + Tên biểu đồ: Số trái cây trong giỏ.  + Thông tin trên biểu đồ: có tên các loại trái cây, số lượng mỗi loại trái cây  + Biểu đồ tranh ở trên cho biết trong một giờ trái cây có 6 quả thanh long 3 quả dứa và 5 quả dâu tây.  - HS quan sát tranh trả lời câu hỏi:  + Tên biểu đồ thể hiện bạn An đã phân loại các hình khối theo màu sắc  + Các mẫu của khối lập phương gồm: xanh, đỏ, tím, vàng.  + Có 6 khối màu xanh, 5 khối màu đỏ, 2 khối màu tím, 5 khối màu vàng.  + Khối lập phương màu đỏ và khối lập phương màu vàng có số lượng bằng nhau.  - HS quan sát biểu đồ tranh:  a. Gà mái mơ đẻ được 4 quả, gà mái ri 6 quả, gà mái đen 5 quả  b. Con gà mái ri đẻ được nhiều trứng nhất,Con gà mái mơ đẻ được ít trứng nhất  c. Ba con gà đã đẻ được tất cả số quả trứng là:  4 + 6 + 5 = 15 (quả)  - Ý nghĩa: Bạn Mai rất thông minh khi biết dùng biểu đồ để theo dõi số trứng mà 3 con gà đẻ được. Toán học giúp ích rất nhiều cho con người trong cuộc sống.  - HS quan sát biểu đồ tranh:  a. Có 9 học sinh đi học bằng xe búyt  b. Có 6 học sinh đi học bằng xe đạp  c. Các học sinh đến trường bằng xe buyt nhiều nhất  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  - HS chia sẻ |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 92: CHẮC CHẮN – CÓ THỂ - KHÔNG THỂ (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: “chắc chắn”, “có thể”, “không thể", thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ "chắc chắn", "có thể”, “không thể", thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL. giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số tranh như SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  a) HS lấy ra 5 thẻ số rồi xếp thành dãy như sau: 3, 2, 3, 3, 3  - HS tưởng tượng:  + Tôi muốn tự bay lên trời bằng đôi tay của mình (không thể).  + Tôi sẽ có quà trong ngày sinh nhật sắp tới (có thể).  + Tôi đang là HS lớp 2 (chắc chắn).  - GV nhận xét: Trong cuộc sống, có rất nhiều hiện tượng người ta dự đoán được khả năng xảy ra của hiện tượng đó.  b) GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận xem bạn nhỏ lấy ra một viên bi thì có nhữngkhả năng nào xảy ra  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: “chắc chắn”, “có thể”, “không thể", thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.  **b. Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  + Quan sát tranh trong SGK, sử dụng các thuật ngữ “không thể", "có thể", “chắc chắn" để mô tả mỗi tình huống trong bức tranh:    - HS thực hiện theo nhóm đôi, quan sát hình về trong SGK đặt câu hỏi và trả lời sử dụng các thuật ngữ “không thể”, “có thể", “chắc chắn” để mô tả mỗi tình huống trong bức tranh.  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Chọn thẻ ghi từ thích hợp với mỗi hình vẽ:**    Gv yêu cầu HS lần lượt thực hiện các thao tác sau:  - Quan sát hành động được mô tả trong tranh, ví dụ: lấy 1 viên bị màu xanh ra khỏi bình chứa. Suy nghĩ về khả năng có thể xảy ra của hành động nói trên.  - Sử dụng các thuật ngữ "không thể xảy ra, có thể xảy ra", "chắc chắn xây ra để diễn tả  - GV chốt lại nhấn mạnh các thuật ngữ “không thể xảy ra”, “có thể xảy ra, “chắc chắn xảy ra” gắn với khả năng xảy ra trong mỗi tình huống  **Bài tập 2: Sử dụng các từ "chắc chắn”, “có thể”, “không thể” để mô tả tình huống trong bức tranh sau:**    - GV yêu cầu HS quan sát tranh.  - HS thảo luận theo cặp sử dụng các từ "chắc chắn”, “có thể”, “không thể để mô tả khả năng xảy ra của hành động được mô tả trong bức tranh.  - GV có thể chiếu những clip để HS dự đoán khả năng đá bóng vào gôn với nhiều bối cảnh khác nhau để HS cảm nhận được tính ngẫu nhiên của hành động đá bóng vào gôn và kết quả xảy ra của hành động đó trong thực tế.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 3: Trò chơi “Tập tầm vông”**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tập tầm vông Chơi theo cặp dự đoán đồ vật có trong một bàn tay (lựa chọn là tay phải hoặc trái).  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì  - Về nhà, em hãy tìm vi dụ về những sự việc xảy ra trong cuộc sống mà con người thường sử dụng các từ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể" để dự đoán khả năng xảy ra của nó. | - HS nói:  + Có thể lấy ra được thể có số 3.  + Có thể lấy được thể có số 2.  + Không thể lấy được thể có số 0  - HS lắng nghe GV nhận xét  - HS quan sát và trả lời:  + Chắc chắn lấy được 1 quả màu xanh  + Có thể lấy được 1 quả màu xanh  + Không thể lấy được 1 quả màu xanh  - HS chọn thẻ ghi thích hợp với mỗi hình vẽ:  + Trường hợp 1 - Lấy ra được 1 quả màu xanh: Có thể xảy ra  + Trường hợp 2 - lấy ra được 1 quả màu đỏ: Không thể xảy ra  + Trường hợp 3 - Lấy ra được 1 quả màu đỏ: Chắc chắn xảy ra  - HS làm việc cá nhân chọn từ thích hợp với mỗi hình về sau đó chia sẻ với bạn kết quả và giải thích cho bạn nghe lí do chọn  - HS thảo luận theo cặp  - Quả bóng có thể vào  - HS chơi theo cặp  - HS chia sẻ trước lớp |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 93: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000. Phân tích được một số có ba chữ số thành các trăm chục, đơn vị

- Thực hành cộng, trừ các số trong phạm vi 1000 và vận dụng để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

- Đọc và nhận xét thông tin trên biểu đồ tranh.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động Đếm số lượng, nếu số tương ứng, sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh hai số, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL hợp túc, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Sơ đồ số có thể viết và xoá như bài 3b

- Sơ đồ đường đi như bài 6.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  Chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm:  - HS đầu tiên trong nhóm viết ra một số rối mời bạn tiếp theo viết một số khác theo yêu cầu nào đó. Chẳng hạn:  + Bạn A viết số 123, mời bạn B viết một số có ba chữ số lớn hơn số mình vừa viết  + Bạn B viết một số chẳng hạn 170 rồi mời bạn C viết một số có ba chữ số giống nhau và bé hơn số bạn vừa viết,  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:**  **a. Số ?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trăm** | **Chục** | **ĐV** | **Viết số** | |  | **?** | **?** | **?** | **?** | |  | **?** | **?** | **?** | **?** |   **b. Số ?**  **391 gồm [?] trăm [?] chục [?] đơn vị, ta viết 391 = [?] + [?] + [?]**  **928 gồm [?] trăm [?] chục [?] đơn vị, ta viết 928 = [?] + [?] + [?]**  **770 gồm [?] trăm [?] chục [?] đơn vị, ta viết 770 = [?] + [?] + [?]**  a) HS thực hiện các thao tác  - Đếm số lượng các khối lập phương, chọn số tương ứng cho 02  - Đọc cho bạn nghe các số vừa viết.  b) Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:  HS có thể đặt câu hỏi để đổ bạn với các số khác, chẳng hạn: Số 888 gồm mấy trằm, mấy chục, mấy đơn vị  **Bài tập 2:< , > , = ?**  **298 [?] 503 189 [?] 189**  **972[?] 890 403 [?] 430**  - Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở  - HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hồi để HS giải thích cách so sánh của các em.  **Bài tập 3:**  **a. Đặt tính rồi tính:**  **239 + 415 782 + 56 484 – 247 622 – 71**  **b. Số ?**   |  |  | | --- | --- | |  |  |   a) GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  b) GV yêu cầu HS quan sát tìm số thích hợp cho mỗi ô [?] rồi nói cho bạn nghe cách làm  - GV đặt câu hỏi cho HS lập luận, giải thích cách tư duy để tìm số cho mỗi ô [?]  - GV có thể gợi ý để HS thấy nếu viết tiếp số theo quy luật đó thì số tiếp theo là số nào.  **Bài tập 4: Quan sát biểu đồ tranh sau rồi trả lời các câu hỏi:**    **a) Lớp 2B có bao nhiêu học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật 2?**  **b) Lớp nào có nhiều học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật nhất?**  - GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ tranh, cùng bạn đặt và trả lời các câu hỏi về những thông tin trong biểu đồ tranh.  - HS trả lời các câu hỏi trong SGK và có thể đặt thêm những câu hỏi khác.  **Bài tập 5:Một người đi 18 km để đến thị trấn, sau đó lại đi tiếp 12 km để đến thành phố. Hỏi người đó đã di được tất cả bao nhiêu?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao)  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và tôi theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình, khuyến khích HS liên hệ với những địa điểm gần gũi trong cuộc sống để GV yêu cầu HS tính toán quãng đường đồng thời cảm nhận được đơn vị đo ki-lô-mét trong thực tế  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6: Tìm quãng đường ngắn nhất từ phòng học STEM tới nhà đa năng:**    - GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ:  - HS thảo luận tìm quãng đường ngắn nhất từ phòng học STEM tới nhà đa năng  - GV khuyến khích HS trình bày theo cách các em quan sát, suy nghĩ, lập luận để tìm quãng đường ngắn nhất, giúp HS nhận ra một vấn đề trong thực tế là có nhiều con đường khác nhau để đi đến địch, vận dụng kiến thức toán học giúp cho con người giải quyết vấn đề hiệu quả hơn  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hàng ngày? | - HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm  a.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Trăm** | **Chục** | **ĐV** | **Viết số** | | 1 | 0 | 6 | 106 | | 3 | 4 | 4 | 344 |   b.  Số 391 gồm 3 trăm 9 chục 1 đơn vị, ta viết 391 = 300 - 90 + 1.  Số 928 gồm 9 trăm 2 chục 8 đơn vị, ta viết 928 = 900 + 20 + 8  Số 770 gồm 7 trăm 7 chục 0 đơn vị, ta viết 770 = 700 + 70.  a. HS đặt tính rồi tính:  239  415  654  +   |  |  | | --- | --- | | 484  247  237  - | 782  56  838  + | |  | 622  71  551  - |   b.  90 707 507 307  807 607 407 207  707 507 307 107  952 852 752 652  752 652 552 452  552 452 352 252  **-**Quan sát biểu đồ tranh sau rồi trả lời các câu hỏi:  a) Lớp 2B có 3 học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật 2  b) Lớp 2C có nhiều học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật nhất  - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở  Bài giải  Người đó đã đi được tất cả số ki-lô-mét là:  18 + 12 = 30 (km).  Đáp số: 30 km.  - HS kiểm tra lại  - HS thảo luận tìm quãng đường ngắn nhất từ phòng học STEM tới nhà đa năng:  + Có 3 con đường đi từ Phòng học STEM đến nhà đa năng:   * Phòng học STEM -> Lớp học -> Thư viện -> Nhà đa năng * Phòng học STEM -> Bể bơi -> Thư viện -> Nhà đa năng * Phòng học STEM -> Bể bơi -> Vườn trường -> Nhà đa năng   - Quãng đường: Phòng học STEM -> Bể bơi -> Vườn trường -> Nhà đa năng là quãng đường ngắn nhất: 300 + 470 + 150 = 920 (m)  - HS chú y lắng nghe |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 94: EM VUI HỌC TOÁN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Nhận biết tiền Việt Nam.

- Đổi tiền từ mệnh giá to ra các mệnh giá nhỏ hơn và ngược lại. Sử dụng tiền để trao đổi, mua bán một cách thông minh thông qua đó HS bước đầu cảm nhận được việc sử dụng tiền làm công cụ để trao đổi, mua sắm.

- Thu thập thông tin, kiểm đếm, phân loại, ghi kết quả trong một số tình huống thực tiễn gắn với trường học, lớp học của HS.

- Ước lượng và thực hành đo độ dài trong thực tế sử dụng đơn vị đo và công cụ đo thích hợp.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động trải nghiệm: tìm hiểu về tiền Việt Nam, đổi tiền, trái nghiệm mua săm, Hồ có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thông qua các hoạt động trải nghiệm thực hành kiểm đếm trong tình huống thực tiễn, ước lượng và đo độ dài, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy lập luận, NL mô hình hoa toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán
* Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua hoạt động nhóm HS có cơ hội phát triển NL hợp tác.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Các tờ tiền mệnh giá 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, 1000 đồng (hoặc tiền thật mệnh giá khác).

- Các thẻ ghi mệnh giá tiền, ví dụ: 5 nghìn đồng, 10 nghìn đồng, 50 nghìn đồng. Một đồ chơi, truyện, báo phẩm thủ công tụ làm để trao đổi, mua bán (HS chuẩn bị trước ở nhà và mang đến lớp).

- Cuộn dây để xác định khoảng cách giữa hai vị trí, thước mét.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**Nhận biết tiền Việt Nam, đổi tiền từ mệnh giá to ra các mệnh giá nhỏ hơn và ngược lại.  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1**. Tìm hiểu về tiền Việt Nam  GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm:  - Cầm tờ tiền Việt Nam, chia sẻ với bạn các thông tin nhìn thấy được trên tờ tiền ở mặt trước, mặt sau  - Thảo luận tiền được dùng vào những việc gì? Tiền được dùng ở những đâu?  - Đại diện nhóm trình bày.  **Hoạt động 2a.** Chơi trò chơi “Đố bạn”  - HS thực hiện theo nhóm: Sử dụng các thẻ tiền giấy để thực hiện đổi tiền.  - Các nhóm phân công nhau lần lượt là "Thủ quỹ” (người giữ tiền), "Kế toàn (người đưa ra quyết định chi tiền), “Khách hàng". Lần lượt đổi vai và thực hiện. Mỗi nhóm cử ra một người là “Giám sát”  - Giám sát của các nhóm nhận xét hoạt động của các nhóm khác, chẳng hạn (tính toán có đúng không, thủ tục có nhanh gọn không giao tiếp và thái độ với khách hàng thế nào?).  **Hoạt động 2b**. Trải nghiệm mua sắm  - HS mỗi nhóm sắp xếp các sản phẩm mang đến thành một gian hàng  - Trong mỗi nhóm phân công nhau phụ trách các công việc cho hợp lý, chẳng hạn người tính toán số tiền hàng cho khách và ghi đơn hàng, xuất hàng mới khách và đưa ra chiến lược quảng cáo,... Mỗi nhóm cử ra một người giám sát các nhóm khác.  - Mỗi HS trong nhóm được nhận 100 nghìn đồng với các mệnh giá khác nhau HS đến các nhóm khác nhau dùng các thẻ tiền nhận được để mua bán  - Giám sát của các nhóm nhận xét hoạt động của các nhóm khác, chẳng hạn (tính toán có đúng không, thủ tục có nhanh gọn không, giao tiếp và thái độ với khách hàng thế nào?).  **Hoạt động 3.** Thực hành, trải nghiệm kiểm đếm, ghi lại kết quả  - Gv yêu cầu HS thực hiện theo nhóm:  - Mỗi nhóm được nhận một nhiệm vụ. HS ra ngoài lớp học kiểm đếm một số đồ vật có trong sân trường chẳng hạn như số cây to trong sân trường, số ghế đá, gối châu hoa, số lớp học, và sử dụng các vạch đếm để ghi lại kết quả.  - Các nhóm báo cáo kết quả, đặt câu hỏi cho nhau và rút ra nhận xét.  - Rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện kiểm đếm, những khó khăn gặp phải và cách khắc phục.  **Hoạt động 4.** Ước lượng khoảng cách giữa hai vị trí theo đơn vị mét rồi dùng thước để kiểm tra dự đoán  HS thực hiện theo nhóm:  - Lựa chọn hai vị trí để đo khoảng cách  - Ước lượng khoảng cách giữa hai vị trí đó với đơn vị đo thích hợp.  - Dùng thước mét để đo, kiểm tra dự đoán, ghi lại số đo đã xác định được.  - Các nhóm báo cáo kếtquả,đặt câu hỏi cho nhau và rút ra nhận xét.  - Rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện ước lượng và đo, những khó khăn gặp phải và cách khắc phục.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - HS nói cảm xúc sau giờ học  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học  - HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại thì em sẽ làm gì? | - HS thực hiện theo nhóm tìm hiểu về tờ tiền Việt Nam  - Tiền sử dụng làm công cụ để trao đổi, mua sắm  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - Các nhóm phân công thành viên theo yêu cầu của GV  - HS tham gia trải nghiệm mua sắm  - HS sắp xếp các sản phẩm mang đến thành một gian hàng  - HS thực hiện theo nhóm kiểm đếm số đồ vật có trong lớp  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, đặt câu hỏi cho nhau và rút ra nhận xét.  - HS thực hiện theo nhóm ước lượng khoảng cách  - Đại diện các nhóm báo cáo kếtquả,đặt câu hỏi cho nhau và rút ra nhận xét.  - HS chia sẻ cảm xúc sau giờ học |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 95: ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000 (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập tổng hợp về đếm, đọc, viết, so sánh, phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị trong phạm vi 1000.

- Thực hiện cộng, trừ các số trong phạm vi 1000 và vận dụng trong tình huống thực tiễn

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động: biểu diễn số bằng nhiều cách khác nhau, đặt câu hỏi và trả lời để giải quyết vấn đề gắn với bối cảnh thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL từ duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học và NL mô hình hoá toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: SGK Toán 2, SGV Toán 2, máy chiếu (nếu có)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A&C. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Ôn tập tổng hợp về đếm, đọc, viết, so sánh, phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị trong phạm vi 1000.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Ghép các thẻ thích hợp:**  Chơi trò chơi "Ghép thẻ” theo nhóm hoặc cả lớp:  - HS ghép các thẻ thích hợp và đọc kết quả.  - HS lí giải tại sao lại chọn các thẻ đó với nhau.  - GV gợi ý để HS nhận ra có thể dùng nhiều cách khác nhau để biểu diễn số như: biểu diễn thông qua số lượng; biểu diễn dùng kí hiệu, biểu diễn đúng lời, biểu diễn bằng các trăm, chục, đơn vị  - GV có thể chiếu nhanh lên màn hình một vài ví dụ tương tự để HS hiểu sâu vấn đề.  **Bài tập 2: Số ?**    - HS thực hiện theo cặp đôi  - Đếm, đọc, nêu số thích hợp cho ô [?] tương ứng với mỗi vạch của tia số  - Chia sẻ với bạn cách làm  **Bài tập 3: Xem tranh và trả lời các câu hỏi:**    **a. Con vật nào nặng nhất**  **b. Cá sấu nặng hơn ngựa vằn bao nhiêu ki-lo-gam?**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc thông tin có được từ nội dung tranh vẽ nói cho bạn nghe, chăng hạn: Hươu cao cổ cân nặng 565 kg  - HS cùng nhau đặt câu hỏi và trả lời về những thông tin trong bức tranh:  - HS có thể đưa ra thêm các câu hỏi khác SGK. GV đặt câu hỏi để HS diễn đạt rõ cách giải quyết vấn đề, cách sử dụng kiến thức toán học để giải quyết vấn đề trả lời những câu hỏi đặt ra.  **Bài tập 4: Đặt tính rồi tính:**  **278 +44169 + 108374-182645-73**  GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính  - Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài tập 5:Trên một chuyến tàu Bắc – Nam có 576 hành khách mua vé ngồi và 152 hành khách mua vé giường nằm. Hỏi chuyến làu đó có tất cả bao nhiêu hành khách?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì  - HS có thể chia sẻ một số thông tin liên quan đến bối cảnh bài toán  - HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ nếu các tình huống liên quan đến phép công, phép trừ gắn với bối cảnh thực trong cuộc sống mà các em gặp.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6:Trò chơi “Con số bí ẩn.**  **- Mỗi bạn viết một số rồi gọi ý cho bạn khác đoán đúng số mình viết.**  **-Sau ba lượt chơi bạn nào đoán đúng được nhiều số nhất sẽ thắng cuộc.**  - HS thực hiện theo nhóm chơi trò chơi “Con số bí ẩn”  + Mỗi bạn viết một số rồi gợi ý cho bạn khác đoán đúng số mình viết. Chẳng hạn bạn A viết ra số 728, bạn A đưa ra gợi ý: Số tớ vừa viết gồm 7 trăm 2 chục 8 đơn vị. Đố bạn tớ vừa viết số nào?  + Sau ba lượt chơi bạn nào đoán đúng nhiều lần nhất sẽ thắng cuộc.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Kiến thức đó có giúp gì cho cuộc sống của chúng ta không?  - Em thích nhất hoạt động nào | **-**HS chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm  - HS thực hiện theo cặp đôi:Số còn thiếu lần lượt là: 680, 790, 850, 930, 999  - HS quan sát tranh, cho biết một số nội dung:Hươu cao cổ cân nặng 565 kg, cá sấu nặng 492 kg, 253 kg  a.Con vật nặng nhất là hươu cao cổ, con vật nhẹ nhất là ngựa vằn.  b. Cá sấu nặng hơn ngựa vằn số ki-lo-gam:  492 – 253 = 239 (kg)  Đáp số: 239 kg   |  |  | | --- | --- | | 278  441  719  + | 69  108  177  + | | 374  182  192  - | 645  73  572  - |   - HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán  - HS thảo luận với bạn cùng cặp  Bài giải:  Chuyến tàu có tất cả số khách là:  576 + 152 = 728 (hành khách)  Đáp án: 728 khách  - HS phân tích bài toán  - HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở  Bài giải  Chuyến tàu đó có tất cả số hành khách là:  576 + 152 = 728 (hành khách)  Đáp số: 728 hành khách  - HS kiểm tra lại.  - HS chia sẻ ‎ kiến |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 96: ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000 (TIẾP THEO) (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng cộng, trừ và cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 1000. Thực hiện nhân, chia trong phạm vi các bảng nhân, chia 2 và 5. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép nhân, phép chia để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**: Một số tình huống tranh và liên quan đến ý nghĩa phép nhân, phép chia tạo không khí vui và phần khởi trước khi vào giỏ học, giữa giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  1. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” ôn lại các Bảng nhân 2, Bảng chia 2, Bảng nhân 5, Bảng chia 5  2. HS chia sẻ các tình huống có phép nhân, phép chia gắn với thực tế  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Tính nhẩm:**  **300 + 600 500 - 400**  **700 + 300 1000 - 800**  **400 + 60 + 3 900 – 300 – 50**  - Cá nhân HS làm bài 1: GV yêu cầu HS tính nhẩm và nếu kết quả.  - HS đổi vở chữa bài, nói cho bạn nghe cách nhẩm.  **Bài tập 2: Tính nhẩm:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **2 x 7**  **2 x 4**  **2 x 8** | **5 x 2**  **5 x 9**  **5 x 6** | **12 : 2**  **6 : 2**  **20 : 2** | **15 : 5**  **30 : 5**  **50 : 5** |   - HS thực hiện tìm kết quả các phép tính nhân, chia  - GV yêu cầu HS đọc cho bạn nghe cùng chữa bài.  **Bài tập 3: Xem tranh rồi viết phép nhân và phép chia thích hợp:**    - GV yêu cầu HS quan sát tranh thảo luận rồi viết phép tính thích hợp.  - HS nhận xét từ một phép nhân ta viết được hai phép chia  - GV khuyến khích HS nêu tình huống phù hợp với mỗi phép tính nhân, chia đã viết  **Bài tập 4: Số ?**  **Mỗi xe đạp có 2 bánh xe:**  **a. 2 xe đạp có [?] bánh xe**  **b. 5 xe đạp có [?] bánh xe**  **c. 6 xe đạp có [?] bánh xe**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận rồi tìm số thích hợp cho ô [?]  - GV khuyến khích HS nêu phép tính tương ứng để nắm chắc ý nghĩa phép tính hơn.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 5: Nhà Nam thu hoạch được 20 quả dưa hấu**  **Trả lời các câu hỏi:**  **a) Nếu chia đều vào 5 rổ thì mỗi rổ có mấy quả dưa hấu?**  **b) Nếu xếp vào mỗi rổ 5 quả dưa hấu thì con mấy rổ?**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh nói cho bạn nghe tình huống trong tranh.  - HS thảo luận với bạn trả lời câu hỏi và nêu phép chia tương ứng.  - GV có thể chiếu trên màn hình việc chia đều 10 quả dưa vào 5 rổ và xếp vào mỗi rổ 5 quả dưa để HS hiểu rõ hơn ý nghĩa phép tính. Khuyến khích HS nêu thêm những tình huống thực tế liên quan đến các phép nhân, phép chia đã học.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Em thích nhất bài tập nào? Vì sao? | - HS tính nhẩm:   |  |  | | --- | --- | | 2 x 7 = 14  2 x 4 = 8  2 x 8 = 16 | 5 x 2 = 10  5 x 9 = 45  5 x 6 = 30 | | 15 : 5 = 3  30 : 5 = 6  50 : 5 = 10 | 12 : 2 = 6  6 : 2 = 3  20 : 2 = 10 |   - HS quan sát tranh thảo luận rồi viết phép tính thích hợp:  5 x 4 = 20 20 : 5 = 4  20 : 4 = 5  - HS quan sát tranh, thảo luận rồi tìm số thích hợp:  a) Mỗi xe đạp có 2 bánh xe, 2 xe đạp có 4 bánh xe. Phép nhân: 2 x 2 = 4  b) Mỗi xe đạp có 2 bánh xe, 5 xe đạp có 10 bánh xe. Phép nhân. 2 x 5 = 10  c) Mỗi xe đạp có 2 bánh xe, 6 xe đạp có 12 bánh xe. Phép nhân: 2 x 6 = 12.  - HS thảo luận với bạn trả lời câu hỏi:  a) Có 20 quả dưa hấu. Nếu chia đều vào 5 rổ thì mỗi rổ có 4 quả. Phép tính: 20 : 5 = 4  b) Có 20 quả dưa hấu. Nếu xếp vào mỗi rổ 5 quả thì cần 4 rồ. Phép tính: 20 : 5 = 4.  - HS chia sẻ |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 97: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng nhận dạng và gọi tên các hình đã học; đo và tính độ dài đường gấp khúc; vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước, xem đồng hồ chỉ giờ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.

- Vận dụng kiến thức, kĩ nặng về hình học và đo lường để tính toán, ước lượng giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

- Phát triển các NL toán học

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, đo, vẽ chia sẻ ý kiến về xem đồng hồ, tính toán cân nặng để giải quyết vấn đề, ước lượng độ dài gắn với bối cảnh thực, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn để toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán, kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Đồng hồ có thể quay được kim phút và kim giờ

- Thước kẻ có vạch chia xăng-ti-mét

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bạn có mấy giờ?". HS quay kim đồng hồ và đố bạn đọc giờ  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1:**  **a. Chỉ ra đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong hình sau:**    **b. Đọc tên các điểm và các đoạn thẳng trong hình sau:**    **c. Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 6 cm**  a) GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ chỉ cho bạn nghe đường thẳng, đường cong, đường gấp khác trong hình bài la  b) GV yêu cầu HS đọc tên các điểm và các đoạn thẳng trong hình.  GV lắng nghe, quan sát HS và định hướng cho GV yêu cầu HS đọc đúng tên điểm, nếu đúng tên các đoạn thẳng theo một thứ tự dễ dàng theo dõi.  c) HS vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 6 cm rồi đưa cho bạn kiểm tra, nói cho bạn nghe cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.  **Bài tập 2: Số ?**    HS thực hiện các thao tác sau:  a) Quan sát hình vẽ ở câu a, đếm số hình tam giác, hình tứ giác, chỉ và nói cho bạn nghe  b) Quan sát hình vẽ ở câu b, đếm số khối trụ, khối cầu, chỉ và nói cho bạn nghe.  **Bài tập 3: Đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCDEG sau:**    - HS đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCDEG.  - HS nói cho bạn nghe các thao tác đo và tính độ dài đường gấp khúc  - GV gợi ý để HS chia sẻ những lưu ý khi đo để số đo được chính xác, những lưu ý khi tính độ dài đường gấp khúc.  **Bài tập 4: Nam nhảy dây từ mấy giờ đến mấy giờ?**    - GV yêu cầu HS quan sát đọc giờ trên mỗi đồng hồ  - HS trả lời câu hỏi: Nam nhảy dây từ mấy giờ đến mấy giờ?  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ thêm thông tin từ tình huống bức tranh, tạo c hội cho GV yêu cầu HS quan sát nêu lập luận, phản biện.  **Bài tập 5:Một thang máy chở được tối đa 600 kg. Hiện tại, thang máy đó đã chở 570kg. Bạn Lan cân nặng 35 kg. Theo em, bạn Lan có thể vào tiếp trong thang máy đó được không?**  - GV yêu cầu HS đọc tình huống.  - HS suy nghĩ đưa ra lập luận xem bạn Lan có thể vào tiếp trong thang máy được không?  - GV tạo cơ hội cho nhiều HS được nói, được trình bảy, khuyến khích HS trình bày rõ ràng, nói đủ thông tin cho người khác hiểu; giải thích ý kiến của mình  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6: Ước lượng chiều cao cột cờ trường em**  - HS sử dụng các đơn vị đo độ dài đã học để ước lượng trong một số tình huống thực tế gắn với lớp học, trường học, gia đình, địa phương các em.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý | - HS chơi trò chơi “Bạn có mấy giờ?"  - HS quan sát hình vẽ  a. HS quan sát hình vẽ chỉ đường thẳng, đường cong, đường gấp khác trong hình  b.  - Điểm: A, B, C, D, E, G  - Đoạn thẳng: AB, AD, DC, CB, DE, EG, GC  c. HS vẽ đoạn thẳng MN dài 6 cm  a.  Có 5 hình tam giác  Có 3 hình tứ giác  b.  Có 3 khối trụ  Có 4 khối cầu  **-** HS đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCDEG  - Bạn Nam nhảy dây từ20 giờ 15 phút đến 8 giờ rưỡi  - HS phân tích bài toán  Bài giải:  Hiện tại, thang máy đó đã chở 570kg, nếu bạn Lan vào thì số cân nặng là:  570 + 35 = 605 (kg)  Vượt quá tối đa 600 kg  Vì thế bạn Lan có thể vào tiếp trong thang máy đó được  - HS ước lượng:  + Cột cờ trưởng em cao khoảng 6m.  + Lớp học của em cao khoảng 4 m.  + Quãng đường từ nhà em đến chợ dài khoảng 3 km  - HS chia sẻ |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 98: ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng kiểm đếm số lượng và ghi lại kết quả, đọc và nhận xét thông tin trên biểu đồ tranh; sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể để mô tả khả năng xảy ra của một hoạt động trò chơi.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, kiểm đếm, thảo luận, chơi trò chơi, chia sẻ ý kiến HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán, kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Một số bông hoa với các màu xanh, đỏ, vàng

- Các thẻ ghi từ số 1 đến số 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhiệm vụ bí mật”  - HS nhặt ngẫu nhiên một tờ giấy hoặc một phong bị ghi nhiệm vụ bí mật (hoặc HS truyền hoa, truyền bóng, khi bóng dừng lại ở bạn nào thì bạn đó nhận được một nhiệm vụ bí mật). HS mở nhiệm vụ, có thể trả lời hoặc mời một vài bạn khác trả lời.  - Nội dung của các nhiệm vụ bí mật giúp HS ôn lại các kiến thức về thống kê và xác suất  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Xem tranh rồi kiểm đếm số lượng từng loại con vật và ghi lại kết quả (theo mẫu):**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm bàn: Quan sát tranh, kiểm đếm số lượng từng loại con vật, ghi lại kết quả.  - Dựa vào kết quả đã kiểm đếm nêu nhận xét về số lượng từng loại con vật  - GV đặt câu hỏi để HS nêu cách kiểm đếm và ý nghĩa của việc kiểm đếm trong cuộc sống.  **Bài tập 2: Quan sát biểu đồ tranh sau:**    **Trả lời các câu hỏi:**  **a) Biểu đồ tranh trên cho ta biết điều gì?**  **b) Bạn Khỏi uống mấy cốc nước trong một ngày**  **c) Bạn nào uống nhiều nước nhất? Bạn nào uống ít nước nhất?**  - GV yêu cầu HS thực hiện theo cặp hoặc nhóm bàn:  + Quan sát biểu đồ tranh, nói cho các bạn nghe thông tin em biết được từ biểu đồ.  + Cùng nhau đặt và trả lời các câu hỏi liên quan đến thông tin biểu đồ.  - Từ các thông tin đó, em có rút ra nhận xét gì?  - Nếu được làm biểu đồ tranh thống kê số nước uống trong một ngày của chính nhóm mình em có làm được không? Hãy thử xem và nêu nhận xét.  **Bài tập 3: Hà và Nam chơi trò chơi “ Bịt mắt chọn hoa”**  **Chọn chữ đặt trước câu mô tả đúng khả năng xảy ra của một lần chơi:**  **A. Hà có thể chọn được bông hoa màu vàng.**  **B. Hà không thể chọn được bông hoa màu vàng.**  **C. Hà chắc chắn chọn được bằng hoa màu vàng.**  a) GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bịt mắt chọn hoa theo nhóm. HS dự đoán minh sẽ rút được bông hoa màu gì rồi chơi xem dự đoán có đúng không. HS sử dụng các thuật ngữ "chắc chắn”, có thể", không thể để mô tả khả năng lấy được một bông hoa màu gì đó sau mỗi lần chơi.  b) HS cùng nhau đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK. Chọn chữ đặt trước câu mô tả đúng khả năng xảy ra của một lần chơi  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 4:Có 5 thẻ ghi các số 1, 2, 3, 4, 5. Hãy rút ra một thẻ và dọc số ghi trên thẻ đó.**  **Sử dụng các từ “chắc chắn", “có thể”, “không thể” để mô tả dùng khả năng xảy ra của một lần rút thẻ**  **a) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 0.**  **b) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 1.**  **c) Thẻ được rút ra là thẻ ghi một số bé hơn 10**  - HS chơi theo nhóm, rút một thẻ bất kì đọc số ghi trên the. HS có thể chơi nhiều lần. Sau khi chơi, HS sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể ” để mô tả đúng khả năng xảy ra của một lần rút thẻ:  a) Không thể rút ra được một thẻ ghi số 0.  b) Có thể rút ra được một thẻ ghi số 1.  c) Chắc chắn thẻ được rút ra là thẻ ghi một số bé hơn 10.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?  Từ ngữ toán học nào em cần chú ý | **-** HS chơi trò chơi “Nhiệm vụ bí mật”  - HS ôn tập về thống kê xác suất  - HS thực hiện theo nhóm bàn  + Chim: 6  + Vẹt: 3  + Rùa: 4 + Thỏ: 7  + Cá: 15  - HS quan sát biểu đồ tranh và trả lời câu hỏi:  a) Biểu đồ tranh trên cho ta biết số cốc nước uống trong một ngày của các bạn Khôi, Giang, Trâm, Phước  b) Bạn Khôi uống 7 cốc nước trong một ngày  c) Bạn Phước uống nhiều nước nhất, Bạn Trâm uống ít nước nhất  - HS làm biểu đồ tranh thống kê số nước uống trong một ngày của chính nhóm mình  - HS chơi trò chơi “Bịt mắt chọn hoa theo nhóm  - HS dự đoán minh sẽ rút được bông hoa màu gì rồi chơi xem dự đoán có đúng không:  Đúng - A. Hà có thể chọn được bông hoa màu vàng  Sai - B. Hà không thể chọn được bông hoa màu vàng.  Sai - C. Hà chắc chắn chọn được bằng hoa màu vàng.  a) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 0 : không thể  b) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 1: có thể  c) Thẻ được rút ra là thẻ ghi một số bé hơn 10 : chắc chắn  - HS chia sẻ cá nhân |

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 99: ÔN TẬP CHUNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Cũng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000

- Củng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 1000, nhận biết ý nghĩa của phép nhân, phép chia và vận dụng để giải quyết vấn đề thực tế.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình tam giác, hình tứ giác, khối trụ, khối cầu. Biết kiểm đếm và ghi lại kết quả một số đối tượng thống kê trong một số tính huống đơn giản.

- Phát triển các NL toán học.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học nhằm giải quyết các bài toán. Qua thực hành luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận

***- Năng lực riêng:***

* Thông qua các hoạt động: đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000 giải quyết bài toán gắn với tình huống thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoa toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm, đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

* Yêu thích học môn Toán, có hứng thú với các con số
* Phát triển tư duy toán cho học sinh

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Học sinh:** Bộ đồ dùng toán lớp 2, SGK Toán 2

**2. Giáo viên**:

- Phiếu học tập.

- Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng khởi để học sinh vào bài mới  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” cả lớp hoặc theo nhóm. HS nêu yêu cầu và mời bạn đếm theo yêu cầu, chẳng hạn: Đếm từ 107 đến 126; Đếm các số tròn trăm; Điểm cách 5 bắt đầu từ 10; Đếm cách 2 bắt đầu từ 4...  **C. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức vừa được học.  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 1: Số ?**    - GV yêu cầu HS quan sát nêu số thích hợp cho ô [?]  - HS nói cho bạn nghe vì sao lại chọn số đó.  **Bài tập 2:**  **a) Tìm số lớn nhất trong các số: 879, 978, 789, 979.**  **b) Tìm số bé nhất trong các số 465, 456,645, 546.**  **c) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn 599, 1000, 769, 687**  - GV yêu cầu 3 HS lên bảng trình bày  - HS dưới lớp nhận xét  - GV kết luận, kiểm tra đáp án  **Bài tập 3:**  **a. Tính:**  **762 + 197 543 – 127 2 x 8 40 : 5**  **b. Nêu phép nhân hoặc phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ:**    a) GV yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  b) HS nêu phép nhân hoặc phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ  - GV khuyến khích HS nói tình huống mô tả phép nhân hoặc phép chia vừa viết giúp HS cùng có ý nghĩa phép nhân, phép chia  **Bài tập 4: Số ?**    - Cá nhân GV yêu cầu HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh được ghép thành từ những loại hình nào? Có bao nhiêu hình mỗi loại? (HS đếm từng loại hình trong tranh vẽ rồi ghi kết quả vào vở),  - HS chỉ vào tranh vẽ diễn đạt theo ngôn ngữ cá nhân  **Bài tập 5:Ngày thứ nhất của hàng bán được 150 l nước mắm. Ngày thứ hai cửa hàng bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 75 l nước mắm. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm?**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì  -HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).  - HS trình bày bài giải vào vở  - GV niên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý GV yêu cầu HS tính ra nhấp rồi kiểm tra kết quả.  **D. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, hoàn thành bài tập  **b. Cách thức tiến hành:**  **Bài tập 6: Xem tranh rồi kiểm đếm số lượng mỗi loại nhạc cụ mà các bạn dạng cảm và ghi lại kết quả**    - GV yêu cầu HS quan sát tranh, kiểm đếm số lượng mỗi loại nhạc cụ mà các bạn đang cầm trên tay rồi ghi lại kết quả.  - Dựa vào kết quả đã kiểm đếm nêu nhận xét về số lượng từng loại nhạc cụ mà các bạn đang cầm.  **E. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì | - HS chơi trò chơi “Đố bạn” cả lớp hoặc theo nhóm  - HS nêu số lớn nhất trong các số 879, 978, 789, 979 là: 979.  - HS nêu số bé nhất trong các số 465, 456, 645, 546 là: 456.  - Các số 599, 1000, 769, 687 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 599,687, 769, 1000.  HS đặt tính rồi tính  a.  762 + 197 = 959  543 – 127 = 416  2 x 8 = 16  40 : 5 = 8  b.  5 x 5 = 25  12 : 2 = 6  - HS nói tình huống mô tả phép nhân hoặc phép chia  - HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh  a. Có 3 hình tứ giác  Có 4 hình tam giác  b. Có 8 khối trụ  Có 4 khối cầu  - HS phân tích bài toán:  Ngày thứ hai cửa hàng bán được số lít nước mắm là:  150 + 75 = 225 (l)  Đáp số: 225 lít  - HS quan sát tranh, kiểm đếm số lượng mỗi loại nhạc cụ:  + Trống lục lạc: 5  + Xúc xắc cầm tay: 4  + Trống dài: 1  + Kẻng: 6  - HS chia sẻ cảm nhận |